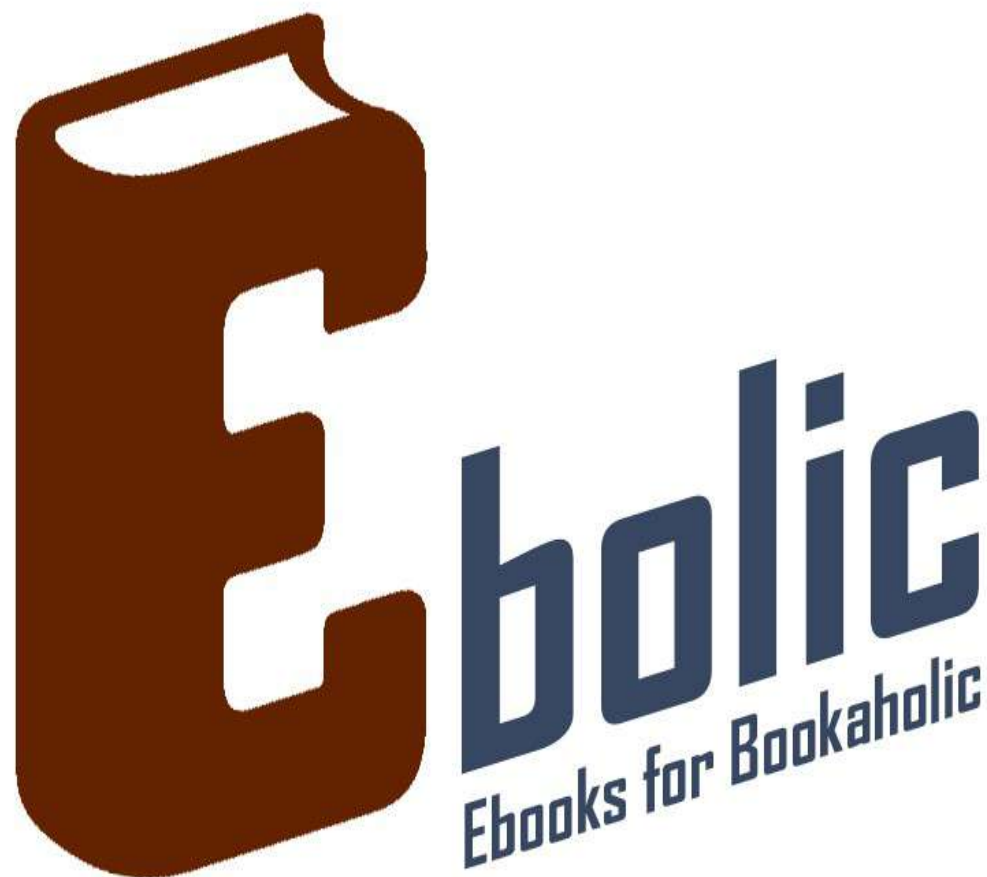


THE INTERNATIONAL BESTSELLING AUTHOR

tiểu thuyết Márai Sándor
Di sản của Eszter

vh 
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC **nhà văn**

Tác phẩm: **Di sản của Eszter**
Nguyên tác: **Eszter hagyatéka**
Tác giả: **Márai Sándor**
Thể loại: **Tiểu thuyết, Kinh điển**
Dịch giả: **Trương Đức Hường**
Nhà phát hành: **Nhã Nam**
Nhà xuất bản: **Văn học**
Năm xuất bản: **12/2008**



Dự án Ebolic #17

Shooting: **Kpage**

Typing: **H.Bourne, Fuurin**

Checking: **H.Bourne**

Leading & Publishing: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **23/5/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: ebook@bookaholic.vn

Group: [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

Fanpage: [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)

MỤC LỤC

Vài nét về Márai Sándor

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

XX

1.

Vài nét về Márai Sándor



Márai Sándor là nhà văn, nhà báo nổi tiếng người Hungary. Ông sinh ngày 11.4.1900 tại Kassa, Hungary (nay thuộc Slovakia), trong một gia đình tư sản. Việc viết lách cuốn hút Márai Sándor từ rất sớm. Năm 18 tuổi, ông xuất bản tập thơ đầu tay của mình. Khi học nghệ thuật tại trường Đại học Budapest, ông thường xuyên cộng tác với tờ Magyaroság. Sau đó, Márai sang Đức, bắt đầu học báo chí tại Đại học Leipzig, triết học tại Đại học Francfort và Đại học Berlin. Trong thời gian này, ông tiếp tục viết bài cho các báo và tạp chí. Márai trở về Budapest năm 1928 và viết tiểu thuyết bằng tiếng Hungary. Với lối viết rõ ràng, thuần khiết và gắn liền với thực tế, các tác phẩm của ông nhanh chóng trở nên nổi tiếng. Ông là một trong những người đầu tiên viết bài phê bình tác phẩm của Kafka. Tiếp đó, Márai lại rời Hungary; sau thời gian sống tại Thụy Sĩ, Ý, ông đến Mỹ năm 1952. Márai qua đời tại San Diego năm 1989.

Trong thời gian ở Mỹ, Márai gần như bị quên lãng tại châu Âu. Nhưng sau đó, đặc biệt là từ năm 1990, các tác phẩm của ông được dịch và phát hành rộng rãi tại Pháp. Sau thành công lớn tại Pháp, các nhà xuất bản trên thế giới bắt đầu chú ý đến tác phẩm của Márai Sándor. Từ đó, tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng như: Ý, Anh, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào

Nha, v.v... Tháng 01/2005, tờ Newsweek có một bài viết dành tặng Márai Sándor mang tựa đề: “Ra khỏi sự lãng quên – Sự phục sinh kỳ lạ của Márai”. Hiện nay, tác phẩm của Márai Sándor được coi là một phần di sản văn học châu Âu và nổi tiếng ngang với các tác phẩm của Stefan Zweig, Joseph Roth và Arthur Schnitzler. Giống như ba cây bút này, Márai Sándor được coi là một trong những nhà văn lớn của thế kỷ XX. Ngoài sáng tác tiểu thuyết và viết báo, Márai Sándor còn làm thơ, viết kịch và dịch sách văn học. Một số tác phẩm nổi tiếng của Márai Sándor: *Zendűlők* (tạm dịch *Những kẻ nổi loạn*), *Egy polgár vallomásai* (*Lời xưng tội của một nhà tư sản*), *Válás Budán* (*Ly hôn ở Budán*), *Di sản của Eszter*, *A gyertyák csonkig égnek* (*Những ngọn nến cháy tàn*)...

2.

I

Tôi không biết Thượng đế còn ban cho tôi những gì nữa? Nhưng trước khi chết, tôi muốn ghi lại câu chuyện đã xảy ra vào cái ngày Lajos đến chỗ tôi lần cuối cùng, và vợ vét nốt mọi của cải.

Ba năm nay, tôi cứ lần lữa việc này. Nhưng giờ đây tôi cảm thấy, tựa hồ như có một tiếng nói khiến tôi không thể cưỡng lại đang thúc tôi phải viết ra câu chuyện của ngày hôm ấy – và mọi điều tôi biết về Lajos – vì đây là nghĩa vụ phải thực hiện của tôi, tôi không còn nhiều thời gian nữa. Tiếng nói này không thể hiểu khác đi được. Vì vậy, nhân danh Thượng đế, tôi chấp thuận.

Tôi không còn trẻ, sức khỏe giảm sút, chẳng còn bao lâu tôi sẽ chết. Tôi có còn sợ cái chết nữa hay không?... Cái ngày Chủ nhật đó, khi Lajos tới đây lần cuối cùng đã chữa lành nỗi sợ chết trong tôi. Có lẽ thời gian, thứ không khoan nhượng, có lẽ kỷ niệm, thứ cũng nghiệt ngã như thời gian, hay một sự khoan dung đặc biệt nào đó – mà theo niềm tin tôi được dạy dỗ, đôi khi là một phần của những gì thua thiệt và bướng bỉnh – hoặc nói đơn giản hơn, chính kinh nghiệm và sự từng trải, đã khiến tôi nhìn cái chết một cách bình thản. Cuộc đời đã tặng cho tôi món quà tuyệt vời và sẽ cướp đi một cách hoàn hảo... Tôi còn chờ đợi điều gì nữa? Tôi phải chết, đó là quy luật, và vì tôi đã hoàn tất định mệnh của mình.

Tôi biết, điều này nghe thật to tát, tôi hơi sợ hãi khi nhìn thấy nó được viết ra. Quả là một ngôn từ kiêu ngạo, cần đặt nó đúng vị trí vì một cái gì đó, một lúc nào đó, trước ai đó. Phải rất lâu, tôi mới nhận thức được định mệnh của mình và tuân phục nó kèm theo sự cự tuyệt vô cùng quyết liệt; đúng vậy, trong nỗi hoang mang tôi đã gào lên. Khi ấy tôi cảm thấy cái chết có thể là sự cứu rỗi, tôi biết rằng chết là giải thoát và bình yên. Cuộc sống là một cuộc chiến và là nỗi ô nhục. Một cuộc chiến đặc biệt! Ai đã ra lệnh, vì sao ta không thể tránh khỏi nó? Tôi đã làm tất cả để chạy trốn. Nhưng kẻ thù đang sau tôi. Giờ đây tôi biết rằng không thể khác được; chúng ta bị ràng buộc vào những kẻ thù, còn bọn họ, không thể trốn chạy khỏi ta.

3.

II

Nếu như tôi muốn trở nên chân thành với lòng mình – còn ý nghĩa nào khác nữa của việc ghi chép này? – tôi cần phải thú thực rằng, trong suốt cuộc đời và những hành động của mình, tôi không tìm thấy dấu vết của sự tức giận Thánh kinh¹, vâng, cả của tính dứt khoát và lòng cứng rắn, những đức tính mà trước những người xa lạ vẫn biểu thị các quan niệm được nhắc đi nhắc lại nhiều lần của tôi về thân phận mình và về Lajos. “Phải hoàn tất định mệnh của mình” – những từ ngữ mới đanh thép và hào nhoáng làm sao! Người ta sống... rồi một ngày chợt nhận ra, mình “đã hoàn tất” hay “chưa hoàn tất” định mệnh của mình. Tôi bắt đầu tin rằng những phán quyết lớn lao của định mệnh, những thứ tạo nên cái nét vạch đặc trưng cho số phận của mỗi chúng ta, kém tự tin hơn nhiều so với điều ta nghĩ khi ngoảnh lại nhìn quá khứ. Tôi, ngày đó, hai mươi năm không gặp gỡ Lajos, cứ ngỡ rằng mình đã được bao bọc kín trong tấm áo giáp trước những kỷ niệm. Rồi một hôm tôi nhận được điện của anh với những lời lẽ như trong một bản nhạc kịch trên sân khấu, với sự độc ác trẻ thơ và vẻ giả dối, như tất cả những gì Lajos đã viết và nói với tôi, cũng như với mọi người cách đây hai mươi năm về trước hay lâu hơn nữa... Giả dối, thật giả dối, sáo rỗng và mơ hồ! – tôi cầm trong tay bức điện, ra vườn tìm Nunu. Dừng lại ở hàng hiên, tôi nói to với Nunu:

– Lajos sẽ quay về!

Tôi không biết giọng của mình như thế nào trong khoảnh khắc ấy. Nhiều khả năng tôi đã không reo lên vì sung sướng. Tôi cất tiếng như một kẻ mộng du bị đánh thức. Con mộng du miên man hai mươi năm. Hai mươi năm tôi đã đi đi lại lại bên rìa vực thẳm, bình lặng, thản nhiên, miệng mỉm cười. Giờ đây tôi tỉnh giấc và nhìn thấy thực tại. Tôi không còn mê man nữa. Cuộc sống đã qua, dường như chết lặng nhưng có một cái gì đây trấn an tinh thần. Nunu đang bó những bông hồng. Bà ngược lên nhìn tôi từ phía khu vườn, mắt chớp chớp trong nắng, già dặn và bình thản.

– Hừm, tất nhiên, – bà nói.

Rồi tiếp tục bó hoa. Bà hỏi:

– Khi nào anh ta đến?

– Ngày mai, – tôi trả lời.

– Được rồi, – bà nói. – Chốc nữa tôi phải khóa bộ đĩa bạc lại.

Tôi bật cười. Nhưng Nunu vẫn nghiêm nghị. Lát sau bà ngồi xuống tảng đá cạnh tôi, đọc bức điện thư. “Chúng tôi đi xe ô tô đến,” – Lajos viết. Đại từ số nhiều ngôi thứ nhất, chúng tôi, suy ra anh ta mang theo cả con cái. “Chúng tôi năm người,” – anh ta viết tiếp. Nunu nghĩ đến những con gà, sữa, kem. Hai người kia là ai? – chúng tôi ngẫm nghĩ. “Chúng tôi ở lại đến tối,” – bức điện thông báo thêm, tiếp sau đó là sự vung vãi từ ngữ một cách phô trương, những từ ngữ mà Lajos không bao giờ biết tiết kiệm kể cả khi đánh điện tín. “Năm người, – Nunu nói, – đến vào buổi sáng, ở lại đến tối.” Cái miệng già nua, nhợt nhạt của bà mấp máy không tiếng động, bà tính toán, tổng cộng. Bà tính chi phí cho bữa trưa và bữa tối. Sau đó bà nói:

– Ta biết Lajos sẽ quay lại lần nữa. Anh ta không dám quay lại một mình! Phải mang theo sự trợ giúp, là lũ con và những người lạ. Nhưng ở đây chẳng còn gì.

Chúng tôi ngồi trong vườn nhìn nhau. Nunu ngỡ bà biết tất cả về tôi. Có lẽ bà biết sự thật, cái sự thật đơn giản, mà chúng tôi đã quẩn chặt bằng biết bao lần vãi trong cuộc đời. Cái “biết tất cả” của Nunu luôn ít nhiều động chạm đến lòng tự ái của tôi. Nhưng đối với tôi, bà vô cùng tử tế, tử tế một cách khô khan và minh mẫn! Cuối cùng bao giờ tôi cũng bị khuất phục. Trong cái màn sương ẩm ướt vô hình bao phủ cuộc đời tôi những năm sau này, Nunu là người cầm đèn, là nguồn sáng nhỏ, yếu ớt, mà ta có thể lần mò theo. Tôi biết là bà không suy diễn đến những khả năng nguy hiểm và đáng sợ như tôi, tôi biết rằng bà nói đùa, khi thoạt nghe nội dung bức điện đã thốt lên phải cất bộ đĩa bạc đi vì Lajos sẽ đến. Quá đáng, tôi nghĩ Nunu giểu cợt. Tôi biết Nunu cuối cùng vẫn sẽ khóa bộ đĩa bạc lại, và cả sau đó, khi câu chuyện chẳng phải về bộ đĩa bạc nào, mà là về tất cả, những điều không thể giấu kín, Nunu sẽ có mặt ở đâu đó quanh tôi với chùm chìa khóa, trong bộ

quần áo màu đen trang trọng của bà, khuôn mặt nhăn nheo im lìm, đôi mắt chớp chớp cảnh giác. Tôi biết rằng không ai trên thế gian này, kể cả Nunu, có thể cứu vớt được tôi.

Nhưng “biết” tất cả những điều này cũng vô ích; tự nhiên tôi cảm thấy dễ chịu trong lòng, như một kẻ không còn bị mối nguy hiểm nào đe dọa. Tôi nhớ đã nói đùa với Nunu. Chúng tôi ngồi ngoài vườn, lắng nghe tiếng vo vo của bầy ong mật say ngất hương vị mùa thu, thủ thỉ với nhau hồi lâu về Lajos và những đứa trẻ, về Vilma, người chị gái đã mất của tôi. Chúng tôi ngồi trước nhà, dưới ô cửa sổ căn phòng nơi hai mươi năm trước mẹ tôi qua đời. Phía trước mặt là hàng cây bồ đề và tổ ong nuôi của cha; nhưng tổ ong trống rỗng. Nunu không thích tỉ mỉ với những tổ ong, một ngày chúng tôi đã bán hết cả mười tám gia đình ong mật. Tiết trời tháng Chín, không khí êm ả và ấm áp. Chúng tôi ngồi trong sự an toàn quen thuộc, sự an toàn của một con thuyền bị đắm và niềm hạnh phúc không mong cầu. Thế nhưng, tôi nghĩ Lajos còn có thể lấy đi cái gì nữa từ nơi đây?... Bộ đĩa bạc?... Mỗi ngày vực vực cười, cái đĩa bạc méo mó thì có đáng giá gì? Rồi tôi nhắm tính, Lajos đã hơn năm mươi tuổi. Mùa hè năm ấy anh ta năm mươi ba. Mấy cái thìa bạc chẳng giúp anh ta được nhiều hơn; còn nếu anh ta vẫn cần thì cứ việc. Nunu chắc cũng nghĩ vậy. Bà thở dài đứng dậy đi vào nhà, từ bục hàng hiên, bà nói:

– Con đừng ở lâu một mình với anh ta. Hãy mời Laci, bác Endre, Tibor đến ăn trưa, như những Chủ nhật khác, khi các con cùng có mặt và hồn nhiên chọc ghẹo nhau. Lajos luôn sợ bác Endre; ta dám chắc là anh ta còn nợ bác ấy. Có ai mà anh ta không nợ? – bà hỏi rồi bật cười.

– Họ quên cả rồi, – tôi nói và cười theo.

Tôi đã bảo vệ Lajos. Tôi có thể làm gì được? Lajos là người duy nhất tôi yêu trong cuộc đời mình.

Bức điện thư mang tin dữ hay tin vui đó đến vào chiều thứ Bảy. Tôi chỉ mơ hồ nhớ về buổi chiều và đêm trước hôm Lajos đến. Không, Nunu đã nói đúng, tôi không sợ Lajos. Có thể sợ người mà ta yêu thương hay thù ghét người chủ tâm thật tử tế hay thật tàn nhẫn, hoặc đều cang với ta hay không. Nhưng Lajos không bao giờ đều cang với tôi. Và, tử tế cũng không, trong cái ý nghĩa mà các cuốn sách giáo khoa đã giảng giải. Anh là con người đê tiện? Tôi không bao giờ cảm thấy anh là con người như vậy. Nhưng sự thật là anh nói dối; anh nói dối như gió rít với sức mạnh thiên nhiên và sự sáng khoái của nó. Anh biết cách nói dối đủ màu đủ vẻ, không thể tưởng tượng nổi. Chẳng hạn anh nói dối là yêu tôi, chỉ tôi thôi. Và sau đó lại lấy Vilma chị gái tôi, làm vợ. Nhưng sau này tôi nhận ra rằng Lajos không chủ ý bày ra tất cả những điều đó; những âm mưu, những ý định khôn ranh và độc ác không bao giờ dẫn dắt anh. Lajos nói rằng anh yêu tôi – và giờ đây tôi cũng không nghi ngờ những lời đó, chỉ có điều anh đã cưới Vilma, có lẽ vì Vilma xinh đẹp hơn hay vì đúng ngày ấy gió Đông thổi, hoặc giả vì Vilma muốn như thế; không bao giờ anh nói ra, vì sao.

Vào cái đêm chúng tôi chờ đợi Lajos trở về – tôi biết, đây là lần cuối cùng trong đời – rất lâu tôi không ngủ, tôi sắp xếp lại những kỷ vật, chuẩn bị cho ngày gặp mặt, và trước khi đi ngủ, đọc những lá thư cũ của Lajos. Giờ đây tôi cũng định ninh một cách mê tín – và trong khi đọc những lá thư cũ này tôi lại cảm thấy cái ý niệm mơ hồ trở dậy với một sức mạnh đặc biệt thuyết phục – rằng trong con người Lajos có một nguồn năng lượng ẩn náu, giống như muôn vàn dòng suối nhỏ từ những ngọn núi cao đêm ngày luôn lách không phương hướng qua các khe núi rồi tan đi nơi tận cùng thăm thẳm của các hang động, không để lại vết tích. Chẳng ai sử dụng và điều khiển nguồn năng lượng này. Bây giờ khi đọc lại những lá thư của anh vào đêm trước cuộc gặp mặt hải hùng, tôi sửng sốt trước sự trào dâng cuộn cuộn không mục đích của năng lượng đó. Trong từng lá thư, anh viết cho tôi với một sức mạnh không chỉ cuốn hút một con người – thậm chí một phụ nữ nhạy cảm – mà có lẽ cuốn hút cả một tập thể hay một đám đông lớn. Những

điều cần nói của những lá thư không có gì đặc biệt “sâu sắc”, tôi không bao giờ cảm thấy anh có khiếu viết lách, vốn từ sơ sài, giọng văn tuềnh toàng – nhưng cách diễn đạt trong từng dòng chữ, không thể hiểu sai đi được, chỉ có thể là của anh! Lajos luôn viết về một hiện thực tưởng tượng nào đấy, mà anh vừa biết và muốn báo tin ngay cho tôi.

Không bao giờ anh viết về tình cảm của mình, cả những dự định cũng không – Lajos kể về thành phố, nơi anh đang ở. Lối miêu tả sinh động đến nỗi người đọc cảm giác như nhìn thấy được cả những con phố, thấy căn phòng nơi anh ngồi viết thư, nghe thấy tiếng của những người ngày hôm trước nói với anh điều gì đấy thú vị và khôn ngoan, phác một kế hoạch lớn lao đang làm bận bịu đầu óc anh – tất cả được anh thổi vào một luồng sinh khí lồ lộ đến kinh ngạc. Nhưng khổ nỗi – một người đọc ngu ngơ cũng có thể cảm thấy – tất cả những điều này đều không đúng, chính xác hơn, đúng ở một nơi nào đấy, nói cách khác, kiểu như cái thành phố mà Lajos miêu tả bằng sự trung thực của thợ chụp ảnh đó chỉ tồn tại trên mặt trăng. Hiện thực giả dối ấy được anh chăm chút làm sống lại trong các lá thư. Cũng như thế, anh vẽ con người, phơng cảnh một cách trang nghiêm với một sự chải chuốt am tường.

Tôi đọc các lá thư và cảm thấy xúc động. Có lẽ chúng tôi mềm yếu trước anh, tôi nghĩ. Nửa đêm, một cơn gió nóng ghê gớm lùa quanh nhà; tôi rời khỏi giường đi đóng các cánh cửa sổ lại. Đang lúc nửa đêm, với sự yếu đuối không ghìm nổi của đàn bà, tôi đứng trước tấm gương soi trên chiếc bàn trang điểm một thời của mẹ, ngắm mình thật kỹ. Tôi biết mình vẫn chưa già. Hai mươi năm ít để lại dấu vết trên thân thể tôi bởi sự ưu ái chua chát của số phận. Tôi không phải một phụ nữ xấu xí, nhưng cũng không thuộc loại nhan sắc hấp dẫn đàn ông; đúng hơn là tôi thuộc loại đàn bà khiến đàn ông tôn trọng và dè dặt khi làm quen. Tôi không béo ra, ơn nhờ công việc làm vườn hay nhờ những đặc điểm như chiều cao, sự hài hòa và cân đối của cơ thể mà nom không béo. Tóc tôi bắt đầu lốm đốm bạc mấy năm gần đây; nhưng những sợi tóc bạc chỉ lẫn đâu đó một cách không lộ liễu trong mái tóc vàng óng đặc biệt của tôi. Thời gian đã vẽ những nếp nhăn nho nhỏ xung

quanh mắt và miệng tôi; đôi tay tôi không còn như xưa, hơi thô sần vì công việc. Vậy mà tôi vẫn thấy mình như một người đàn bà đang ngóng chờ người tình. Giờ đây, dĩ nhiên tình thế thật nực cười; tôi đã qua tuổi bốn lăm, còn Lajos sống với người khác từ lâu, có lẽ đã đi thêm bước nữa. Những năm gần đây, tôi tuyệt nhiên không có tin tức gì về anh. Thình thoảng tôi đọc thấy tên anh liên quan đến một vụ bê bối chính trị nào đó trên vài tờ báo. Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu có một ngày những tin tức về anh – hoặc tốt hoặc xấu – bay xa. Nhưng rồi vụ bê bối ồn ào cũng lắng xuống mau chóng; một lần tôi đọc tin anh đấu súng ở đâu đó, trong sân một doanh trại, anh bắn vào không khí và không bị thương! – tất cả những điều này, cuộc đấu súng và cả việc anh không bị thương nữa, thích hợp với anh một cách kỳ lạ. Tôi không biết cả việc anh có bị bệnh gì nghiêm trọng hay không. Số phận anh khác, tôi nghĩ. Rồi tôi đi nằm với những lá thư, kỷ niệm và ý thức chua chát về tuổi trẻ đã trôi đi của mình.

Tôi sẽ nói dối, nếu thú nhận trong giờ phút này tôi cảm thấy mình đặc biệt không may mắn chút nào. Những năm tháng, vâng: hai mươi, hai mươi hai năm trước tôi đã bất hạnh. Nhưng sau đó, cảm giác ấy đông cứng lại trong tôi như máu đông đặc trong vết thương. Cái sức mạnh trói buộc không cho nỗi đau trỗi dậy trong lòng xa lạ đối với tôi. Có những vết thương “thời gian không chữa khỏi”. Tôi biết, tôi vẫn chưa lành bệnh. Chỉ vài năm sau ngày “chia tay” – thật khó tìm được lời chính xác cho tất cả những gì xảy ra giữa Lajos và tôi – những điều không thể chịu đựng nổi ngày càng trở thành tự nhiên hơn, đơn giản hơn. Tôi không cảm thấy cần thiết phải kêu cầu ai đó giúp sức, tôi không cần cảnh sát, bác sĩ hay linh mục. Tôi đã sống theo cách nào đấy... Có ngày, mọi người lại tập trung quanh tôi, những con người khăng khăng cho rằng họ cần đến tôi. Rồi họ muốn hỏi cưới tôi, hai lần; Tibor, người trẻ hơn tôi vài tuổi và Endre, người mà Nunu luôn gọi bằng bác, mặc dù Endre không già hơn Lajos tí nào. Tôi đã dàn xếp trò chơi chung kén kén chọn chọn rủi ro này theo cách nào đó. Những người đàn ông đó trở thành những người bạn tốt. Đêm nay tôi nghĩ rằng cuộc sống nhân hậu đến kỳ lạ hơn là tôi hy vọng.

5.

IV

Sau nửa đêm, Nunu vào phòng tôi. Nhà chúng tôi vẫn chưa có điện – mẹ tôi không chấp nhận phát minh này và tiếp đó, sau khi mẹ mất, chúng tôi vẫn không cho thợ dẫn điện vào nhà vì lý do tằn tiện – vậy nên những lần thăm viếng của Nunu lúc nào cũng như màn trình diễn trên sân khấu. Bây giờ Nunu cũng đứng như thế, ngọn đèn dầu chấp chờn trong tay, mái tóc bạc lòa xòa, với tấm áo choàng ban đêm như một thiên thần xuất hiện giữa canh khuya. “Lady Macbeth, – tôi mỉm cười nói. – Mời vào, ngồi xuống đây nào.” Tôi biết trước là tối nay bà sẽ thăm viếng tôi.

Nunu là người họ hàng đảm đương tất cả các vai trò thân thích trong gia đình. Bà đến cách đây ba mươi năm, từ những gia đình di dân luôn đi kèm những truyền thuyết về huyết thống: bà sinh ra từ những mối liên kết họ tộc phức tạp giữa các bà dì và các cô em họ từ thời nguyên thủy, bà đến thăm gia đình vài tuần. Sau đó ở lại luôn, vì bà cần như vậy. Về sau bà vẫn ở lại vì tất cả những người trong thang bậc gia đình đều đã ra đi trước bà, dần dần từng thập kỷ, Nunu tiến về phía trước, như trên bậc thang thâm niên trong một công sở: một ngày nọ, bà chiếm chỗ của bà ngoại, chuyển vào căn phòng trên gác và đảm nhận vai trò của người đã khuất. Sau đó, mẹ mất, rồi Vilma. Một ngày Nunu nhận ra, bà không còn “thay” ai nữa; bà nhận ra bà là người còn lại, là gia đình thực sự.

Thành công của sự thăng tiến phức tạp này không bao giờ xâm chiếm đầu óc bà. Nunu không bao giờ muốn trở thành “người mẹ” đối với tôi. Năm tháng trôi đi, bà càng ít nói hơn, bà tỉnh táo, tỉnh táo một cách nghiệt ngã và khô khan, như thể bà đã nếm đủ mọi điều từ chuyến phiêu lưu của cuộc sống và bà đứng vững một cách tự chủ như một món đồ gỗ. Lajos từng có lần nói, bà giống y như lớp vecni trên chiếc tủ bằng gỗ dẻ cũ kỹ. Nunu luôn mặc theo một mốt, mùa đông và mùa hè cũng chỉ một bộ quần áo phẳng phiu may từ thứ vải không phải lụa, không phải len tuyết, màu đen, luôn gây cho tôi và những người lạ mặt chút cảm giác trang trọng. Những năm cuối, bà chỉ nói những lời thật cần thiết. Bà không bao giờ nói gì về đời mình. Tôi biết Nunu muốn chia sẻ mọi nỗi âu lo và sầu muộn của tôi; bà âm thầm chia

sẻ, sau đó bà lên tiếng như thể chúng tôi đã tranh cãi hàng tháng trời, giận dữ và nóng nảy về cùng một đồ vật, và Nunu, bằng một câu ngắn, đặt dấu chấm hết vào cuối cuộc tranh cãi dai dẳng. Bây giờ cũng thế, ngồi xuống mép giường, bà nói:

– Con đã đem kiểm tra chiếc nhẫn chưa?

Tôi ngồi dậy trên giường, day day tay hai bên thái dương. Tôi biết bà nghĩ gì, tôi cũng biết là bà đúng: không bao giờ chúng tôi nói với nhau về chuyện này, hình như tôi chưa bao giờ cho bà xem chiếc nhẫn mà vẫn biết rõ cuộc bà nói đúng, chiếc nhẫn là giả, tôi đoán không sai. Trong những chuyện như thế Nunu như có ma thuật. Bà nghe nói đến chiếc nhẫn khi nào nhỉ? – tôi tự hỏi; nhưng sau đó tôi gạt câu hỏi đi, vì lẽ dĩ nhiên là Nunu biết hết mọi chuyện liên quan đến ngôi nhà, đến gia đình, bản thân tôi và cuộc đời tôi, đến cả những thứ ẩn náu dưới tầng hầm, trên gác xép hay những uẩn khúc trong cuộc đời chị gái tôi; và cũng như vậy, bà ắt phải biết về chiếc nhẫn. Tôi đã hầu như quên hẳn chuyện chiếc nhẫn, bởi thật phiền toái khi nghĩ đến nó. Dạo Vilma chết, Lajos đã đưa chiếc nhẫn này, món đồ trang sức của bà ngoại, cho tôi. Hạt kim cương kích thước trung bình gắn vào chiếc nhẫn bạch kim này là tài sản duy nhất của gia đình. Tôi không rõ gia đình chúng tôi đã thừa hưởng nó như thế nào – nhưng ngay cả cha tôi, người dễ dàng buông tay từ bỏ mọi đồ vật và của cải cũng nâng niu chiếc nhẫn với sự cẩn trọng đến mê tẩn. Giống như những viên kim cương trong kho báu của các hoàng gia, những viên Kohinoor², hoặc tương tự, những viên đá quý đã được đưa vào danh mục, không ai nghĩ đến việc kinh doanh mua bán chúng, công việc của chúng là lấp lánh trên những ngón tay hay vầng trán của một thành viên gia đình vào những buổi hội hè của giới quý tộc, với cung cách đó chúng tôi gìn giữ “chiếc nhẫn” qua bốn thế hệ. Tôi không bao giờ để ý đến giá trị của món châu ngọc này. Trong mọi trường hợp, nó vẫn có giá trị đáng kể, nếu không đến mức quý giá như truyền thuyết của gia tộc đã dạy bảo. Chiếc nhẫn truyền từ bà ngoại sang mẹ, sau khi mẹ ra đi, Vilma được nhận nó. Rồi khi Vilma mất, Lajos, trong những giây phút lâm ly thống thiết của mình, đã ấn nó vào tay tôi.

Cảnh tượng đó tôi còn nhớ rõ ràng. Chúng tôi mai táng Vilma vào buổi chiều. Khi trở về nhà từ nghĩa trang, tôi kiệt sức nằm nghỉ trên divăng trong căn phòng mờ tối. Lajos bước vào phòng, từ đầu đến chân tang tóc – anh mặc tang phục chải chuốt như người lính đóng bộ cho buổi duyệt binh, tôi nhớ anh đã đặt may riêng những chiếc măng sét màu đen cho dịp tang phúng này – rồi anh trao cho tôi chiếc nhẫn cùng vài lời buồn thảm. Tôi quá mệt và bối rối nên cũng không hiểu chính xác những lời của anh; tôi lơ đãng nhìn anh đặt chiếc nhẫn xuống cái bàn con cạnh divăng, và sau đó, không kháng cự, tôi để anh đeo chiếc nhẫn vào ngón tay và nói những lời nhắc nhở. “Chiếc nhẫn này thuộc về em,” – anh nói giọng hào hiệp và âm ảm. Mãi sau tôi mới tỉnh trí lại. Chiếc nhẫn là của Vilma, dĩ nhiên; lẽ đương nhiên, chiếc nhẫn sẽ thuộc về con gái người chị đã qua đời của tôi. Nhưng Lajos thuyết phục tôi bằng một sự sắc sảo đặc biệt. Chiếc nhẫn như thế này, anh nói, không là của cái mà là một biểu tượng, nó là vật biểu tượng cho thang bậc trong gia đình. Mẹ và Vilma đã mất, như vậy chiếc nhẫn thuộc về tôi, người con gái lớn nhất. Tôi không thể tranh luận với anh.

Tôi lẳng lẳng cất chiếc nhẫn đi. Dĩ nhiên tôi không muốn giữ món đồ vật giá trị này một giây phút nào. Lương tâm và tờ chúc thư – mà tôi để cùng chiếc nhẫn trong tủ đựng áo của tôi – là bằng chứng về việc tôi giữ chiếc nhẫn cho Eva, và thu xếp để Eva nhận được nó sau khi tôi chết. Về sau tôi quyết định sẽ trao nó cho Eva nhân dịp đính hôn hoặc vào lễ cưới khi con bé đi lấy chồng. Chúc thư chỉ định rõ ràng những người thừa hưởng số gia tài ít ỏi của tôi – những đứa con mồ côi của Vilma, với một điều kiện: họ không được bán ngôi nhà và khu vườn khi Nunu còn sống. (Tôi cứ tưởng tượng rằng Nunu sẽ sống rất lâu – tại sao lại không? Không có lý do gì cho Thần Chết, cũng giống như không có nguyên do gì khác hơn cho cuộc sống! – và bà sẽ sống lâu hơn tôi sau này. Cảm giác phiêu lưu đó làm tôi thấy lòng mình bình yên.) Tôi cất chiếc nhẫn vì không muốn tranh cãi với Lajos, và vì tôi cảm thấy món đồ đơn giản có giá trị này ngày nào đó có thể trợ giúp cho một người thân của chúng tôi – tôi nghĩ, với số tiền bán chiếc nhẫn, có thể đủ chi trả quần áo tư trang cho một người con gái trẻ – nên nó ở chỗ tôi tốt hơn là trong cái mớ đồ khoa trương vung vãi hỗn độn tự nhiên vấy bọ

quanh Lajos chẳng khác cỏ dại mọc um tùm ở một miền thiên nhiên thích hợp. Anh sẽ bán đi, sẽ đánh bạc hết, tôi nghĩ; và cái việc anh trao tôi chiếc nhẫn đã làm tôi hơi cảm động. Đến lúc ấy – Chúa ơi, hãy ban sức mạnh để con có thể thành người thành thật! – phải, cái khoảnh khắc khi chúng tôi ròng quan tài chị gái tôi xuống lòng đất đã khơi dậy trong tôi niềm hy vọng, biết đâu điều này sẽ xoay chuyển cuộc đời của Lajos, của những đứa trẻ, có lẽ của tôi nữa, theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Chiếc nhẫn sẽ không còn mang ý nghĩa gì nhiều so với toàn bộ cuộc đời... Tôi đã cất chiếc nhẫn đi với những ý nghĩ như thế. Sau này, khi chia tay, tôi mang nó theo cũng vì như vậy, rồi cất giữ nó cùng chúc thư và những kỷ vật của mình.

Trong những năm tháng đó, biết bao lâu không gặp gỡ Lajos, tôi cũng chưa bao giờ xem kỹ chiếc nhẫn, tôi biết chắc trong sự bình thản của kẻ mộng du, chiếc nhẫn là giả.

“Tôi biết”, lời lẽ quái lạ làm sao! Chưa bao giờ tôi cầm chiếc nhẫn trong tay. Tôi e sợ nó. Tôi sợ cả cái nhận thức không bao giờ thốt lên được thành lời ấy. Tôi đã ý thức được tất cả những gì Lajos đụng vào đều đánh mất dáng dấp xác thực của chúng, chúng tan rữa ra thành những nguyên tố và biến hóa như những thỏi kim loại quý trong lò luyện của thầy phù thủy... Tôi đã ý thức được, Lajos có thể làm giả không chỉ những viên đá và kim loại đơn thuần mà cả những con người. Tôi cũng biết rằng một chiếc nhẫn không thể giữ được sự trinh nguyên của nó trong tay Lajos; Vilma mắc bệnh rất lâu, chị tôi không thể trông nom việc gia đình. Lajos sắp đặt mọi thứ trong nhà mà không bị kiểm soát, anh đã tìm thấy chiếc nhẫn... Trong giây phút này, khi Nunu nói ra, tôi biết điều đó là đúng. Lajos đã đánh lừa tôi bằng chiếc nhẫn như đánh lừa với bao thứ khác. Tôi ngồi dậy trên giường, gương mặt tôi có lẽ trắng bệch:

– Nunu đã đem đi xem rồi à?

– Ừ, – Nunu bình tĩnh nói. – Một hôm con vắng nhà và giao chìa khóa cho ta. Ta đã mang đến thợ kim hoàn. Lajos đã trao chiếc nhẫn bạch kim. Anh ta đổi bằng một thứ kim loại màu trắng kém giá trị. Họ bảo là vàng

trắng. Viên đá cũng bị đánh tráo. Vậy đó, chiếc nhẫn mà con gìn giữ bao năm trời chẳng đáng năm xu.

– Không đúng, – tôi nói.

Nunu nhún vai.

– Thôi mà, Eszter! – bà nghiêm giọng trách cứ.

Tôi im lặng nhìn ngọn lửa nển. Dĩ nhiên, nếu Nunu đã nói hẳn là đúng. Và tại sao với chính mình, tôi lại phủ nhận, khi tôi vẫn luôn ngờ ngợ từ xưa, ngay ở khoảnh khắc Lajos trao lại chiếc nhẫn, tôi đã nghi nó là đồ giả. Mọi thứ anh chạm vào đều trở thành đồ giả. Hơi thở của anh mang mùi dịch hạch, tôi nghĩ; tôi nắm tay thành nắm đấm. Không phải vì chiếc nhẫn... đáng kể gì nữa một hay nhiều chiếc nhẫn như thế trong cuộc đời tôi? Tất cả những gì anh chạm vào đều là đồ giả, tôi cho là như vậy. Tôi mông lung suy nghĩ, rồi thốt ra thành lời:

– Có thể, vì tính toán mà anh ấy đã bán đi? Anh ấy sợ sau này bọn trẻ hay ai đó khác sẽ hỏi đến... mà chiếc nhẫn đã bị đánh tráo, anh đưa chiếc nhẫn giả để mọi người tìm nó ở chỗ con? Nếu sau này lộ tẩy ra là nhẫn giả thì mọi người sẽ buộc tội con?...

Tôi vừa nghĩ ngợi vừa tuôn ra thành lời như vẫn quen thói những khi ở bên Nunu. Nếu có ai đó thực sự biết rõ Lajos, thì đó chính là Nunu, người thấu hiểu tim óc anh, mọi ý nghĩ của anh, thậm chí cả những điều ngay chính bản thân anh cũng chưa tưởng tượng. Nunu luôn là người công bằng. Bà nói ôn tồn, ráo hoảnh:

– Ta không biết. Có thể lắm. Nhưng như vậy thì đê tiện quá thế. Lajos không phải loại người tính toán như thế đâu. Lajos không bao giờ gây tội ác. Anh ta cũng yêu thương con. Ta không tin là anh ta lại muốn đẩy con vào một sự bẩn thỉu nào đó bằng chiếc nhẫn. Anh ta chỉ bán đi vì cần tiền; sau đó không có gan thú nhận là đã bán. Hừm, anh ta phải làm một cái thay thế. Và anh ta trao cái nhẫn vô giá trị cho con... Vì sao? Vì tính toán? Vì đê tiện? Có thể chỉ vì muốn tỏ ra hào phóng. Cái giây phút nghĩa cả đến thế: sau khi chôn cất Vilma ở nghĩa trang, các con trở về nhà, và anh ta, Lajos,

với hành động đầu tiên của mình, trao cái món đáng tiền đáng của duy nhất của gia đình là chiếc nhẫn cho con. Khi con kể lại câu chuyện đẹp đẽ ấy, ta đã ngỡ ngợ ngay. Vì thế, sau này ta phải mang chiếc nhẫn đi xem. Của giả.

– Của giả, – bà nói giọng buồn tẻ, máy móc.

Rồi tôi hỏi:

– Tại sao chỉ đến lúc này Nunu mới nói?

Nunu vuốt vuốt lọn tóc bạc trước trán.

– Không cần phải ngay lập tức nói ra tất cả, – bà đáp, giọng gần như ân cần. – Con đã nhận đủ những điều tệ bạc từ Lajos rồi.

Tôi đứng dậy khỏi giường, đến gần tủ tìm chiếc nhẫn trong ngăn kéo chìm. Nunu giúp tôi tìm trong ánh nến chập chờn. Tôi đưa chiếc nhẫn tới gần ngọn nến, nhìn kỹ. Tôi không thạo về đá quý.

– Con hãy cạo nó vào mặt gương ấy, – Nunu bảo.

Nhưng viên đá không cửa đứt mặt kính. Tôi đeo chiếc nhẫn vào ngón tay mình và ngắm nghía. Viên đá phản chiếu một ánh sáng lạnh lẽo và trống rỗng. Một phiên bản hoàn hảo, chỉ một tay thợ kim hoàn điêu luyện mới có thể làm nổi.

Chúng tôi ngồi hồi lâu ở mép giường, ngắm chiếc nhẫn. Sau đó Nunu hôn trán tôi, thở dài và lặng lẽ đi ra. Còn tôi vẫn ngồi như thế hồi lâu, ngắm nghía chiếc nhẫn giả. Tôi nghĩ đến chuyện Lajos tuy chưa đến, nhưng đã lấy đi nơi tôi một điều gì đó. Có vẻ như anh không thể làm khác đi được. Đó là một định luật, thứ định luật của anh. Định luật khủng khiếp – tôi nghĩ; và bắt đầu rùng mình. Tôi ngủ thiếp đi như thế, sờn da gà, với chiếc nhẫn giả đeo ở ngón tay, tâm trí hôn mê như kẻ sống lâu ngày trong không khí một căn phòng kín bưng, một ngày chợt chao đảo bởi luồng khí nghiệt ngã và dữ dội khi cơn gió xoáy cuộc đời bất ngờ ào tới.

Cái ngày Lajos quay trở lại với chúng tôi rơi vào một Chủ nhật cuối tháng Chín. Một ngày ấm áp lạ lùng và trong trẻo màu thủy tinh; những mảng tơ nhện bông bành trôi giữa các lùm cây. Không khí tinh khiết lóng lánh trong trạng thái không chút ẩm ướt, như thứ dung dịch loãng tráng một lớp men thanh tao lên tất cả, tựa hồ mọi sự vật, từ những thứ chập chờn ẩn hiện trên đường chân trời, kể cả bầu trời đều được dùng bút lông phủ lên một lớp sơn nước. Tôi ra vườn từ sáng sớm, cắt hoa thược dược cắm đủ ba bình. Khu vườn của chúng tôi không quá lớn, bao bọc quanh toàn bộ ngôi nhà. Có lẽ vẫn chưa đến tám giờ. Tôi đứng trong khu vườn đắm sương chìm trong sự tĩnh lặng bao la chợt nghe tiếng trò chuyện ở hàng hiên. Tôi nhận ra tiếng anh trai tôi và Tibor. Họ trò chuyện nho nhỏ, trong buổi sáng yên ắng mọi lời nói của họ vọng rõ lại tai tôi, như thể phát ra từ cái loa vô hình nào đó.

Ban đầu, tôi định đánh tiếng rằng tôi nghe tiếng họ, họ không chỉ có một mình. Nhưng câu đầu tiên, với giọng nói bị bóp nghẹn, đã buộc tôi phải im tiếng. Laci, anh tôi hỏi:

– Tại sao cậu không lấy Eszter?

– Vì cô ấy không muốn đến với tôi, – câu trả lời rành rọt.

Tôi nhận ra giọng của Tibor, tim tôi đập mạnh. Vâng, đúng là anh ấy, Tibor, cái giọng nhỏ nhẹ và bình thản, một sự chân quê hiền lành, man mác buồn, nhẫn nại và công bằng toát ra từ mọi lời nói của anh. Tại sao Laci lại hỏi những điều như thế? – tôi nghĩ, chua xót và hồi hộp. Mọi câu hỏi của anh trai tôi luôn có vẻ cật vấn, kèm theo sự tin cậy và thẳng thắn không khoan nhượng. Laci không chấp nhận những bí mật quanh mình. Nhưng người ta thường muốn cất giữ những bí mật của mình. Người khác sẽ đáp lại câu hỏi này của anh một cách lảng tránh, hoặc phản đối cái kiểu suồng sã đó. Còn Tibor đáp nhẹ nhàng, tường tận và chân tình như thể ai đó vừa hỏi về thời gian biểu của những chuyến tàu hỏa.

– Tại sao cô ấy không muốn đến với cậu? – tôi nghe thấy câu hỏi tấn công của anh trai.

– Vì cô ấy yêu người khác.

– Ai? – vang lên câu hỏi thẳng thừng, tàn nhẫn.

– Lajos.

Rồi họ im lặng. Một tiếng xoẹt diêm, ai đó châm thuốc hút. Trong không gian tĩnh lặng, tôi nghe tiếng Tibor thổi tắt que diêm. Câu hỏi mà tôi chờ đợi đến chính xác như tia chớp sau tiếng sấm. Laci lại hỏi.

– Cậu có biết là Lajos hôm nay sẽ đến đây?

– Tôi biết.

– Anh ta muốn gì ở đây?

– Tôi không biết.

– Anh ta cũng nợ tiền cậu chứ?

– Thôi, bỏ qua đi, – cái giọng buồn nản cất lên. – Lâu rồi. Không còn quan trọng nữa.

– Vì anh ta vẫn nợ tôi, – Laci nói, với sự hãnh diện trẻ con tự khoe khoang. – Anh ta hỏi chiếc đồng hồ vàng của cha tôi. Anh ta bảo tôi cho anh ta mượn một tuần. Từ đó đến nay đã hai mươi năm rồi. Không, hợm đã, hai mươi hai năm. Anh ta chưa bao giờ trả lại. Một lần anh ta lấy đi toàn bộ các cuốn sách *Bách khoa toàn thư*. Bảo mượn. Chẳng bao giờ tôi nhìn thấy chúng nữa. Một lần khác anh ta hỏi mượn ba trăm korona. Nhưng tôi không đưa, – giọng Laci vang lên với vẻ tự mãn ngây thơ.

Và giọng nói kia, trầm hơn, từ tốn hơn, thờ ơ đáp lại không kiểu cách:

– Cũng chẳng có gì bất hạnh ghê gớm xảy ra nếu cậu cho anh ta mượn.

– Cậu tin thế sao? – Laci ngượng ngừng hỏi. Tôi đứng giữa các luống hoa, và như thể trông thấy gương mặt con nít ửng đỏ, bối rối ngượng cười và già nua của anh. – Cậu nghĩ gì, anh ta vẫn yêu Eszter?...

Mãi không nghe thấy câu trả lời. Giờ tôi muốn lên tiếng; nhưng đã muộn. Và trong cái tình cảnh nực cười này, năm tháng trôi đi và bản thân vẫn lẻ loi một mình, vào cái buổi sáng ngóng chờ chuyến viếng thăm của người đàn ông đã lừa dối và cướp đi của cải, đứng đờng tai nghe lén giữa những luống hoa trong khu vườn của mình, cảnh trí như trong một áng thơ xưa, tại ngôi nhà, nơi không chỉ diễn ra tất cả những điều này và toàn bộ cuộc đời tôi, mà còn là nơi cất giữ những lá thư của Vilma và Lajos, cả chiếc nhẫn giả, điều tôi vẫn luôn luôn hồ nghi nhưng từ đêm qua đã biết chắc chắn, – trong cái tình huống kịch tính như thế, tôi chợt nhận ra câu trả lời cho câu hỏi này, câu hỏi duy nhất mà tôi còn có thể quan tâm, đã đến muộn. Tibor, vị quan tòa có lương tâm, anh cần nhắc lời nói của mình.

– Tôi không biết, – anh nói. – Tôi không biết, – anh nhắc lại khẽ khàng hơn, như đang bàn luận với ai đó. – Những tình yêu vô vọng không trôi đi mất, – cuối cùng anh nói.

Tiếng trò chuyện của hai người khẽ hẳn đi, rồi họ đi vào nhà. Tôi còn nghe thấy họ hỏi tìm tôi. Tôi đặt những bông hoa xuống tảng đá và đi về cuối vườn, đến cạnh giếng nước, ngồi xuống chiếc ghế băng, nơi hai mươi năm trước Lajos ngỏ lời cầu hôn, áp tay vào trái tim rồi kéo chiếc khăn len che ngực vì lạnh, tôi nhìn ra con đường quốc lộ và bỗng nhiên, không hiểu được câu hỏi của Laci.

Nhiều năm về trước, khi Lajos đến với gia đình chúng tôi, Laci là người đầu tiên tiếp đón anh với một tình cảm quý mến nồng nàn. Thời gian đó trong gia đình cả hai người còn đóng vai trò như “những niềm hứa hẹn lớn lao”. Không ai có thể nói hoàn toàn chính xác Lajos và Laci đã “hứa hẹn” điều gì vì sự thật nếu có ai đó lắng nghe câu chuyện của họ thì, chẳng có gì nghi ngờ, họ hứa hẹn rất nhiều. Họ có một tính cách chung, đó là sự thiếu vắng toàn bộ cảm giác về thực tế, là thú mơ mộng viễn vông, là sự ép buộc phải dối trá không chủ tâm; tất cả những điều này, với một sức mạnh không thể cưỡng lại thúc đẩy hai người đến gần nhau như những cặp tình nhân. Laci đã hãnh diện đưa Lajos đến với gia đình mình. Nhìn bề ngoài, họ cũng hao hao giống nhau: trên gương mặt của cả hai phảng phất nét lãng mạn của thế kỷ trước, mái tóc quăn của Laci mà tôi luôn ưa thích, Lajos cũng có mái tóc như vậy khiến tôi thiện cảm. Một thời gian họ ăn mặc cùng một kiểu, và cái thị trấn nhỏ xôn xao, xáo động bởi những cuộc phiêu lưu ồn ào, bông lông của họ. Nhưng mọi người đều bỏ qua, vì họ là những chàng trai trẻ đáng yêu và rất cuộc, họ cũng chẳng phạm phải điều gì ô danh. Họ giống nhau một cách đáng sợ, kể cả tâm hồn lẫn thể xác.

Tình bạn này không mất đi, dù rằng vào những năm họ ở trường đại học đã xuất hiện những xáo trộn bên trong, rồi mọi điều cũng chẳng dừng lại khi Lajos bắt đầu để ý đến tôi, tình bạn đó không sứt mẻ mà thay đổi một cách lạ lùng. Kẻ mù cũng có thể thấy Laci ghen với Lajos một cách nực cười; anh trai tôi làm tất cả để kết nối người bạn với gia đình, nhưng lại nhìn sự tán tỉnh của Lajos bằng con mắt ác cảm. Khi có thể, anh quấy rối chúng tôi vào những lúc ngượng ngùng bên nhau, chế giễu những biểu hiện nhút nhát của mỗi tình đang chớm nở. Laci ghen tuông nhưng thật ngạc nhiên, hoặc cũng không đến nỗi ngạc nhiên, anh chỉ biểu hiện sự ghen tuông về phía tôi; khi Lajos kết hôn với Vilma, như thể Laci vui hơn lên, anh cư xử với tấm lòng trù mến nhất, sẵn sàng hy sinh. Trong gia đình, mọi người đều biết tôi là đứa em gái cưng, là “điểm yếu” của Laci. Sau này tôi cũng nghĩ, Laci dành tình cảm mật thiết cho tôi và biểu hiện môi ác cảm về phía Lajos

một phần vì sự thay lòng đổi dạ của Lajos. Nhưng cái giả thiết này, tôi không bao giờ có thể chứng minh được, ngay cả cho bản thân mình.

Hai con người giống nhau, hai tính cách gần như tương đồng cùng lúc thi nhau đi tìm tình bạn. Có khoảng thời gian khi Lajos thừa kế một số của cải, hai người đã sống chung trên thủ đô trong một căn hộ lịch sự dành cho những chàng trai chưa vợ, tôi chưa thấy bao giờ nhưng theo lời tả của Laci thì căn hộ này là nơi diễn ra những cuộc gặp gỡ quan trọng nhất trong đời sống tinh thần của xã hội. Tôi có đủ mọi lý do để có thể nghi ngờ tầm quan trọng của cái đời sống tinh thần của xã hội này. Dù sao chẳng nữa, họ sống cùng nhau và có tiền – Lajos trong thời gian đó gần như giàu có và Laci chỉ vì tính tự ái trẻ con mà nhắc đến chiếc đồng hồ vàng và vài trăm đồng bạc bị hỏi mượn, chứ Lajos, vào quãng đời sống dư dật, đã chi tiền cho mọi người, dĩ nhiên cho cả người bạn nổi khố của mình nữa – họ chọn ra vài công tử bột lúc nào cũng có sẵn trong cái xã hội vô tư ăn không ngồi rồi cuối thế kỷ, và nếu có thể đánh giá được, họ đã sống một cuộc sống xa rời thực tế. Nhưng không vì thế mà họ truy hoan, phóng đãng. Lajos không bao giờ thích thú rượu chè, Laci thì tránh xa việc đi chơi đêm. Đúng hơn là họ sống trong sự nhàn rỗi cầu kỳ, phù phiếm và rối rắm, sự nhàn rỗi mà người ngoài cuộc dễ nhầm với một lối sống được chọn lựa kỹ càng, chứa đầy những hoạt động có ý thức hoặc lẫn với ngay “cách sống” mới – đây là từ Lajos thích dùng – mà hai chàng trai tài ba đã bắt tay nhau tạo nên. Trên thực tế, họ giả dối và mơ mộng. Nhưng điều này chỉ sau đó rất lâu tôi mới hiểu. Một sự khuấy động ly kỳ đã xâm nhập vào gia đình chúng tôi cùng với Lajos, người bạn mới. Anh quan sát cách giải trí và cuộc sống làng quê của chúng tôi với sự nhẫn nại, biểu hiện bằng cái lắc đầu hiền lành. Chúng tôi cảm thấy ưu thế của anh và trong trạng thái hoảng sợ, chúng tôi cố gắng bù đắp những thiếu sót của mình. Thế là chúng tôi bắt đầu “đọc”, đầu tiên nhất là những tác giả mà tầm quan trọng của họ được Lajos nêu ra cho chúng tôi – chúng tôi “đọc” chăm chỉ và hồ thẹn như thể chuẩn bị cho kỳ thi quyết định của cuộc đời. Sau này chúng tôi hiểu ra, Lajos chưa bao giờ đọc hoặc chỉ đọc lướt qua công trình của những tác giả và triết gia này, thế mà tác phẩm và thế giới tư tưởng của họ được anh nhấn mạnh biết bao, rồi với cái lắc đầu quở trách,

anh kêu gọi chú ý của chúng tôi với một sự nghiêm khắc hiền từ làm sao. Bùa mê của anh nhanh chóng tác động đến chúng tôi, như sự hấp dẫn của chợ búa đối với đàn bà. Thương cho mẹ tôi, bà là người đầu tiên sững sờ trong cơn mê hoặc này. Chúng tôi “đọc” không biết chán dưới tác động của Lajos và vì sự kính trọng dành cho anh, rồi chúng tôi “ăn mặc” hoàn toàn khác trước, “sống cuộc sống cộng đồng”, theo một cách nào đó, khác hẳn từ trước đến giờ; và chúng tôi cũng sắm sửa bộ đồ gỗ mới cho ngôi nhà. Tất cả mất một khoản tiền lớn, mà chúng tôi không phải là những người giàu có. Mẹ tôi luôn chờ đón Lajos. Bà chuẩn bị cho những cuộc viếng thăm của anh như chuẩn bị cho một kỳ thi nào đó: bà học thuộc lòng những tác phẩm thời mới của Đức vì có lần anh hạ cố hỏi rằng, chúng tôi có biết những tác phẩm nào đó của một B thuộc thành phố Heidelberg không? Không, chúng tôi làm sao biết được. Chúng tôi bắt đầu nháo nhào đi đọc những khái niệm cao siêu trừu tượng về cuộc sống và cái chết. Cha tôi cũng cố gắng vận động bản thân trong thời gian này. Ông uống ít đi và đặc biệt để ý đến bản thân, và nếu có mặt những vị khách của chúng tôi, thì ông, với cuộc đời buồn tẻ, chắp vá chằng chịt của mình, liền lẩn trốn cặp mắt chó visla³ của Lajos. Những vị khách, anh trai tôi và Lajos, thăm viếng chúng tôi vào tất cả những ngày cuối tuần.

Những lúc ấy, ngôi nhà tràn ngập đám người ồn ào. Căn phòng dùng để chuyện trò trước đó, bỗng chốc biến thành một cái gì đấy kiểu như “phòng khách”, nơi Lajos đón tiếp những vị khách đáng quan tâm của thành phố; những con người mà từ trước đến giờ đối với chúng tôi, chính xác hơn là khả nghi, chứ không phải đáng quan tâm, vâng, họ là những nhân vật mà trước đây không bao giờ chúng tôi tiếp đón. Giờ đây họ nhận được giấy phép ra vào tự do. Cha tôi, trong cái áo choàng sờn bạc và với sự thân thiện cổ lỗ sĩ của người, ngượng nghịu đi qua đi lại vu vơ giữa các vị khách cuối tuần – đến chiếc tẩu thuốc ông cũng không dám châm hút trong những ngày này... Còn Lajos thì tiếp nhận, lắng nghe, chỉ trích hay gật gù bằng cái liếc

mắt, rồi khen ngợi, dâng bốc điều gì đó lên chín tầng mây hay nhấn chìm xuống đáy địa ngục. Mọi chuyện diễn ra như thế trong ba năm trời.

Họ, anh trai tôi và người bạn kỳ lạ của anh, không phải là những chàng trai thô lỗ, suốt ngày chè chén say sưa. Cuối năm đầu tiên, người lạ cũng nhận ra là, Laci cũng rơi vào mối quan hệ lệ thuộc với Lajos như mẹ tôi, chị gái Vilma và sau này, cả bản thân tôi. Giờ đây tôi có thể nói mình là người tinh táo và chống chọi được lâu nhất sự hấp dẫn ác quỷ ấy; nhưng tại sao tôi lại dâng bốc mình với niềm vui chiến thắng nhỏ nhoi này? Vâng, từ những khoảnh khắc đầu tiên tôi đã “thấy” Lajos: nhưng tôi có vội vã đón nhận lòng tốt của anh một cách tham lam và mù quáng hay không? Anh thật dịu dàng và đứng đắn. Như chúng tôi nhận thấy không lâu sau đó, anh cùng với Laci bỏ dở việc học hành trên trường đại học; anh nói – tôi nhớ những lời của anh, vào một buổi chiều tà, anh đứng bên cửa sổ, lọn tóc quăn rủ trên vầng trán, và như người đang liệu mình cho một sự hy sinh lớn lao, những lời của anh vang lên một cách cam chịu: – “Anh cần phải đánh đổi sự cô đơn yên ổn và hậu hĩ của văn phòng làm việc bằng những cơ hội đầy hiểm nguy và sôi động của đấu trường loài người”. Anh luôn nói với một giọng như thế, tựa hồ anh đọc trong sách. Lời tuyên bố này làm tôi thấy xốn xang và hoang mang trong lòng. Tôi cảm thấy Lajos, vì một mục đích to lớn nhưng không rõ rệt nào đấy, đành rũ bỏ sự nghiệp của mình, vì ai hoặc một nhóm người nào đó – có thể, vì loài người – sẽ tiếp tục chiến đấu không bằng tri thức, mà bằng phương tiện của cuộc chiến ngày thường. Sự hy sinh này khiến tôi lo lắng, vì trong gia đình chúng tôi, mọi người thích hơn nếu các chàng trai học hành xong xuôi trước khi bước vào “đấu trường loài người”. Nhưng tôi tin Lajos, con đường của anh khác, và những công cụ của anh đặc biệt. Tất nhiên, Laci lập tức đi theo anh trên con đường đã chọn đó. Vào năm thứ ba, họ bỏ học. Lúc đó tôi vẫn còn là một cô bé. Sau một thời gian, Laci quay trở về “thế giới tinh thần”; với số tiền vay mượn cuối cùng bằng thế chấp của gia đình, anh mở hiệu buôn bán sách trong thành phố. Sau những dự định hăng hái ban đầu, anh sống qua ngày đoạn tháng bằng việc bán sách giáo khoa và đồ dùng học tập. Bước đi này của Laci đã bị Lajos thẳng thừng phê phán. Nhưng sau đó, khi chúng tôi bị cuốn hút vào chính trị, anh bật tin.

Về quan điểm chính trị của Lajos, tôi không bao giờ biết chính xác. Tibor, người tôi nhiều lần gắng hỏi về các quan điểm này, nói Lajos không có bất kỳ một hình dung chính trị nào, đơn giản anh là con người nghiêng ngả, và chỉ tìm kiếm phiêu lưu ở những nơi người ta chia sẻ quyền lực. Lời buộc tội này có thể đúng; nhưng không hoàn toàn chính xác. Lajos có thể xả thân vì loài người hoặc vì lý tưởng của nhân loại – bởi anh luôn yêu quý lý tưởng hơn thực tế, có thể vì lý tưởng không nguy hiểm bằng và dễ mặc cả hơn – khi “tìm kiếm phiêu lưu” chính trị, anh sẵn sàng liều mạng, không hoàn toàn vì chiến lợi phẩm mà vì cái không khí hăm hở của cuộc phiêu lưu, anh hoàn toàn cảm nhận được và đau đớn vì cảm hứng thiêng liêng đó. Lajos, với tôi, bắt đầu bằng sự giả dối, sau đó giữa những cơn giả dối, anh chìm đắm và khóc than cho bản thân; rồi với cặp mắt đắm lệ, anh tiếp tục nói dối, sau cùng, mọi người ngã ngửa khi anh nói thật, chân thành như lúc nói dối... Cái khả năng này của Lajos, dĩ nhiên không ngăn cản anh tự xưng là người tiên phong của các đảng cực đoan, có chính kiến đối lập nhau trong thập kỷ vừa qua; cho dù sau một thời gian ngắn, anh được mời ra khỏi tất cả các đảng. Laci may mắn không theo Lajos trên con đường này. Anh trai tôi ở lại với “thế giới tinh thần” của mình, với mùi ẩm mốc của bút chì, thước kẻ và những cuốn sách giáo khoa in tai lừa trên bìa. Nhưng Lajos trôi dạt giữa các hiểm họa; không ai gọi đích danh các “hiểm họa” này, chúng tôi chỉ nghĩ về anh từ xa như về một con người sống ở miền đất đầy bão tố, sấm sét, nơi gần với cơn giận dữ của Thượng đế.

Khi Vilma mất, chúng tôi chia ly, Lajos tách ra khỏi tầm nhìn của gia đình. Rồi tôi quay về nhà, nơi ăn náu cuối cùng, nghèo khó. Tại đây không có gì đợi tôi, chỉ có chỗ nằm và bánh mì khô. Nhưng, ai trở về từ cơn bão đều sẽ hạnh phúc nếu trên đầu còn có một mái che.

Cái mái chở che này – thời kỳ đầu – khá lụp xụp. Khi cha tôi qua đời, Tibor và Endre, những người bạn của chúng tôi đã xem xét lại kỹ lưỡng tài sản của gia đình. Endre là công chứng viên của thị trấn buộc phải tham gia cuộc kiểm định này. Tình trạng vật chất của chúng tôi thời gian đầu tiên có vẻ tuyệt vọng. Lajos, qua vô vàn ống dẫn nhỏ như sợi tóc, vô hình, đã hút mất từ gia đình những gì ít ỏi còn lại sau những biến động cuối cùng: công việc làm ăn thua kém và lụn bại của cha, cú ngã bệnh của mẹ, Vilma lấy chồng rồi mất, Laci mở cửa hàng. Lúc không thể moi thêm đồng tiền mới nào nữa, từ căn nhà cổ, Lajos khuân đồ đạc đi, – làm “kỷ niệm”, như anh nói với vẻ hiếu kỳ và thú vui sưu tầm của một đứa trẻ. Sau này, đôi khi tôi bảo vệ anh trước Endre và Tibor. “Anh ấy chỉ bày trò thôi mà, – tôi bảo khi họ lên án anh. – Trong tính cách của anh ấy có cái gì đấy trẻ con. Anh ấy thích bày trò.” Nhưng những lúc đó, Endre cau kính phản đối. Trẻ con, chúng chơi với những con tàu bé nhỏ hoặc với những viên bi ve màu, anh nói một cách bực bội; còn Lajos “vĩnh viễn” là trẻ con, một đứa trẻ thích nhất trò chơi với những tấm ngân phiếu. Anh không nói, nhưng có thể cảm nhận rằng, anh không coi những tấm ngân phiếu của Lajos là thứ đồ chơi trong sáng và vô hại. Của đáng tội, sau khi cha mất, bỗng dưng lòi đầu ra các tấm ngân phiếu được cho là do cha tôi ký cho Lajos; nhưng tôi không bao giờ nghi ngờ sự xác thực của những chữ ký. Rồi những tấm ngân phiếu đó cũng bị biến thủ như bao thứ khác trong sự phá sản toàn diện.

Khi tôi nhận ra rằng, mình không còn người nào nữa trên thế gian này – ngoài Nunu, người tôi chung sống trong một liên minh đặc biệt, như loài tầm gửi và thân cây, có điều chúng tôi không biết ai là thân cây ai là tầm gửi? – Endre và Tibor cố vớt vát lại cho tôi một thứ gì đó khỏi cái dòng suy tàn đang chảy hàng ngày. Thời gian này, Tibor muốn hỏi cưới tôi. Lúc đó tôi ập úng từ chối; nhưng tôi không nói ra lý do thật sự của mình. Tôi vẫn âm thầm ngóng chờ Lajos, chờ mong tin tức, lời nhắn hoặc có thể một phép màu gì đó. Xung quanh Lajos như có sự diệu kỳ bao bọc: tôi không cảm thấy vô lý nếu phép màu xảy ra, rằng một ngày anh sẽ xuất hiện, có thể một

cách rất nghệ sĩ, kiểu như ca sĩ thiên tài Lohengrin, và một điệu ca thánh thót nào đó cất lên. Sau ngày chúng tôi chia tay nhau, anh biến mất thật đáng kinh ngạc, tựa như anh chụp lên đầu mình một cái mũ sương mù. Nhiều năm, tôi không nghe tin về anh.

Chúng tôi không còn gì, trong tay chỉ trơ trọi ngôi nhà và khu vườn. Ngôi nhà đã bị thế chấp vì một khoản nợ nhỏ. Tôi luôn đinh ninh rằng mình kiên nhẫn, bướng bỉnh và có đầu óc thực tế. Nhưng trong khoảnh khắc, khi chỉ còn lại một mình, tôi đã phải nhận ra rằng, tôi sống ở nơi nào đó, giữa những đám mây chứa đựng vô vàn những tia chớp hiểm họa, và tôi biết quá ít sự thật và những điều chắc chắn về cái thực tại trần trụi của cuộc sống trần gian. Nunu nói khu vườn và ngôi nhà là đủ cho chúng tôi. Đến nay tôi vẫn không hiểu “đủ” là thế nào? Đúng, khu vườn khá rộng, đầy cây ăn quả, Nunu đã tổng khứ toàn bộ những khóm hoa hòe hoa sói lòa loét, rồi đập bỏ các lối đi vòng vèo đắp bằng đất sét đỏ, và đày biệt xứ cái thác nước giả cầu kỳ cùng các tảng đá có rêu phủ xanh rì, bà tham lam tận dụng từng mẩu đất chỉ nhỏ bằng bàn chân với sự chăm chú linh lợi, giống như người ta nâng niu trân trọng đất đai và vườn tược ở những vùng đất toàn sỏi và đá, nơi mà mỗi mét vuông đất trông trọt đều được quây bằng những tảng đá với mục đích chống lại sự xâm nhập của gió bão và kẻ lạ. Khu vườn này là tất cả những gì còn sót lại. Endre và Tibor, suốt một thời gian dài lúc nào cũng khuyên chúng tôi hãy cho thuê vài phòng và phục vụ khách trọ để tăng thu nhập. Kế hoạch đó không thành, vì Nunu không chấp nhận. Bà không phản ứng, cũng chẳng giải thích vì sao, chỉ qua những lời nói, đúng hơn qua sự im lặng của Nunu: bà không muốn tiếp nhận người lạ vào nhà. Nunu thu xếp, “giải quyết” theo cách khác, không giống cách mà người ta chờ đợi. Hai người đàn bà cô quạnh, không trông mong vào đâu được, như bình thường có thể mở xưởng may vá hay nấu nướng gì đó, hoặc tỉ mẩn với công việc chân tay, nhưng Nunu không nghĩ đến những điều như vậy. Sau một thời gian khá lâu, bà mới cho phép tôi mở lớp học dương cầm cho đám ba đứa trẻ của vài gia đình quen biết.

Nhờ cách nào đó chúng tôi đã sống... Bây giờ tôi hiểu, ngôi nhà che chở chúng tôi và khu vườn là tất cả những gì mà người cha có số phận long đong tội nghiệp của tôi để lại, đã cứu mang chúng tôi. Nó là thứ của cải còn sót lại, nó nuôi sống chúng tôi. Ngôi nhà che chở trên đầu chúng tôi; và như thế, cho dù đã bị tước đoạt mất nhiều, chỉ còn lại vài thứ đồ gỗ cũ kỹ, nó là tổ ấm của chúng tôi. Khu vườn cho đồ ăn thức uống hàng ngày, không nhiều không ít, đủ số lượng cần thiết cho những kẻ đắm thuyền. Khu vườn, bằng cách nào đó, sinh sôi nảy nở xung quanh chúng tôi, có lẽ bởi chúng tôi đã dồn tất cả sức lực và niềm hy vọng vào nó. Đôi khi khu vườn có vẻ như một trang trại màu mỡ thực sự, nếu ai đó gieo cuộc đời mình xuống đây, người đó có thể vui sống trọn đời, mà không phải lo nghĩ gì cả. Một hôm, Nunu đi đến quyết định liều lĩnh, bà ươm hạnh nhân lên diện tích một sào rưỡi đất xộp cuối vườn. Vườn hạnh nhân rủ lá, cánh tay bí mật ban phát *manna*⁴ cho những kẻ đói khát. Hàng năm, vườn hạnh nhân đơm trái sum suê, Nunu thu hoạch một cách kín đáo, trịnh trọng; chúng tôi sống yên ổn bằng tiền bán hạnh nhân, trả nợ dần, thỉnh thoảng còn đưa Laci ít tiền. Rất lâu tôi không hiểu điều này; Nunu chỉ mỉm cười và im lặng. Đôi khi tôi dừng lại trước rừng hạnh nhân, ngẫm mê mẩn. Tựa hồ phép màu đã xảy ra, với đất đai và cuộc sống. Có ai đó đang che chở chúng tôi! – tôi cảm thấy điều này.

Vườn hạnh nhân là ý tưởng của cha tôi; nhưng đến khi thực hiện nó, ông đã mệt mỏi. Mười năm về trước, ông nói đất xộp cuối vườn thích hợp với hạnh nhân. Cha tôi không quan tâm tới những cơ hội của cuộc đời, trong con mắt người lạ, ông là người đã để trôi tuột đi, đã làm tiêu tán số tài sản ít ỏi của gia đình. Tuy vậy, sau khi ông qua đời, chúng tôi nhận ra rằng cha tôi, với cái kiêu chảnh mấy khi cất lời và những mặc cảm riêng, lại là người chu tất, để lại mọi thứ cho chúng tôi: ngôi nhà bị thế chấp không phải do cha, mà do mẹ, bà làm theo yêu cầu của Lajos, và khu vườn được ông giữ cho chúng tôi đến tận phút cuối cùng, ông là người phản đối việc chuyển nhà đi nơi khác. Còn lại một mình với Nunu, tôi không có việc gì khác, chỉ suốt ngày quanh quẩn trong khu vườn, thứ tài sản cha để lại. Chúng tôi tu sửa ngôi nhà với sự giúp đỡ của Endre, bác giúp chúng tôi vay có thể chấp một món tiền với lãi suất thấp. Những điều này xảy ra, không hoạch định, không cả ý đồ

và mục đích cụ thể. Một ngày, chúng tôi nhận ra rằng trên đầu mình có mái nhà hứng nắng che mưa, rằng đôi khi tôi có thể mua cho mình tấm vải đủ may một bộ quần áo, Laci mượn được những cuốn sách cần thiết, và rằng nỗi cô đơn, khi chúng tôi tự ái kéo nhau ẩn mình vào sau cơn suy sụp như con thú bị thương thu mình vào hốc, đã tan biến: chúng tôi có những người bạn; vào các tối Chủ nhật, ngôi nhà náo nhiệt tiếng chuyện trò của những người đàn ông, họ khiến chúng tôi, Nunu và tôi, thích nghi với thế giới bên ngoài, họ chia sẻ góc ấm áp trong thế giới tâm hồn họ, nơi chúng tôi có thể yên ổn, không bị phiền nhiễu. Cuộc đời không đáng tuyệt vọng, không phải không thể chịu đựng nổi, như tôi hằng tưởng tượng. Cuộc sống của chúng tôi dần dần ngập tràn những sự kiện mới mẻ: có thêm những người bạn, đúng, cả những kẻ ghen ăn tức ở nữa, như bà mẹ Tibor, bà ta cấm anh, như cô vợ Endre cấm Endre, không được đến với chúng tôi, với sự ghen tuông vô cớ và nực cười. Đôi khi, cuộc sinh tồn này, cả trong nhà và ngoài vườn cây, như một cuộc sống đích thực, có mục đích, và nhiệm vụ bên trong của nó. Chỉ tiếc là nó không có ý nghĩa gì lớn; nó có thể kéo dài như thế vài thập kỷ, tôi sẽ không phản đối, nếu người ta ra lệnh cho tôi phải từ bỏ nó ngay ngày mai. Đó là một cuộc đời bằng phẳng và không hiểm nghèo. Lajos dùng Nietzsche ra lệnh cho chúng tôi phải sống một cách nguy hiểm. Bản thân anh sợ nguy hiểm; anh bước vào những cuộc phiêu lưu chính trị, cũng như tình cảm, với những lời to tát và đầy vũ khí bí mật – những đối trá được chuẩn bị trước, trong túi cất giấu đủ lời hoa mỹ và những lá thư mang nội dung bê bối của các đối thủ. Nhưng cuộc đời của tôi chỉ “nguy hiểm” một thời gian, khi ở gần Lajos. Giờ đây, khi mối nguy hiểm này đã qua đi, tôi nhận ra rằng không còn gì nữa; tôi nhận ra rằng nỗi nguy hiểm này là ý nghĩa chân chính và duy nhất của cuộc sống.

Tôi đi vào nhà, cầm những bông thược dược vừa hái vào lọ, rồi ngồi xuống với khách khứa ngoài hàng hiên. Laci trốn về nhà vào tất cả các Chủ nhật để dùng bữa điểm tâm với chúng tôi. Những khi đó, chúng tôi dọn riêng bữa sáng cho anh ở ngoài hàng hiên, hoặc những hôm thời tiết xấu – trong căn phòng một thời dành cho lũ trẻ chúng tôi, bây giờ được dùng làm nơi tiếp khách, hoặc để hàn huyên. Chúng tôi dọn lên bàn những chiếc chén cổ và bộ thìa đĩa bạc Anh quốc. Laci rót sữa vào tách cà phê của mình từ chiếc bình bạc do một người bà con mộc mạc và nhiệt tình tặng riêng nhân ngày lễ rửa tội của anh năm mười hai năm trước. Tên anh khắc loằng ngoằng bên ngoài chiếc bình. Họ ngồi ngoài hàng hiên, Tibor bập bập tấu thuốc và bới rới nhìn khu vườn. Laci ăn đầy miệng, như hồi còn trẻ con; những bữa điểm tâm ngày Chủ nhật này anh không muốn bỏ qua, như thể chúng gợi cho anh nhớ đến những kỷ niệm thời thơ ấu của mình.

– Anh ta cũng viết cho cả Endre nữa, – Laci nói, miệng đầy thức ăn.

– Anh ấy viết gì? – tôi sững sốt.

– Anh ta viết là Endre cần có mặt, đừng đi đâu ngày hôm nay, vì anh ta cần đến Endre.

– Cần đến Endre? – tôi hỏi và mỉm cười.

– Tibor, có đúng thế không? – Laci hỏi, vì anh luôn cần đến người làm chứng tín nhiệm này. Laci không tin vào những tuyên bố của mình.

– Đúng, đúng thế, – Tibor bực dọc nói. – Anh ta muốn cái gì đấy. Có thể, – anh nói, gương mặt sáng lên, như người vừa tìm ra lời giải đáp phù hợp và đúng đắn duy nhất cho câu hỏi này, – có thể anh ta muốn thanh toán hết nợ nần của mình.

Chúng tôi suy nghĩ. Tôi muốn tin Lajos, và giờ đây, khi Tibor nói ra cái giả thiết này, chính tôi cũng không cảm thấy vô lý. Cùng lúc niềm vui và niềm tin cuồng nhiệt trào dâng trong tôi. Dĩ nhiên rồi, nếu sau hai mươi năm anh ấy quay trở lại! Anh đến đây, nơi mà – tại sao chúng tôi lại tô vẽ cho

anh nhỉ? – anh nợ tất cả mọi người không thứ này thì thứ nợ, tiền bạc, những lời hứa, lời thề thốt! Anh đến đây, nơi mọi cuộc gặp gỡ là cực hình, đau thương và căng thẳng đối với anh: anh quay lại để đối mặt với quá khứ, để thực hiện những lời đã hứa! Sức mạnh gì, niềm hy vọng gì bùng sáng trong tôi? Bỗng nhiên tôi không sợ cuộc gặp gỡ này nữa. Con người, với hàng chục năm ngăn cách, không quay lại nơi người ta từng thất bại. Anh chuẩn bị cho chuyến đi này đã lâu! – tôi ngẫm nghĩ với cảm giác chia sẻ. Anh chuẩn bị đã lâu, ai biết được anh phải lặn lội qua biết bao mê cung, vực thẳm như thế nào trước khi đi đến quyết định. Bỗng chốc tôi bừng tỉnh. Niềm hy vọng mãnh liệt bác bỏ mọi linh cảm hẹp hòi và tỉnh táo, sáng tỏ như vầng dương đang lên, và mọi điều xảy đến với Lajos đã xóa tan tất cả hoài nghi trong tôi. Lajos sẽ đến, cùng lũ trẻ, anh đang trên đường đến với tôi. Và chúng tôi, những người hiểu anh, biết những điểm yếu của anh, chúng tôi cần chuẩn bị cho một cuộc thanh toán, khi Lajos hoàn trả cho mọi người những gì anh mắc nợ: những lời hứa và những tờ ghi nợ! Nunu xuất hiện im lìm trên ngưỡng cửa, hai tay khoanh trước tạp dề, lắng nghe cuộc tranh luận của chúng tôi, rồi lặng lẽ xen vào:

– Endre hẳn sẽ sang ngay. Bác ấy bảo Lajos mời bác đến đây với tư cách người của chính quyền.

Thông báo này khiến mọi hy vọng trong tôi càng bùng lên mạnh mẽ. Lajos cần công chứng viên! Chúng tôi chuyện trò lan man. Laci khích động kể đi kể lại rằng mọi người trong phố đã biết tin Lajos quay trở lại. Đêm qua, tại quán cà phê, một bác thợ may bước đến bàn Laci và nhắc đến mấy tờ hóa đơn cũ, hóa đơn may quần áo chưa thanh toán của Lajos. Một nhân viên thành phố kể về những chiếc ghế bê tông, theo gợi ý của Lajos, thành phố đã đặt làm; đã nộp tiền đặt cọc cho Lajos, nhưng từ đó đến nay chưa thấy mang ghế đến. Bây giờ, những tin tức đó không làm tổn thương kỷ niệm của tôi. Quá khứ của Lajos đầy rẫy những việc làm và những lời hứa hẹn nông nổi như thế. Giờ đây tôi coi tất cả những việc đó là trò lông bông con trẻ. Những giai đoạn khó khăn của cuộc sống đã trôi qua; Lajos đã qua tuổi năm mươi, anh không bỡn cợt với lời nói của mình nữa, anh chịu trách

nhiệm với quá khứ, anh đang trên đường đến với chúng tôi. Tôi về phòng thay một bộ quần áo tươm tất. Laci mơ màng:

– Anh ta luôn xin một thứ gì đó. Cậu còn nhớ không, Tibor, lần cuối cùng cậu gặp anh ta, sau trận cãi cọ gay gắt ấy, lúc đó cậu nói thẳng anh ta là người không có tư cách, cậu kể ra một loạt những tội lỗi của anh ta, tất cả những tội lỗi mà anh ta đã gây ra cho gia đình và bạn bè, cậu bảo anh ta là tên bần tiện cuối cùng: anh ta đã khóc, sau đó ôm lấy tất cả mọi người, và xin tiền từ biệt của cậu? Một trăm hay hai trăm? Cậu nhớ chứ?

– Tôi không nhớ, – Tibor nói, khổ sở và ngượng nghịu.

– Cậu phải nhớ! – Laci thét lên. – Khi cậu không đưa tiền, anh ta bỏ chạy, run lấy bầy, như kẻ đi vào cõi chết. Chúng ta đã đứng đây, cũng tại khu vườn này, chỉ trẻ hơn mười tuổi, và nói chuyện về Lajos. Nhưng đến công, anh ta quay lại, nhỏ nhẹ, bình tĩnh nài nỉ xin hai mươi đồng – “ít tiền lẻ”, anh ta nói như vậy – vì không có tiền mua vé tàu! Cậu đã cho. Chưa từng có ai như thế! – Laci hồ hởi nói; rồi tiếp tục ăn.

– Tôi đã cho, tôi đã đưa, – Tibor lúng búng nói. – Tại sao lại không? Tôi không bao giờ hiểu, tại sao người ta không cho, nếu có? Đối với Lajos, đó không phải là điều quan trọng nhất. – Tibor trầm ngâm nói, ngược mắt lơ đãng nhìn trần nhà.

– Tiền không quan trọng đối với Lajos? – Laci thật sự sửng sốt. – Như thế cậu nói: máu không quan trọng với chó sói.

– Cậu không hiểu, – Tibor nói và đỏ mặt. Anh luôn đỏ mặt khi phải vật lộn với vai trò của vị quan tòa, người giam giữ và kết án; anh cần phải nói sự thật, cả khi biết rằng sự thật ấy không đồng nghĩa với cái công thức sự thật mà mọi người vẫn tin, và chính bản thân anh, vị quan tòa, đã tuyên thệ với nó. – Cậu không hiểu, – anh bướng bỉnh nhắc lại. – Tôi suy nghĩ rất nhiều về Lajos. Ý đồ là tất cả. Ý đồ của Lajos không bản thủ. Tôi biết một trường hợp... một lần, trong cuộc giải trí, anh ấy mượn tiền, một khoản tiền lớn... và vô tình tôi biết, số tiền đó, chưa hề suy suyển, anh ấy đã đưa cho một nhân viên đang gặp hoạn nạn của tôi vào sáng hôm sau. Khoan đã, tôi

chưa nói hết. Dĩ nhiên, đó không phải là một hành động anh hùng, khi đem của người làm phúc ta. Nhưng ngay lúc ấy, bản thân Lajos rất cần tiền, vì những tấm ngân phiếu của anh ấy đã hết hạn, nói thế nào nhỉ, những tấm ngân phiếu hối thúc. Số tiền đó, anh ấy hỏi mượn với cái đầu ngấm men rượu, hôm sau tình táo rồi liền thân nhiên đưa cho một người lạ, trong khi chúng có thể cũng giúp được gì đấy cho anh ấy. Cậu hiểu chứ?

– Không, – Laci thật thà nói.

– Tôi nghĩ, tôi hiểu. – Tibor đáp; sau đó, như thường lệ, như thế hối hận vì những lời nói của mình, Tibor bướng bỉnh im lặng.

Nunu còn nói:

– Các con hãy cẩn thận, anh ta đến vì tiền. Nhưng cẩn thận cũng vô ích. Tibor thế nào cũng sẽ cho tiền.

– Không, tôi không cho thêm nữa đâu. – Tibor nói, vừa cười vừa lắc đầu.

Nunu nhún vai:

– Sao lại không. Giống như hồi trước ấy. Một ít. Hai mươi đồng, một lần nữa. Sẽ phải cho.

– Nhưng tại sao, Nunu? – Laci kinh ngạc và ghen tức hỏi.

– Vì anh ta mạnh hơn. – Nunu dừng dừng nói. Rồi quay xuống nhà bếp.

Khi thay đồ, đứng trước gương, tôi đứng không vững; đây chính là hình ảnh của tôi. Tôi nhìn thấy mình trong quá khứ, nhưng mạnh mẽ như thể con người ấy đang ở trong thực tại này. Khu vườn hiện lên trước mắt tôi, cũng khu vườn này, nơi giờ đây chúng tôi đang đợi Lajos – hai mươi năm trước, chúng tôi từng đứng dưới tán lá cây bạch lạp, trái tim đầy hoang mang và giận dữ. Những lời nặng nề, xúc phạm vang lên. Bấy giờ là mùa thu, cuối tháng Chín. Mùi hương ngào ngạt và ẩm ướt. Chúng tôi, hai mươi năm trước, họ hàng, bạn bè và những người quen, Lajos, như tên trộm bị bắt quả tang, đứng giữa chúng tôi. Anh bình thân, mắt chớp chớp, thỉnh thoảng nhấc kính lau một cách tỉ mỉ. Anh cô độc giữa bầu không khí nung nấu, với cái

vẻ bình thản, như một kẻ biết rằng mình đã thua cuộc, mọi chuyện đã bại lộ giữa thanh thiên bạch nhật, chẳng còn làm được gì khác nữa, ngoài kiên nhẫn chờ đợi lời tuyên án. Thế rồi Lajos biến mất. Chúng tôi tiếp tục sống, một cuộc sống máy móc, như những hình nhân uế oải, mềm oặt. Tựa hồ như chúng tôi chỉ tồn tại một cách tượng trưng: cuộc sống thực sự của chúng tôi phải là chiến đấu, mà là đương đầu với Lajos kia.

Giờ đây tôi nhìn thấy Lajos, giữa bầu không khí năm xưa, trong khu vườn cũ: tất cả sống động trong những xúc cảm ngày ấy. Tôi mặc bộ áo váy màu tím. Như thế khoác lên mình bộ trang phục xưa kia, một bộ đồ hóa trang của cuộc sống. Tôi cảm thấy, tất cả những điều đó, những biểu hiện của một con người – cái sức mạnh và cá tính đó – gây ấn tượng đặc biệt với các đối thủ. Tất cả chúng tôi phụ thuộc vào anh, chúng tôi liên minh chống lại anh, giờ đây, khi anh đến gần, chúng tôi sống kiểu khác, hồi hộp hơn, bị đe dọa hơn. Tôi đứng giữa phòng với những cảm xúc như thế, trong bộ trang phục ngày xưa, trước tấm gương. Lajos đưa những năm tháng xa xưa trở về và khiến cuộc đời mang dấu ấn phi thời gian. Tôi biết, anh không hề thay đổi. Tôi biết, Nunu đúng. Tôi biết, chúng tôi không thể chống lại anh. Cùng lúc, tôi cũng biết, tôi chẳng hiểu cuộc đời thật sự, kể cả cuộc đời mình và những người khác. Tôi chỉ nhìn cuộc đời qua Lajos – đúng vậy, qua một Lajos đối trá. Những người quen đã đến chật khu vườn. Đâu đó vang lên tiếng còi ô tô. Tôi bỗng thanh thản lạ lùng; tôi biết Lajos đã đến vì anh không thể làm khác được, và chúng tôi sẽ tiếp anh, vì không làm khác được. Tất cả thật kinh hoàng, phiền toái và không thể lần lữa được nữa.

Thực tại, cái điều kỳ diệu đó, như gáo nước lạnh dội xuống khiến tôi bừng tỉnh. Lajos đã đến, ngày ấy bắt đầu, ngày Lajos đến thăm, Tibor, Laci và Endre sẽ kể đi kể lại cho đến giờ chót của cuộc đời, với những lời nói bị thay đổi, những kỷ niệm bị tô vẽ, những hình ảnh của hiện thực bị trích dẫn và phủ nhận. Tôi muốn kể lại, một cách trung thực, câu chuyện xảy ra hôm đó. Rất lâu sau, tôi mới hiểu ý nghĩa đích thực của cuộc viếng thăm. Nó mở đầu như màn trình diễn của một gánh xiếc rong. Và kết thúc – không, tôi không thể so sánh đoạn kết, sự ra đi của Lajos với cái gì được. Nó đã kết thúc một cách giản dị. Lajos ra đi, ngày kết thúc, một phần của cuộc sống đã kết thúc. Chúng tôi tiếp tục sống.

Lajos đến với một đoàn hộ tống thật sự. Thậm chí chiếc ô tô đỗ trước ngôi nhà cũng thu hút sự chú ý của nhiều người trong phố. Chiếc xe màu đỏ và cực to, như một chiếc xe buýt chở khách. Từ trong xe, sau này tôi nghe kể lại – vì tôi đã quên không chứng kiến cái khoảnh khắc Lajos đến, khoảnh khắc chờ đợi nhọc nhằn ấy, tôi chỉ có thể lắp ghép những mảnh nhỏ của bức tranh hiện thực dựa vào lời kể không đầu đuôi của Laci và những tô vẽ thận trọng của Tibor mà thôi – từ trên xe bước xuống, đầu tiên là một gã con trai xa lạ, ăn mặc đặc biệt kiểu cách, ôm một con chó có bộ lông màu vàng và cái đầu giống đầu sư tử trên cánh tay. Đó là một giống chó quý của Tây Tạng, dữ và thích cắn. Tiếp theo là một người đàn bà đứng tuổi, trang điểm và ăn mặc trẻ trung, mặc măngtô da, rồi đến Eva, Gabor, sau cùng, bên cạnh tài xế, là Lajos. Họ đến, làm bối rối những người chờ đợi; không ai vội vã bước tới chào họ. Mọi người đứng trong vườn, nhìn chiếc xe đỏ, không động đậy. Lajos nói gì đó với tài xế, rồi bước vào vườn, nhìn quanh, nhận ra Tibor, rồi không một lời chào, anh ngỏ ý:

– Tibor, cho tôi mượn hai mươi đồng. Tài xế cần mua xăng, nhưng tôi không có tiền lẻ.

Vì Lajos nói chính xác những gì người ta chờ đợi ở anh vào giây phút này, nên không ai phản đối; như bị thôi miên, trong khu vườn, nơi hai mươi

năm trước đây họ nhìn thấy Lajos lần cuối, dưới bóng cây bạch lạp, trong diện mạo như thế; và bởi anh chào mọi người cũng với những lời như khi chia tay, ai cũng hiểu, trong mọi chuyện có một quy luật gì đó đã định sẵn; và họ im lặng. Tibor lẳng lẳng đưa tiền cho Lajos. Họ cứ đứng như thế hồi lâu, như các nhân vật trong một vở kịch câm. Lajos đưa tiền cho tài xế, quay lại khu vườn, giới thiệu những người mới đến cho chủ nhà. Khởi đầu là như vậy.

Sau này, nhiều khi tôi ngẫm nghĩ, liệu có hay không trong mọi chuyện, một cái gì đó đã được dàn dựng, một cái gì đó mang hơi hướng của sân khấu? Tôi tin rằng, có; chỉ có điều, cái hơi hướng sân khấu này là vô thức. Nói cách khác, lẽ ra Lajos không thể gây ảnh hưởng được; lẽ ra người ta phải tống khứ anh ta ở bất cứ nơi nào, như một tên cờ gian bạc lận, hay như một tay hề rẻ tiền, mà một thời gian, có thể vì mua vui, có thể vì khiêu khích quá trớn đã được chấp nhận, nhưng rốt cuộc làm người ta phát ngấy, phải quay mặt đi vì nhàm chán mọi ý đồ và mánh lới nhà nghề. Nhưng với Lajos, không ai quay lưng lại được, vì những dàn xếp vụn vặt của anh luôn gây bất ngờ, khiến chính anh cũng cảm thấy thú vị, anh không chuẩn bị trước, nhưng trong thời khắc đỉnh của sự việc, anh sẵn sàng mỉm cười trầm trồ và vỗ tay tự thán phục. Lajos thường ngâm một đoạn thơ trong kịch của Shakespeare, bắt đầu bằng câu: “Đời là một màn kịch.” Anh đóng vai trong màn kịch này, luôn luôn đóng vai chính, trong những cảnh hay ho nhất, không cần học thuộc lòng lời thoại. Giờ đây, trong giây phút cập bến, anh vui sướng dàn dựng, diễn xuất và ngâm thơ. Anh giới thiệu các con mình với những cử chỉ rất kịch và khó hiểu, như thể chúng là những đứa trẻ mồ côi.

Ngay từ những lời đầu tiên, bản án đã vang lên, bản án và lời chỉ trích. Đây, những trẻ mồ côi! – anh nói về hai đứa con với Tibor và Laci. Hai đứa trẻ mà thực ra giờ đây đã thành hai người lớn, Gabor là một kỹ sư đã tốt nghiệp, béo tốt, vụng về, mắt chớp chớp và nhút nhát, còn Eva là một thiếu nữ, rất thành thị, trong bộ đồ thể thao mới nhất, cổ quần khăn lông lủng lẳng hai cái đầu cáo, hơi khinh khỉnh với nụ cười mệt mỏi, phụng phịu. Đây, lũ

trẻ mồ côi! – khi giới thiệu các con của Vilma, cái nhìn và cử chỉ của Lajos như có ý nói, những đứa bé nửa mồ côi này, đã chiến thắng âm mưu của số phận, đã trưởng thành và lành lặn trở về quê hương sau một thời gian xa cách. Tôi thấy thật khó giải thích điều này. Chúng tôi bối rối đối diện với lũ trẻ mồ côi, mắt nhìn xuống. Lajos nói về từng đứa, thẳng thắn và đầy đủ, như thể nhật được chúng ở ngoài đường, những đứa trẻ cầu bơ cầu bất, bị Thượng đế và loài người bỏ rơi, như thể ở đây, trong ngôi nhà này, một ai đó – Tibor hoặc Nunu, hay chính tôi – chính là những người phải gánh trách nhiệm vì số phận của chúng. Không có lời kết án rõ ràng, nhưng từ giây phút đầu tiên, cái giọng điệu đó đã vang lên, khi anh giới thiệu Eva và Gabor. Điều kỳ lạ nhất là tất cả chúng tôi đều cảm thấy, tại nơi đây, giữa khu vườn này, chúng tôi là những kẻ phần nào phải chịu trách nhiệm về những con người từ tận mặt trăng rơi xuống cuộc đời chúng tôi, hai đứa trẻ bảnh bao, chải chuốt, có vẻ khôn ngoan và được giáo dục một cách đáng ngờ – một thứ trách nhiệm theo ý nghĩa thông thường, như thể chúng tôi đã không chia cơm sẻ áo và dành tình cảm của mình cho một người hoạn nạn cần được giúp đỡ. Hai đứa trẻ mồ côi bình thản và chờ đợi, như đã quá quen với những dàn dựng của Lajos, chúng biết, những tiết mục như thế không thể tránh khỏi, cần phải chờ đến hết chương trình và vỗ tay. Lajos, sau phút nghỉ cố ý, khi chúng tôi tràn ngập ý thức phạm lỗi bởi “những đứa trẻ mồ côi”, hăng giọng hai cái, theo thói quen cũ, anh nhanh chóng bắt đầu màn ảo thuật.

Những màn biểu diễn này đã choán hết buổi sáng. Anh say sưa làm việc; có thể nhận thấy, anh nỗ lực hết mình và dốc tất cả tài năng, những gì có thể dốc ra được, với toàn bộ trái tim, với những giọt nước mắt thật, những nụ hôn cháy bỏng, với khả năng hồi tưởng đáng khâm phục, anh trình diễn thật ngoạn mục từng màn kịch. Tài năng của anh làm lu mờ mọi con mắt. Kể cả Nunu. Trong tiếng đồng hồ đầu tiên, chẳng ai trong chúng tôi thốt lên được câu nào. Chúng tôi nín thở theo những màn diễn của anh. Lajos hôn Nunu, hai lần bên phải, bên trái, rồi rút từ trong ví của mình lá thư của ngài quốc vụ khanh; vị quan chức cấp cao thông báo cho Lajos, bạn hữu của ngài, ngài đã nhận được lá thư mà anh thúc giục cất nhắc Nunu lên làm

sếp trưởng bưu điện thành phố, ngài hứa sẽ vận động để đáp ứng đề nghị này. Chính tôi cũng nhìn thấy lá thư; được viết trên thứ giấy chính thức, có đóng dấu và dán tem bạc, một dòng chữ nổi trên góc trái của lá thư: “Quốc vụ khanh”. Lá thư có thật và là bản gốc. Như vậy, Lajos đã làm một cái gì đấy cho Nunu. Chỉ có điều, không ai nói gì về việc Lajos hứa vụ xin xỏ này cho Nunu cách đây đã mười lăm năm, cũng chẳng ai lên tiếng là Nunu đã gần bảy mươi, bà đã quên từ lâu giấc mộng ở sở bưu điện, với cái tuổi của bà, Nunu không còn phù hợp với công việc này nữa, không thể giao phó cho bà một chức vụ đầy trách nhiệm như vậy, Lajos cũng đã muộn với công việc cao cả này; nói chính xác, anh đã muộn mười lăm năm. Điều này, giờ chẳng ai nghĩ tới. Chúng tôi vây quanh họ, Lajos và Nunu, với những cặp mắt lấp lánh, nhẹ nhõm và hân hoan. Tibor hãnh diện nhìn quanh, đôi mắt kính sáng lấp loáng hài lòng: “Thấy chưa, chúng ta làm to! Lajos vẫn giữ lời hứa đấy chứ!” – ánh mắt anh nói lên như thế. Laci cười bối rối; có thể thấy, anh trai tôi cũng đang hãnh diện về Lajos. Nunu khóc. Ba mươi năm ròng Nunu là nhân viên quèn ở một bưu cục chốn quê nhà, trên miền Cao nguyên. Ba mươi năm ao ước vô vọng được tuyển vào biên chế chính thức; đến khi niềm hy vọng của bà tan tành theo năm tháng, bà mới chuyển đến với chúng tôi, già từ hẵn những giấc mộng công danh. Thế mà bây giờ, ghen ngào xúc động, bà đọc những dòng thư có nhắc đến tên mình; ngài quốc vụ không hứa hẹn gì chắc chắn, chỉ gieo một tia hy vọng là sẽ quan tâm đến việc của Nunu, và “xem xét các khả năng”. Không có một khả năng thực tế nào. Nhưng Nunu vẫn khóc, và nói khe khẽ:

– Lajos bé bỏng của ta, cảm ơn con. Có lẽ muộn mất rồi. Nhưng ta rất sung sướng.

– Không muộn, – Lajos nói. – Rồi Nunu sẽ thấy, không muộn.

Anh hào phóng nói, như một người ngang vai phải lứa không chỉ với ngài quốc vụ khanh, mà còn với cả Thượng đế, và có thể thu xếp bất kỳ việc gì, kể cả liên quan đến tuổi già và cái chết.

Chúng tôi sững sờ im lặng.

Sau đó mọi người chuyện trò huyên thuyên, bác Endre đến, bồi rồi đứng bên tảng đá một cách ý tứ, như một người vốn không chủ ý đến mà là bị Lajos khấn nài quá, với tư cách “người của chính quyền”. Lajos sắp xếp. Anh tự giới thiệu, xếp đặt mọi người chụp ảnh chung, ứng khẩu những màn diễn nhỏ, những cảnh hội ngộ, tay bắt mặt mừng, giờ thì không còn hờn giận gì nữa nhé, hãy làm lành với nhau đi – tất cả, ý nghĩa và mục đích thật sự của cuộc viếng thăm, bằng những câu nói nửa chừng, anh giấu nhem đi sau cái không khí hoan hỉ và lóng ngóng của việc xếp hàng chụp ảnh chung; ai cũng ngoan ngoãn nghe lời anh, chúng tôi mỉm cười ngượng nghịu, cả bác Endre nữa; bác ôm dưới nách một cái cặp đựng những thứ gì bên trong không bao giờ chúng tôi biết được, có thể việc mang theo nó chỉ có ý nghĩa tượng trưng, ý nói không phải tự bác muốn đến đây mà chỉ là việc thực thi nhiệm vụ thôi. Có thể nhìn thấy niềm vui trên gương mặt mọi người, niềm vui vì gặp gỡ Lajos, vì sự hiện diện của chính mình tại đây. Tôi sẽ chẳng ngạc nhiên, nếu đám đông tụ tập bên trong hàng rào kia đột nhiên cùng cất tiếng hát. Một trạng thái huyên náo như cơn lũ ủa đến chúng tôi trong cơn hưng phấn trào dâng đã xóa nhòa đi tất cả những chi tiết cụ thể. Khi hoàng hôn xuống, ai nấy phần nào hoàn hồn, chúng tôi sững sờ nhìn nhau như những khán giả bị thôi miên bởi màn ảo thuật của một đạo sĩ Ấn Độ; ông thầy tu tung sợi dây thừng lên không trung, bám vào đấy leo lên, rồi biến mất trong những tầng mây trước con mắt ngạc nhiên của chúng tôi. Tất cả nhìn lên trời tìm kiếm; rồi kinh ngạc nhận ra, ông ta vẫn đang uốn éo trước mặt chúng tôi, trên mặt đất, và quay những chiếc đĩa.

Nunu bày bàn điểm tâm, khách khứa ngồi ngoài hàng hiên, lại chào hỏi nhau và dùng bữa một cách không thoải mái. Mọi người đều cảm thấy, chỉ sức mạnh ma quái của Lajos mới khiến sự gượng gạo này tan biến. Như thế mọi ngôn từ, mọi câu nói đều thuộc về những vai kịch. Mỗi giờ đồng hồ đều là một sự sắp đặt; “màn một”: ăn sáng, muộn hơn “thăm vườn”. Đôi khi, với con mắt đạo diễn, Lajos phát hiện ra không khí ỉu xìu ở một nhóm nào đó, anh vỗ tay và khởi nhịp. Nhưng cuối cùng, anh bỏ mặc họ để ở lại một mình với tôi ngoài vườn. Laci vẫn đang phấn khích, vừa ăn vừa trò chuyện, anh trai tôi hoàn toàn để cho niềm vui cuốn mình đi, bởi Laci là người đầu tiên lập tức bị khuất phục, anh đã quên hết mọi hồ nghi, sung sướng tắm mình trong ánh hào quang của bạn, trong sự hiện diện của Lajos. Câu nói đầu tiên Lajos thốt lên khi quay sang tôi là:

– Bây giờ chúng ta sẽ giải quyết tất cả.

Tim tôi đập dồn hồi hộp. Tôi không trả lời. Tôi đứng đối mặt anh, dưới tán bạch lạp, cạnh tảng đá, nơi anh từng nói dối vô số lần, và ngắm kỹ anh.

Lajos có vẻ buồn. Nỗi buồn của một tay phó nháy, hoặc một chính trị gia về già không theo kịp thời gian chẳng học được thêm mưu mẹo gì, đành dừng lại với những thói quen cũ kỹ, cổ hủ. Hoặc có vẻ gì đó của một tay nuôi dạy thú về già không còn uy phong với lũ thú dữ nữa. Trang phục của anh cũng cổ lỗ sĩ một cách đặc biệt: như một người đua đòi theo thời trang, nhưng bị một thứ gì đó từ bên trong ngăn cản khiến không thể trở nên sang trọng, hạp một như mong muốn. Cổ anh thắt chiếc cà vạt lờ lợ, đối nghịch với màu quần áo, tính cách anh và thời tiết. Quần áo anh màu sáng, rộng thùng thình, theo thời trang của các diễn viên nước ngoài trên những tấm bưu ảnh. Tất cả đều mới, và được lựa chọn không theo một gu gì, kể cả giày và mũ. Có chút gì bất lực ở đó. Lòng tôi se lại. Có lẽ, nếu anh đến với vẻ tàn tạ, bơ phờ và tuyệt vọng, thì tôi đã không ái ngại trước ấn tượng về sự rẻ tiền này bởi ý nghĩ thân phận của anh chỉ đến thế. Nhưng đáng vẻ thô

thiền đáng hổ thẹn và tuyệt vọng này khiến tôi chạnh lòng. Tôi nhìn Lajos và chợt thấy thương xót.

– Ngồi xuống đi, Lajos! – tôi nói. – Anh muốn gì ở tôi?

Tôi cảm thấy bình tĩnh và thiện cảm. Tôi không còn sợ anh nữa. Con người này đã thất thế, tôi nghĩ, không cảm thấy hả dạ vì thế, chỉ thương hại, một cách sâu sắc và nhục nhã. Như thế tôi phát hiện ra, anh nhuộm tóc hay làm một điều gì đó khác cũng lỗ bịch tương tự: bởi quá khứ và hiện tại, tôi những muốn quở trách anh thành thực nhưng không hề nghiêm khắc. Cùng lúc, tôi cảm thấy mình già dặn hơn, từng trải hơn rất nhiều; Lajos đã dừng trưởng thành ở đâu đó, năm tháng trôi qua, anh vẫn chôn chân vào lối sống phóng túng, tuy không đặc biệt nguy hiểm, nhưng có lẽ đáng buồn hơn – là chẳng có mục đích gì đặc biệt hơn. Đôi mắt của anh vẫn lơ đãng và trong suốt một màu xám, như lần cuối cùng tôi gặp anh. Anh hút thuốc bằng tẩu – bàn tay nổi gân xanh già nua nom rõ, những ngón tay run run – ánh mắt chăm chú, bình thản và thẳng thắn, như một kẻ hiểu rõ rằng mọi sự giả dối đều vô ích và không có lợi lộc gì, tôi đã biết tống các trò diễn và mọi mưu mẹo của anh, dù anh có nói gì đi nữa thì đến cuối cùng anh cũng phải có lời đáp, bằng lời hay không bằng lời, ngay lúc này đây, chỉ một lần, nhưng phải là sự thật... Tất nhiên, anh bắt đầu bằng sự giả dối:

– Anh muốn giải quyết tất cả mọi việc, – anh nhắc lại một cách máy móc.

– Anh muốn giải quyết cái gì?

Tôi nhìn vào mắt anh và bật cười. Không có gì nghiêm chỉnh cả! – tôi nghĩ. Sau một quãng thời gian, không thể “giải quyết được” gì giữa con người với nhau; trong khoảnh khắc chúng tôi ngồi bốn tảng đá, tôi đã hiểu sự thật tuyệt vọng này. Con người sống, chấp vá, sửa chữa, gây dựng và đôi khi tàn phá cuộc đời mình; năm tháng trôi qua, họ nhận ra rằng cả những gì sinh ra từ lỗi lầm và sự vô tình đã kết thành một khối không thể cải tạo được. Lajos đã không thể làm gì được tại đây. Khi một người trở về từ quá khứ, tuyên bố một cách cảm động, sẽ giải quyết “tất cả”, ý định này chỉ có

thể bị thương hại và nực cười; thời gian đã “dàn xếp” tất cả, bằng cách riêng, cách duy nhất có thể của nó. Tôi trả lời anh:

– Thôi mà, Lajos. Tất nhiên, tất cả chúng tôi đều vui vì được gặp... những đứa trẻ, cả anh nữa. Chúng tôi không được biết những dự định của anh, chúng tôi rất vui được gặp anh. Chúng ta đừng nói về quá khứ. Anh không nợ ai bất kỳ cái gì.

Vừa nói xong, tôi nhận ra, tôi đã để cho sự hăng hái nhất thời cuốn đi; tôi đã thốt ra “những lời đầu tiên” thực sự giả dối. Chỉ có kẻ bốc đồng và khoác lác mới khẳng định quá khứ không còn nữa, và Lajos “không còn nợ ai bất kỳ cái gì”. Cả hai đều cảm thấy như thế thật giả dối, và ngậy người ngấm những hòn sỏi dưới chân. Vậy là chúng tôi bắt đầu nói với nhau, cao giọng quá mức, rít lên, và giả dối. Tôi nhận ra, mình bắt đầu tranh luận, chẳng đâu vào đâu, với những lời lẽ và cảm xúc thực sự khó bề kìm hãm:

– Có thể, không phải vì thế mà anh quay lại, – tôi cố nói nhỏ, e ngại khi cuộc trò chuyện ở hàng hiên bớt rôm rả, người ta có thể để ý và nghe thấy tiếng mình.

– Không, – Lajos nói và ho lên một tiếng. – Anh đến không phải chỉ vì việc ấy. Eszter, anh cần phải nói chuyện với em một lần nữa trong cuộc đời.

– Không còn gì nữa, – tôi nói, với vẻ can đảm và thờ ơ.

– Anh không cần gì cả, – Lajos đáp không chút tự ái. – Lúc này điều anh muốn là vì em. Em nghe đây, hai mươi năm đã trôi qua, hai mươi năm! Không còn nhiều hai mươi năm nữa trong cuộc đời; có lẽ đây là lần cuối cùng. Sau hai mươi năm, tất cả đã trở nên sáng tỏ, rõ ràng và dễ hiểu hơn. Anh biết điều gì đã xảy ra, và cũng biết vì sao nó xảy ra.

– Việc này thật đáng ghét, – tôi nói, giọng khản đặc. – Đáng ghét và nực cười. Chúng ta ngồi đây, những người một lúc nào đó từng liên quan đến nhau, và chúng ta nói chuyện về tương lai. Không, Lajos ạ, tôi đã hiểu, không có bất kỳ tương lai nào cho chúng ta. Hãy quay trở về mặt đất. Có một điều mà anh không biết, một sự kiêu hãnh khiêm nhường riêng của sự tồn tại mà thôi. Làm tổn thương nhau thế đã đủ. Nhắc lại quá khứ là xúc

phạm. Anh muốn gì vậy? Anh nghĩ gì vậy? Có ai lấy làm lạ không? Đột nhiên, anh tụ tập mọi người, rồi anh xuất hiện, đỉnh đạc, với những lời xưa cũ, cứ như lời Chúa tự trên trời vậy... nhưng ở đây, ai cũng biết rồi. Chúng tôi đều biết cả, anh bạn ạ.

Tôi nói thong thả, với vẻ trịnh trọng nực cười, mỗi lời đều có vẻ tự tin, như đã cần nhắc vô cùng kỹ lưỡng. Thực ra, dĩ nhiên tôi không nghĩ chín chắn được gì. Tôi không phút nào tin “có thể giải quyết được” điều gì ở đây, tôi không ao ước gục vào Lajos, và cũng không muốn tranh cãi. Tôi muốn gì đây? Tôi muốn thờ ơ với mọi thứ. Anh đang ở đây, anh đã đến đây, sự kiện này là một cái gì đó đặc biệt tất yếu của cuộc đời, anh đang muốn một cái gì đó, đang nghĩ nát óc để đạt được nó, nhưng rồi anh cũng sẽ ra đi, và chúng tôi sẽ lại sống như những ngày xưa cũ. Quyền lực của anh với tôi đã chấm dứt! – tôi cứ nghĩ như vậy, và bình thần nhìn anh một cách thân thiện. Nhưng đồng thời, tôi lại nhận ra trong lòng mình đang trỗi dậy ngay từ lúc khởi đầu cuộc trò chuyện của chúng tôi, những cảm xúc lẫn lộn nhưng không có sự “dừng dưng”; tôi nhận ra, thứ cảm xúc tràn ngập trong những lời tôi nói với Lajos, là dấu hiệu của một mối quan hệ không cầu kỳ, ủy mị, hay chất chứa những mơ mộng hư ảo của ánh trăng trong dĩ vãng. Chúng tôi trò chuyện về thực tại. Và như thế, sau bao nhiêu sương khói mịt mờ, chúng tôi cần phải bầu vịu vào thực tại, tôi trả lời rất nhanh, không lựa chọn từ ngữ:

– Anh không thể cho tôi cái gì được nữa. Anh đã lấy đi tất cả, anh đã tàn phá tất cả.

Anh đáp, đúng như tôi chờ đợi:

– Phải.

Rồi bình thần nhìn tôi bằng đôi mắt xám trong veo; và ngó mông lung phía trước. Lời lẽ của anh có một vẻ thơ ngây, gần như vui sướng, như thể đã được khen ngợi ở một kỳ thi. Tôi rùng mình. Con người này là loại người gì? Anh mới điềm tĩnh làm sao; giờ anh nhìn quanh, kiểm tra ngôi nhà, tự nhiên như một kiến trúc sư. Sau đó, anh bắt đầu kể lể:

– Mẹ em mất trong căn phòng trên gác, phía sau cánh cửa chớp kia.

– Không đúng, – tôi sững sốt. – Mẹ mất ở dưới, trong phòng khách, giờ là phòng của Nunu.

– Hay nhỉ, – anh nói. – Anh quên mất.

Sau đó, anh ném điếu thuốc và đứng dậy đi loanh quanh. Anh bước đến sát tường nhà, đưa tay sờ những viên gạch, rồi lắc đầu.

– Hơi ẩm ướt, – anh lơ đãng chê bai.

– Năm ngoái chúng tôi đã tu sửa, – tôi nói, chưa hết sững sốt.

Lajos trở lại, nhìn sâu vào mắt tôi. Anh im lặng hồi lâu. Chúng tôi nhìn nhau, mắt hơi cụp xuống, chăm chú và tò mò. Vẻ mặt Lajos nghiêm nghị và hết sức thân ái.

– Eszter, một câu hỏi thôi, – anh nói nhỏ, giọng nghiêm trang. – Duy nhất một câu hỏi thôi.

Tôi nhắm mắt, toàn thân nóng bừng, ngây ngất. Cơn choáng váng chỉ xuất hiện trong vài giây. Theo phản xạ tự vệ, tôi giơ tay ra phía trước. “Bây giờ anh ấy sẽ hỏi, – tôi nghĩ. – Chúa ơi, bây giờ anh ấy sẽ hỏi. Cái gì nhỉ? Có thể là, tại sao lại xảy ra mọi cơ sự ấy? Có thể, tôi là kẻ hèn nhất? Không, đây là lúc phải trả lời anh!” Tôi hít một hơi thật sâu và nhìn anh, sẵn sàng trả lời.

– Em nói đi, Eszter, – anh hỏi nhẹ nhàng, giọng ấm áp, – ngôi nhà này vẫn chưa bị thế chấp đấy chứ?

Những sự kiện của buổi sáng, ít nhất là tất cả những gì diễn ra sau câu nói này đã mờ đi trong tâm trí tôi. Đúng lúc đó, bác Endre bước đến chỗ chúng tôi. Lajos lúng túng và bắt đầu lên giọng ba hoa. Như một kẻ muốn át đi nỗi sợ hãi của mình, với một sự thân thiện giả tạo và vẻ ngạo mạn rộng tuếch, nhưng tất cả không mấy may có tác động gì với bác Endre. Lajos bả lả “Ông bạn già của tôi ời”, rồi khoác tay bác ta và kể một thôi một hồi những câu chuyện tếu táo. Anh cư xử hoàn toàn như một người khách được đón chào nồng nhiệt, một vị thượng khách của gia đình. Endre điềm nhiên lắng nghe Lajos. Endre là người duy nhất Lajos e dè trên thế gian này vì bác không bị mê hoặc bởi những trò ảo thuật của Lajos. Bằng cách nào đấy, tự sâu thẳm trong lòng bác dừng đứng trước cái vẻ hào nhoáng và cuốn hút của Lajos, những thứ Lajos vẫn tin có thể vây bủa bất cứ ai, bất cứ thứ gì, kể cả lũ súc vật và các món đồ vô tri vô giác. Endre chăm chú lắng nghe Lajos, như một người đã quá hiểu những bí mật, những lớp lang của trò ảo thuật, và chẳng hề kinh ngạc nếu Lajos có từ từ moi trong chiếc mũ phớt của anh một lá cờ, hay bất thành linh phù phép khiến lắng quả trên bàn biến mất. Bác nghe Lajos nói với một sự chăm chú thuần túy công việc; không một chút ác ý, hầu như thực sự quan tâm. Có cảm giác như sau khi nghe xong xuôi bác sẽ thốt lên: “Ờ, thế anh còn biết gì nữa nào?” Còn Lajos, sau mỗi trò diễn, đều ngưng lại một chút, liếc nhanh theo dõi bác Endre với vẻ cảnh giác.

Cuộc đối đầu này, có lẽ chỉ tôi nhìn thấy; Tibor và Laci thì ngây ngất thán phục những trò diễn khéo léo. Sau này, tôi được biết, Eva cũng nhận ra sự lúng túng của Lajos. Có vẻ như Endre biết một sự thật đơn giản và không thể phủ nhận có thể dồn Lajos vào chân tường bất cứ lúc nào. Nhưng bác không có ý định giễu cợt Lajos và cũng chẳng tỏ ra lạnh nhạt.

– À, Lajos, cậu đã đến? – bác nói; rồi họ bắt tay nhau.

Tất cả chỉ có thế. Lajos lúng túng cười. Dĩ nhiên anh sẽ hoạt bát hơn, nếu không có kẻ làm chứng cho những phút cuối của cuộc gặp gỡ. Nhưng nói cho cùng, chính anh đã mời bác ta đến với “tư cách người của chính

quyền”, theo như chúng tôi biết. Anh đã gửi thư đảm bảo cho Endre, yêu cầu bác không được đi đâu xa vào ngày này, anh muốn nói chuyện với bác. Endre đến, lá thư mời của Lajos đút trong túi quần, to béo, đằm nhiên đứng giữa khu vườn, kiên nhẫn chớp chớp mắt về hiền lành và nhã nhặn nghe Lajos nói, nhưng từ con người bác vẫn toát ra cái vẻ khiến đối phương không thể tự tin, giống như một người đang ngần ngại chưa sử dụng quyền lực của mình, vì bác biết, chỉ cần liếc mắt, hoặc giơ ngón tay trở lên, là Lajos sẽ im bật, cúp đuôi và thôi làm trò ngay. Thế nhưng Lajos vẫn cần đến công chứng viên phiền toái này. Như một kẻ đã cân nhắc rất lâu, rốt cuộc vẫn phải liềm mình đương đầu với thực tại – đối với Lajos, Endre là một thực tại, là một công chứng viên và vị quan tòa không thể né tránh, ngoan cố và khắc nghiệt, mà những trò ma mãnh của anh vô tác dụng. Cuối cùng anh nói: “Nào, chúng ta hãy làm cho xong chuyện đi.” Cách xử sự của Lajos với bác Endre vậy đấy.

Endre mới già đi khoảng ba bốn năm gần đây. Bản tính khắc khổ tự nhiên, vẻ xa cách bên ngoài cũng như nghề nghiệp và cái kiểu điều khiển người khác bằng ánh nhìn của bác khiến người lạ hơi e sợ khó gần. Tuy nhiên Endre không phải con người lạnh lùng mà khá hào hiệp, có điều hơi vụng về và cục mịch; khi tiếp xúc với bác, người ta như tự nhìn thấu tâm địa mình, như thể bác ta tường tận những tội lỗi gì đó của thiên hạ mà cứ khư khư không tiết lộ.

Bây giờ cũng vậy, bác nhìn Lajos, như người đã biết hết tất cả nhưng thâm tâm không có ý định kết tội hay tha thứ. Cái câu “À, Lajos” mà bác dùng để chào sau hai mươi năm, không phải hạ cố cũng không có vẻ ngạo mạn hay nghiêm khắc, nhưng tôi vẫn có cảm giác khiến Lajos trở nên nao núng, anh bối rối đưa mắt nhìn quanh rồi rút khăn lau trán. Và cũng cách như vậy diễn ra trong suốt cuộc chuyện trò mà tôi đoán là về thời cuộc hoặc chuyện mùa màng. Sau đó Endre nhún vai, như người đã thấy và nghe đủ, bác ngồi xuống tảng đá, tay chắp trước bụng với dáng vẻ của một người đứng tuổi. Cho đến sẩm tối, khi thảo văn bản tôi ủy quyền cho Lajos được phép bán ngôi nhà, bác không nói thêm một lời nào nữa với vị khách.

Dĩ nhiên mọi người trong chúng tôi đều biết, Lajos đang rắp tâm phá hoại cuộc sống của tôi, chính xác hơn, của Nunu, và sự bình an trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời tôi. Ngôi nhà vẫn đứng đây che chở chúng tôi dù thời gian đã phần nào phủ nét tiêu tụy lên hình hài của nó, nhưng nhìn chung nó vẫn còn đủ vững chãi; ngôi nhà là gia sản đáng giá cuối cùng mà Lajos vẫn chưa lấy đi, và giờ đây anh đã đến vì nó. Trong cái khoảnh khắc nhận được bức điện thư của Lajos, tôi đã biết, anh đến vì ngôi nhà; những linh cảm như thế không định hình thành những ý nghĩ rõ rệt, nhưng người ta vẫn nhận biết được. Tôi hão huyền đánh lừa bản thân mình đến tận phút cuối. Endre và Tibor cũng biết. Sau này, tất cả chúng tôi đều kinh ngạc vì đã đầu hàng Lajos một cách thật dễ dàng, không một chút kháng cự – và chúng tôi tự an ủi rằng trong cuộc đời không tồn tại những giải pháp nửa vời, cái điều đã khởi sự từ lâu, mười lăm năm trước, nay cần được kết thúc. Lajos cũng biết vậy. Anh đánh giá ngôi nhà hơi ầm thấp, nhưng nói sang chuyện khác liền ngay đó như một người đã giải quyết xong việc quan trọng nhất, còn về những chi tiết vụn vặt khác thì không đáng phí lời. Tibor và Laci thấp thỏm đứng quanh anh. Muộn hơn chút nữa, trước bữa trưa, một người thợ may đến, ông là thợ may cũ của Lajos, và với vẻ hơi ngượng ngùng, ông cúi mình chìa một cái hóa đơn hai mươi lăm năm trước. Lajos ôm người thợ may, rồi đuối khéo ông ta về. Những người đàn ông uống rượu thuốc, trò chuyện râm ran và cười ha hả không dứt với những câu chuyện khôi hài của Lajos. Chúng tôi dùng bữa trưa trong bầu không khí rất vui vẻ.

Riêng sự hiện diện của người đàn bà xa lạ khiến tôi cảm thấy khó hiểu. Đó là một người trung niên và có vẻ đơn giản, khó có thể trở thành người tình của Lajos. Sau một khoảng thời gian, tôi mới biết cậu thanh niên mặc áo khoác da, người bước xuống đầu tiên từ chiếc xe ô tô màu đỏ, lúng búng vài lời giới thiệu lịch sự trong miệng, rồi sau đó không chuyện trò với bất kì ai cả – trong suốt thời gian ở đây, cậu ta chỉ chăm lo dỗ dành con chó có bộ mặt sư tử – là con trai của người đàn bà này. Trong hành vi của cậu ta có chút gì như muốn chống đối mọi sự thỏa hiệp. Mái tóc cậu ta vàng óng, loăn xoăn, gần như lấp lánh ánh bạc; khuôn mặt nhẵn nhụi, đôi lông mày nhàn nhạt gần như lẫn vào màu da sáng trắng; còn đôi mắt thì chớp liên tục. Một lúc sau cậu ta đeo chiếc kính dâm xanh thẫm lên và hoàn toàn biến mất sau hai mắt kính tối sầm này. Mãi đến tối tôi mới biết đó là vị hôn phu của Eva; và người đàn bà, vốn có dòng dõi quý tộc, trong lúc trò chuyện luôn đệm thứ tiếng Pháp sai trọng âm, đã nhiều năm đảm đương việc nội trợ cho Lajos. Trong mấy giờ gặp gỡ đầu tiên khá lộn xộn, tôi chưa biết hết được những điều này.

Người đàn bà, mà đám trẻ gọi là Olga, có vẻ không được tự nhiên cho lắm và hơi buồn phiền – sau khi làm quen, bà không cố vồn vã với chúng tôi mà im lặng ngồi bên bàn điểm tâm, xoay nghịch chiếc ô và nhìn vào đĩa của mình. Có lẽ đây là một người ưa phiêu lưu mạo hiểm, cảm giác ban đầu của tôi là thế. Nhưng sau đó, tôi phát hiện ra con người này đã quá mệt mỏi và rầu rĩ, không còn nhiều niềm tin nữa trong chuyến phiêu lưu của mình và sẵn sàng từ bỏ tất cả để trở về với những công việc nhẹ nhàng như thu thừa, đan lát gì đó. Thỉnh thoảng bà nở nụ cười chua chát để lộ hàm răng thô và ố vàng. Cuối cùng, khi chúng tôi ngồi đối diện nhau, tôi không biết mình cần phải nói gì. Hai người nhìn nhau dò xét. Đầu tiên còn mỉm cười, nhưng sau đó chúng tôi soi mói nhau bằng ánh mắt lạnh lùng và ngờ vực kín đáo. Một đám mây thơm ngọt thoang thoang quanh quần áo và mái tóc của bà.

– Eszter thân mến, – người đàn bà nói nhẹ nhàng.

Nhưng tôi đáp lại bà ta thật lớn tiếng:

– Thưa bà.

Rồi tôi bật cười về mình. Trước giờ ăn trưa, ngôi nhà bỗng bành lay động trong ánh ngày hư ảo. Những cánh cửa liên tục mở ra đóng vào. Lajos lấy trong hộp ra một con rùa và cho nó biểu diễn. Con rùa nghe được nhạc, khi anh huýt sáo, nó duỗi cái cổ xấu xí và đều đặn đánh nhịp. Lajos nâng niu đem nó theo như một báu vật, một món phụ tùng làm bằng chứng hùng hồn cho tài thuần dưỡng động vật của anh. Trò diễn của con rùa hết sức thành công. Ai nấy hào hứng vây quanh nó, kể cả bác Endre với vẻ hiếu kỳ lộ rõ.

Sau đó, Lajos phân phát quà cho mọi người: đồng hồ đeo tay dành cho Laci, một cuốn thơ bìa da, có vẻ là sách hiếm xuất bản ở Pháp dành cho Nunu – cuốn sách được làm đẹp thêm bởi một dòng chữ đề kiểu cách, bất chấp Nunu không hiểu lấy một chữ tiếng Pháp bẻ đôi! – những chiếc xì gà ngoại quốc đắt tiền cho Tibor và Endre, và một chiếc khăn quàng vai bằng lụa tím nặng trĩu dành cho tôi. Không khí hồi hộp bao trùm ngôi nhà và khi lên đến đỉnh điểm, nó sôi lên sùng sục. Trước hàng rào, đám người lạ và những kẻ tò mò tụ tập thì ào ào; vì vậy chúng tôi kéo nhau vào trong các phòng. Khắp nhà thơm lừng mùi thức ăn nóng sốt tràn ngập không khí hội hè, toát lên cái gì đó như dấu ấn của vĩnh cửu từ sự rộn ràng háo hức của khoảnh khắc, tiếng khăn trải bàn loạt soạt, tiếng cánh cửa mở ra đóng vào cọt két, tiếng bát đĩa lách cách chạm nhau, tiếng trò chuyện rì rầm, tiếng cười giòn giã của khách khứa, cứ như thể cuộc sống lúc nào cũng chỉ là âm nhạc và niềm vui tương bưng. Trong bầu không khí ấy, người đàn bà xa lạ ngồi xuống một góc phòng và cất giọng đều đều.

Bà kể đã làm quen với Lajos tám năm về trước, từ dạo bỏ chồng. Cậu con trai của bà là nhân viên công sở; bà không nói chính xác công sở gì và ở đâu. Trước đây, tôi chưa bao giờ tiếp cận gần hơn với những người như bà hoặc cậu con trai bà. Thỉnh thoảng, trên những tấm bưu ảnh tôi từng thấy những con người trẻ trung tân tiến ăn diện, hoặc khiêu vũ trong các khách sạn, hoặc lái máy bay, hoặc cưỡi mô tô đi đâu đó với những cô gái trẻ kề bên, váy áo tung bay. Tôi vẫn biết, có tồn tại trên đời một thứ tuổi trẻ khác, loại

tuổi trẻ đích thực. Còn gã trai này chỉ là hình ảnh biến dạng của những kỷ niệm còn đâu đó trong tôi, một kiểu người xa lạ và nhiều sự mà tôi không hiểu rõ. Tôi chỉ biết là họ cách biệt với tôi. Khi đã vượt qua thời kỳ bối rối và ngây thơ, tôi biết tôi không bao giờ có con đường dẫn tôi đến gần họ, những kẻ phóng mô tô và khiêu vũ trong các khách sạn đó, những kẻ sống vượt ra ngoài những thỏa hiệp với cuộc đời kiểu như tôi do cha mẹ tôi truyền lại. Con người cậu ta có vẻ gì đó không ăn nhập với đời thường, cứ như thể bước ra từ một cuốn tiểu thuyết lãng mạn, hoặc chính xác hơn, như người hùng từ những cuốn trinh thám, – tôi nghĩ. Cậu ta ít nói; nhưng khi cần lên tiếng thì thường ngược lên trần nhà và nói năng lưu loát, thốt lên từng từ ngân nga như hát. Cậu ta cũng có cái vẻ rầu rĩ như bà mẹ, rầu rĩ và tẻ nhạt. Tôi chưa bao giờ biết người ta lại có thể trở nên xa lạ một cách kích động và xác xược như thế. Cậu ta không hút thuốc, không uống rượu. Cổ tay trái cậu ta đeo một chiếc lắc vàng mỏng mảnh, đôi lúc, sau khi vung tay như thể định đánh ai, cậu ta lại chình nó nằm lại đúng chỗ. Tôi được biết, cậu ta mới ngoài ba mươi, giữ chân thư ký ở đâu đó trong văn phòng một chính đảng; nhưng khi cậu ta gỡ cặp mắt kính xanh thẫm ra và lướt ánh mắt lơ đãng lên đồ đạc trong phòng và những ô cửa sổ, thì nom có vẻ còn già hơn cả Lajos.

– Tại sao mi lại quan tâm đến họ nhỉ! – tôi băn khoăn. Nhưng tôi cũng nhận thấy cậu đang dõi theo những người khác. Ngay cả cái tên nhạt nhẽo và thông thường của cậu ta cũng khiến tôi không thiện cảm: Béla. Đối với những tên gọi, trong tôi luôn dấy lên mạnh mẽ một gọi nhắc gì đó, đồng tình hoặc phản đối. Một ấn tượng ban đầu không có tính khách quan. Nhưng những cảm xúc ban đầu như vậy quyết định mối quan hệ của chúng ta, thiện cảm hay không thiện cảm với thế giới bên ngoài. Tôi không thể quan tâm nhiều hơn đến cậu ta vì bà mẹ đã bám riết tôi suốt thời gian trước bữa ăn trưa. Bà ta kể lể về cuộc đời của mình mà không chờ hỏi. Cái tiểu sử cuộc đời này là bản cáo trạng có một không hai, kể tội đàn ông lẫn đàn bà, cả tình nhân lẫn họ hàng, những ông chồng và lũ con, kêu gào đòi sức mạnh quyền năng của Chúa và loài người phải tái lập công bằng. Bản cáo trạng được bà thể hiện bằng giọng đều đều và những câu nói rõ ràng lưu loát, như một đứa

trẻ trả bài đang tuôn ra những thứ đã thuộc nằm lòng. Mọi người đã lừa dối bà, rắp tâm phá hoại cuộc đời của bà và cuối cùng đều từ bỏ bà mà đi: đại khái là tôi hiểu được bấy nhiêu từ toàn bộ tràng độc thoại của bà ta. Thịnh thoảng tôi thoảng rùng mình, như thể đang trò chuyện cùng một kẻ điên khùng. Sau đó và chuyển chủ đề sang Lajos mà không có một lời báo trước nào. Bằng giọng bực bực, mỉa mai. Tôi không chịu được cái giọng này. Tôi nhục nhã cảm thấy Lajos đang cùng đồng bọn đột nhập vào cuộc sống của tôi; và con người, rốt cuộc cũng có một đẳng cấp nào đó chứ. Tôi đứng dậy, tay cầm tấm khăn tím, món quà của Lajos:

– Chúng ta không quen biết nhau, – tôi bảo. – Có lẽ là không nên nói những chuyện này.

– Ồ, – người đàn bà đứng dưng và bình thản, – chúng ta sẽ có nhiều thời gian để nói về chuyện này. Rồi chúng ta sẽ quen biết nhau, Eszter thân mến ạ.

Bà ta châm thuốc hút, thở ra một làn khói dài và điềm nhiên nhìn tôi đăm đăm qua màn khói như một người đã sắp xếp đầu ra đấy, đã quyết định xong xuôi mọi chuyện, biết rõ điều mà tôi không biết mảy may và tôi không biết làm gì khác ngoài việc cứ thế mà tuân theo sự sắp đặt đó.

Tôi cần phải ghi lại đây ba cuộc nói chuyện. Buổi chiều hôm đó, tất cả những sự kiện đã xảy ra là: Eva, Lajos và “người của chính quyền” được mời đến, Endre, luân phiên nhau mở cửa bước vào phòng tôi. Sau bữa trưa, mọi người tản đi khắp nơi. Lajos đi nằm nghỉ với cái vẻ tự nhiên như một kẻ đang ở nhà mình, không muốn thay đổi những thói quen cố hữu. Gabor và đám khách lạ lên ô tô thăm di tích thành cổ, thành phố và nhà thờ; mãi đến lúc hoàng hôn mới quay về. Eva, ngay sau bữa trưa, vào phòng tôi. Chúng tôi đứng cạnh nhau trước cửa sổ, tôi ôm đầu Eva bằng cả hai tay và nhìn cô hồi lâu. Đôi mắt màu thanh thiên, trong suốt của Eva bình thản chịu đựng cái nhìn của tôi.

– Dì phải giúp con, dì Eszter ạ, – cuối cùng cô nói. – Chỉ có dì mới giúp được thôi.

Giọng cô ngọt ngào, hơi ngân nga, như một đứa bé lớp vỡ lòng. Eva đã cao ngang vai tôi. Tôi choàng tay ôm Eva, nhưng sau đó, cảm thấy cảnh tượng này quá sướt mướt, nên tôi mừng khi ngay lập tức Eva ý tứ gỡ hai cánh tay tôi ra, cô bước đến bên cạnh chiếc tủ có nhiều ngăn kéo, châm thuốc hút, ho nhẹ vài tiếng, rồi như người vừa thoát khỏi một tình huống không thể gọi là chân tình gì cho lắm, cô đưa mắt băng quơ giữa những đồ vật và khung ảnh bày trên giá. Cái giá này là phần trên cùng của chiếc tủ nhiều ngăn, đối với tôi là một thứ linh thiêng, tựa như bàn thờ của người Trung Quốc, chỗ người ta kính cẩn tưởng nhớ tổ tiên. Theo một hàng dài, mọi người nhìn lại tôi, những người tôi yêu thương, và liên quan đến cuộc đời tôi. Tôi bước đến bên Eva và dõi theo tia mắt cô.

– Đây là mẹ, – cô nói nhỏ, rặng rờ. – Mẹ đẹp quá. Có lẽ là ảnh chụp lúc mẹ trẻ hơn con bây giờ.

Trong bức ảnh, Vilma mười tám tuổi nhìn chúng tôi; nom chị bầu bĩnh trong bộ váy viền đăngten màu trắng theo một thời đó, chân đi đôi giày cao cổ màu đen, mái tóc buông dài, chải ép vào trán và uốn thành nhiều lọn xoắn xoăn, tay ôm hoa và cầm một chiếc quạt. Tấm ảnh toát ra một vẻ nghiêm

trang, gò bó và không tự nhiên. Chỉ có đôi mắt màu xám với ánh nhìn thắc mắc tiết lộ một Vilma hờn dỗi và đam mê sau này.

– Con còn nhớ mẹ không? – tôi hỏi, và cảm thấy giọng nói của mình ngập ngừng.

– Con không nhớ rõ lắm, – Eva trả lời, – một lần có ai đó bước vào căn phòng tối, cúi xuống với con, và từ người đó tỏa ra một hương thơm ấm áp quen thuộc. Tất cả ký ức chỉ có chừng đó. Hồi mẹ con mất, con mới ba tuổi.

– Ba tuổi rưỡi, – tôi bối rối nói.

– Vâng. Nhưng thật sự con chỉ nhớ mỗi dì. Dì luôn sửa cái gì đó trên người con: quần áo hay mái tóc của con, dì thường xuyên đi lại trong phòng, làm việc luôn tay luôn chân. Sau đó dì cũng biến mất. Tại sao dì lại bỏ đi, dì Eszter?

– Con nghe đây, – tôi nói, – Nghe đây, Eva, con chưa hiểu được.

– Chưa?... – Eva hỏi và cất tiếng cười chậm rãi, như cố tình kéo dài, điệu dàng, tô điểm cho những lời nói của cô về cực kì quan trọng và tự tin. – Eszter, dì vẫn chơi trò đóng vai từ mẫu đấy à? Dì thân yêu của con, – cô nói, giọng hào hứng, tự nhiên và hơi có chút thương hại. Rồi bằng một động tác của người lớn, cô ôm hai vai tôi dìu tới cái trường kỷ và đặt tôi ngồi xuống.

Chúng tôi nhìn nhau, như hai người đàn bà hoặc đã biết quá rõ, hoặc còn đang đoán mò hồ những điều thầm kín của nhau. Tự dưng tôi cảm thấy bồn chồn. Con gái của Vilma! – tôi nghĩ. – Con gái của Vilma và Lajos. Mặt tôi nóng ran, cảm giác ghen tị trời dậy trong lòng khiến tôi choáng váng và kinh hãi, với những âm thanh gào thét. Tôi không muốn dập tắt chúng. Nó cũng như con mình! – cái âm thanh đó kêu lên. – Nó cũng như con mình, như ý nghĩa của cuộc đời mình. Vì sao nó trở về? – Tôi cúi đầu, rồi lúng túng ấp mặt vào hai bàn tay. Cảm giác trong khoảnh khắc ấy khiến tôi không xấu hổ bởi cử chỉ này. Tôi biết, tôi đang để lộ nỗi đau sâu kín của mình cho một kẻ đang nhìn tôi, quan sát nỗi hổ thẹn và day dứt của tôi một cách không thương xót. Và cái cô thiếu nữ này, như là đứa con gái tôi, đã không rời mắt cho tôi, không cứu thoát tôi khỏi cái tình thế tội nghiệp này. Sau giây

lát mà tôi tưởng như kéo dài vô tận, tôi lại nghe thấy giọng nói già dặn, khác lạ, tự tin và vô cảm của Eva vang lên.

– Dì Eszter, lẽ ra dì không nên bỏ đi. Chắc hẳn sống với cha con không hề dễ dàng. Nhưng dì phải biết một điều là chỉ có dì mới giúp được cha con. Rồi còn chúng con, Gabor và con nữa chứ. Dì đã thân nhiên phó mặc chúng con cho số phận. Tại sao dì lại làm vậy?

Và khi tôi im lặng, cô bình thản nói:

– Dì làm vậy để trả thù. Tại sao dì nhìn con như thế? Dì độc ác và hành động vì thù hận. Dì là người đàn bà duy nhất có quyền lực với cha con. Dì là người duy nhất cha con yêu thương. Không, dì Eszter ạ, điều này con cũng biết, và biết rõ ít nhất là như dì và cha con. Cái gì đã xảy ra giữa hai người? Con đã suy nghĩ nhiều về điều này. Con có nhiều thời gian để suy nghĩ suốt một thời trẻ thơ dang dở. Cái thời thơ ấu ấy, dì có thể tin nó chẳng có gì đặc biệt tươi sáng. Dì có biết các chi tiết không? Con sẵn sàng kể ra cho dì. Con đến đây là để kể cho dì. Và cuối cùng thì con xin dì hãy giúp đỡ. Con nghĩ dì mắc nợ chúng con bấy nhiêu.

– Bằng tất cả, – tôi nói, – dì sẽ giúp các con bằng tất cả những gì dì có.

Tôi ngồi thẳng người. Thời khắc nặng nề đã trôi qua.

– Con nghe đây, Eva, – tôi nói, giọng bình tĩnh trở lại, – Cha con là một người đặc biệt, là một người tài ba. Nhưng tất cả những gì hiện giờ chúng ta đang nói tới có thể đã phai mờ trong trí nhớ của cha con. Con cần phải biết rằng cha con rất chóng quên. Con cũng đừng nghĩ là dì đổ tội cho cha con. Cha con không có tội. Cha con vốn dĩ đã là như thế...

– Con biết, – Eva nói. – Cha con không quan tâm đến thực tại. Ông là thi sĩ.

– Đúng vậy, – tôi đáp lời, và cảm thấy nhẹ nhõm hơn trong lòng. – Có thể cha con là thi sĩ. Hiện thực bị xóa nhòa trong tâm trí của cha con. Vì vậy không nên tin vào những gì cha con nói... cha con nhớ sai. Giai đoạn mà con nói đến là quãng thời gian nặng nề nhất, đầy rắc rối và nhiều đau đớn mà đôi khi gần như không thể chịu đựng được trong cuộc đời của dì. Con

nói trả thù! Nghĩa là thế nào? Ai bảo con vậy? Con không hiểu gì cả. Tất cả những gì cha con có thể nói được về cái thời ấy chỉ là sự nguy hiểm, một sự nguy hiểm mập mờ. Còn dì thì nhớ tất cả những gì có thực. Thực tế hoàn toàn khác. Dì chẳng nợ nần gì ai cả.

– Nhưng con có đọc các bức thư, – Eva nói thẳng, không úp mở nữa.

Tôi nín lặng. Chúng tôi nhìn nhau.

– Thư nào? – tôi kinh ngạc.

– Dì Eszter, các lá thư, – cô nói, giọng sôi nổi hẳn lên. – Các lá thư của cha con, cả thầy ba lá mà cha con gửi cho dì dạo đó. Dì biết đấy, hồi cha con thường xuyên lui tới căn nhà này, khi cha con để ý dì, van xin dì bỏ lại tất cả để cùng nhau trốn đi, bởi vì cha con không thể chịu đựng được, không chịu đựng nổi bản thân và tính cách con người ông ngoại, cha cũng không chịu nổi Vilma, người mạnh mẽ hơn ông và là người thù ghét dì, dì Eszter ạ... bởi vì mẹ con căm thù dì... Tại sao? Bởi vì dì trẻ trung hơn? Hay xinh đẹp hơn, chân chính hơn? Chỉ có dì mới trả lời được mà thôi.

– Con nói gì, Eva? – tôi gần như hét lên. Tôi giật giật cánh tay Eva, – Những bức thư nào? Con mộng mị gì thế?

Eva gỡ tay tôi ra, rồi đưa bàn tay thiếu nữ mềm mại lên miết vàng trán, mắt mở to nhìn tôi:

– Tại sao dì lại chối cãi? – Eva hỏi, giọng rần rỏi và lạnh tanh.

– Dì không bao giờ phải chối cãi điều gì cả. – tôi trả lời.

Eva nhún vai.

– Con đã đọc, – cô nói và khoanh tay lại, như một người thẩm tra. – Các bức thư luôn nằm trong tủ áo của mẹ con, nơi dì đã cất giấu chúng... dì biết mà, trong cái hộp gỗ hoa hồng... con đã tìm thấy chúng cách đây ba năm.

Tôi cảm thấy mặt mình tái dần, máu rần rật chảy xuống từ trong óc.

– Con nói đi, – tôi yêu cầu. – Con muốn nghĩ gì thì tùy, cứ việc nghĩ rằng dì là người dối trá. Nhưng nói cho dì biết về những lá thư đi.

– Con thật không hiểu, – Eva ngạc nhiên, giọng linh hoạt hẳn lên. – Con đang nói về ba lá thư mà cha con viết cho dì trong thời gian cha mẹ con đính hôn với nhau, cha con van lạy dì hãy giải thoát cho ông khỏi cái cảnh tù tội tình cảm này, bởi vì cha con chỉ yêu thương mỗi mình dì. Bức thư cuối cùng viết vào đêm trước hôm cưới. Con đã đối chiếu những thời điểm với nhau. Đây là bức thư trong đó cha con viết rằng ông không thể nói trực tiếp với dì, vì ông quá yếu đuối và tự xấu hổ trước mẹ con. Con nghĩ cha con chưa bao giờ viết một lá thư chân thành như thế. Cha con viết, ông cảm thấy bị tổn thương và giày vò, chỉ còn tin cậy vào mỗi dì, chỉ có dì là người khiến ông lấy lại được lòng tự trọng và sự bình tâm. Ông muốn hai người cùng nhau trốn đi, dì đừng quan tâm đến điều gì hết, mà hãy cùng nhau trốn ra nước ngoài, ông hoàn toàn phó thác số phận của mình cho sự định đoạt của dì. Một lá thư vô cùng hoang mang. Dì Eszter, không lý nào dì không còn nhớ gì cả. Có phải vậy không, dì Eszter? Hay vì một lý do nào đó mà dì không muốn nói chuyện với con về những bức thư... như thế là dì đau khổ vì mẹ con, hoặc xấu hổ trước con. Con hiểu ra tất cả khi đọc những bức thư đó, vài năm gần đây con đã nhìn cha con với con mắt hoàn toàn khác. Cũng đã là đủ, khi một người nào đó, một lần trong cuộc đời mình muốn trở nên mạnh mẽ và tử tế. Cha con không có lỗi khi không thực hiện được điều này. Tại sao dì không trả lời?

– Dì phải trả lời cha con điều gì chứ? – tôi hỏi lại bằng cái giọng lãnh đạm và thản nhiên như không, như một kẻ đang tự thú nhận sự dối trá của mình và như thế sự thực là tôi có biết về những lá thư.

– Trả lời?... Lạy Chúa. Trong bất cứ trường hợp nào lẽ ra nên trả lời. Nên trả lời những bức thư như thế. Con người ta chỉ nhận được một lần duy nhất những bức thư như thế trong đời. Cha con viết, ông sẽ đợi thư trả lời của dì tới sáng. Khi dì không trả lời, cha con nghĩ dì không đủ sức mạnh để hành động... và cha con không thể làm gì khác, ông phải ở lại đây và cưới mẹ con làm vợ. Cha con đã không thể nói tất cả những điều này với dì. Cha

con sợ dì không tin vì ông đã nói dối quá nhiều. Con không thể biết hết những gì đã xảy ra giữa cha con và dì... con cũng không có quyền hỏi. Nhưng dì đã không trả lời các bức thư, và mọi việc hỏng mất một cách tồi tệ, dì Eszter, dì đừng giận... giờ đây, khi mọi việc đã đến hồi kết của nó, con nghĩ dì cũng là một trong những kẻ đã làm mọi việc phải xảy ra như thế.

- Cha con viết những bức thư này khi nào?
- Vào tuần trước hôn lễ.
- Gửi đi đâu?
- Đi đâu? Đến đây, cha con gửi về nhà, cho dì. Dì sống ở đây, với mẹ.
- Con tìm thấy những bức thư trong cái hộp gỗ hoa hồng?
- Vâng. Trong một cái hộp. Trong tủ áo của mẹ.
- Ai có chìa khóa tủ nữa?
- Chỉ có dì và cha thôi.

Tôi có thể trả lời gì đây? Tôi buông cánh tay Eva, đứng dậy và bước đến trước cái tủ nhiều ngăn kéo, tôi nâng tấm ảnh của Vilma lên cao và nhìn hồi lâu. Đã lâu rồi tôi mới lại cầm trong tay tấm ảnh này. Tôi ngắm đôi mắt và vầng trán thân quen của chị, nhưng chúng xa lạ một cách đáng sợ, và tôi chợt hiểu ra tất cả.

Chị Vilma căm thù tôi. Eva nói đúng: giữa hai chúng tôi leo lét một nỗi căm ghét mông muội, thứ cảm xúc không tên và tằm tối, mà ý nghĩa của nó đã mất đi cùng năm tháng. Không thể nói rõ ràng như trong một bản cáo trạng, vì sao lại có sự thù ghét này – và tôi cũng không tìm lý do để chấm dứt cảm xúc ấy! – không thể nói chính xác chị đã làm gì xúc phạm đến tôi còn tôi đã đáp trả như thế nào, nhưng chúng tôi cứ hành hạ nhau như thế. Chị luôn mạnh mẽ hơn, ngay cả trong sự thù địch. Nếu được hỏi, tại sao thù ghét tôi quá mức như vậy, chị sẽ nghiêng răng kể ra vô số tội lỗi và giảng giải không biết bao nhiêu lý do; nhưng tất cả đều không lý giải nổi. Chúng tôi chẳng cần biết đến lý do. Chỉ tồn tại nỗi căm tức, nóng bỏng và đậm đặc, trào dâng ngập ngụa và lấn át mọi tình cảm con người, khi Vilma từ già cõi đời, những cảm xúc mãnh liệt đó cũng không mất đi.

Tôi đưa tấm ảnh lên gần đôi mắt cận thị và nhìn chăm chú. Người chết vẫn đầy sức mạnh! – tôi bất lực nghĩ. Trong khoảnh khắc, Vilma như hồi sinh và bằng những cung cách chỉ thuộc về kẻ chết, can thiệp vào cuộc sống của chúng tôi một cách bí ẩn. Người chết, tuy đã bị vùi sâu dưới lòng đất, giữa xiềng xích hóa học của sự phân hủy, một ngày nào đó lại hiện lên và hành động. Phải chăng đây là ngày của Vilma, ngày hôm nay! – tôi nghĩ. Trong óc tôi hiện lên hình ảnh buổi chiều hôm Vilma hấp hối, khi chỉ trong vài giây phút, chị nhận ra được cảnh tượng xung quanh, khi đó tôi đang khóc trước giường chị, chờ đợi một lời của chị, một lời tha thứ, lời vĩnh biệt và hòa giải, rồi đột nhiên tôi hiểu, thậm chí bên ngưỡng cửa cái chết tôi cũng không tha thứ cho chị, và trong cơn mê chết chóc, chị cũng không rũ bỏ mọi tội lỗi cho tôi. Tôi ôm mặt khóc. Còn chị nói: “Em sẽ còn nghĩ đến chị!” Chị nói, đã mê sảng mất rồi. Chị tha thứ cho tôi! – tôi nghĩ trong niềm hy vọng. Nhưng sâu xa trong lòng, tôi lại nghe thấy mình thốt lên: “Chị đã đe dọa tôi.” Rồi chị ra đi. Sau tang lễ, tôi ở lại trong ngôi nhà này nhiều tháng trời. Không thể để những đứa trẻ bơ vơ, Lajos đã ra nước ngoài và lưu lại một thời gian dài. Tôi sống trong ngôi nhà trống rỗng và chờ đợi một điều gì đó.

Nhưng chiếc tủ của Vilma, nơi Eva sau này tìm thấy những lá thư, tôi không bao giờ mở ra. Giả sử có ai hỏi, tại sao, có lẽ tôi sẽ trả lời mình không có quyền lục lọi bí mật của người đã khuất. Trên thực tế, tôi nhát gan, tôi sợ những gì có trong chiếc tủ này, sợ những kỷ niệm của Vilma. Bởi vì lúc đó, bằng sự ra đi của mình và đơn phương chấm dứt cuộc đối thoại tay đôi như thế, cuộc tranh cãi đăm mê và dường như vĩnh cửu của hai chúng tôi, Vilma tựa hồ trong chốc lát đã khóa vào vòng ngăn cấm đặc biệt tất cả những kỷ niệm chung, những mục đích và tình cảm chung, đã có trong cuộc đời của chúng tôi. Sau khi chôn cất Vilma, Lajos ra nước ngoài và tôi tiếp tục sống cùng với những đứa trẻ tại ngôi nhà này, nơi tất cả mọi thứ không là của tôi, nhưng về phương diện nào đó lại là những thứ tôi bị lấy mất, nơi mọi đồ dùng như thế đã bị con dấu của một viên thừa sai bí ẩn đóng lên – thời gian đó, chúng tôi mới chỉ nhận thức được sự hiện diện như vậy của viên thừa sai bí ẩn, còn muộn hơn sau đó, một gã thừa sai thực thụ, con người của ngày thường và có thật mới xộc vào nhà chúng tôi với những tờ hóa đơn vay nợ của Lajos! – nơi tôi sống nhưng không dám đụng vào bất cứ thứ gì, một cách thực sự theo nghĩa đồ sở hữu, và là nơi tôi nuôi nấng những đứa trẻ như người mẹ nuôi một cách thiếu tự tin. Mọi thứ trong căn nhà như mang một vẻ thù địch, trong vòng cấm đoán, và trên tất cả là một cái gì đó bí ẩn, đối kháng, cái xác định ý nghĩa sâu xa hơn ý nghĩa “của anh–của tôi” trên trần gian này. Nơi đây vĩnh viễn không còn gì là của tôi. Vilma đã lấy đi, đã phá hủy và ngăn cấm tất cả những gì tôi mong muốn, khát khao. Những người đã chết chế ngự chúng tôi bằng quyền lực cùng sự độc đoán của họ. Tôi chịu đựng điều này một thời gian. Tôi chờ đợi Lajos, chờ đợi điều kỳ diệu xảy ra.

Lajos hiếm khi viết về những chuyến đi ngoại quốc của mình, cùng lắm anh chỉ gửi bưu ảnh. Lúc đó anh lại đóng kịch; đối với anh đây là những “khoảnh khắc lớn lao”, khoảnh khắc định mệnh cần phải diễn trong trang phục hóa trang tuyệt diệu và bằng những động tác vĩ đại. Trang phục hóa trang là đám tang chị tôi, còn động tác vĩ đại là chuyến đi ngoại quốc. Anh lên đường như một kẻ không chịu nổi đau thương, đang chạy trốn khỏi những kỷ niệm.

Trên thực tế, tôi cho rằng, anh đã sống ung dung ở những thành phố ngoại quốc. Anh chăm chút cho những mối quan hệ kinh doanh, anh “chôn mình vào công việc” như anh nói, còn những lúc khác, thỉnh thoảng anh đi tham quan viện bảo tàng hay đến thư viện, nhưng phần lớn thời gian anh ngồi ngâm nga trong những quán cà phê và chăm sóc những mối quan hệ dễ chịu. Lajos là một tâm hồn linh động, tôi nghĩ như vậy. Nhưng trong những tháng ngày chờ đợi anh, tôi đã hiểu ra rằng không thể chung sống cùng anh, trong bản chất con người và trong những việc làm của anh thiếu thứ chất kết dính để xây dựng nên những mối quan hệ con người. Những giọt nước mắt của anh là thật, nhưng chúng không làm tan đi những gì gọi là kỷ niệm hay nỗi đau trong anh; Lajos luôn vui hoặc buồn bằng tất cả những cảm xúc chuẩn bị sẵn, nhưng thực ra anh không cảm thấy gì. Trong tất cả những điều này, có một cái gì đó tàn bạo. Bốn tháng sau Lajos quay về, nhưng tôi không đợi anh; tôi trở về quê nhà bốn ngày trước hôm anh về, và gửi bọn trẻ cho một người phụ nữ tin cẩn. Tôi viết một lá thư cho Lajos, nói rằng mình không muốn đóng vai trò một bà mẹ nuôi gượng ép, không muốn biết những việc làm của anh, không muốn nhìn thấy anh. Anh không trả lời những lá thư này của tôi. Những tuần đầu tiên, không, cả cái năm đầu tiên đó tôi đã ngóng chờ thư anh; muộn hơn, tôi hiểu ra cái thế giới mà cả hai chúng tôi sống trong đó đã tan thành từng mảnh. Rồi tôi không chờ đợi nữa.

Khi Eva nói về những lá thư bí ẩn bằng giọng nóng nảy và trách móc, tôi chợt nhớ tới chiếc hộp gỗ hoa hồng. Chiếc hộp này, thực ra là của tôi; Lajos tặng tôi nhân ngày sinh nhật thứ mười sáu, nhưng Vilma đã xin tôi. Quả thật tôi không muốn. Thời gian đó, tôi chưa hiểu tính cách con người Lajos, chưa có cảm xúc về anh. Vilma thì nài nỉ mãi, cuối cùng, tuy do dự đôi chút nhưng không có gì khó khăn đặc biệt, tôi đã cho chị; có thể vì tôi chán những lời nài nỉ của chị. Vilma luôn luôn xin tất cả những đồ vật mà tôi đã mó tay vào: những bộ quần áo, những quyển sách, quyển vở ghi nhạc, tất cả những gì mà chị thấy là quý hóa hay quan trọng đối với tôi. Chị xin chiếc hộp gỗ hoa hồng này cũng như vậy. Tôi từ chối một thời gian, nhưng sau đó tôi mệt mỏi và đã cho chị; tôi phải cho chị, một cách đơn giản, vì chị mạnh hơn tôi. Sau này, khi tôi hình dung điều gì đó về Lajos và bản thân

mình, về những mối quan hệ thực sự của hai chúng tôi, tôi hoang mang đòi lại chiếc hộp; nhưng Vilma nói dối là đã đánh mất ở đâu đó. Chiếc hộp gỗ nhỏ nhắn lót lụa đỏ luôn tỏa hương thơm ngát này là quà tặng duy nhất trong đời tôi nhận từ Lajos. Còn chiếc nhẫn, tôi không bao giờ cho đó là quà tặng đích thực. Chiếc hộp đã biến mất khỏi cuộc đời tôi. Giờ đây nó lại xuất hiện sau bao nhiêu thập kỷ, trong câu chuyện của Eva, với ý nghĩa lạ thường, đựng ba lá thư của Lajos mà trong đó anh van nài tôi hãy cùng anh trốn đi, bỏ lại đám cưới và tôi hãy cứu lấy anh. Tôi đặt lại tấm ảnh vào chỗ cũ:

– Các con muốn gì? – tôi hỏi và dựa mình vào tủ.

– Dì Eszter à, – Eva nói, có vẻ hơi bối rối và cô lại châm thuốc hút. – Cha con rồi sẽ nói. Con nghĩ, cha con nói đúng. Dì biết đấy, sau bao nhiêu chuyện đã xảy ra từ khi dì bỏ chúng con; bao nhiêu là chuyện, và không phải lúc nào cũng vui vẻ. Thời gian đầu, con không còn nhớ nữa. Sau đó chúng con vào trường học và tiếp theo là một cuộc sống náo động. Năm nào chúng con cũng chuyển nhà đi nơi khác, thay đổi trường học, tìm bà bảo mẫu mới. Những bà bảo mẫu... ôi, Chúa ơi... dì cũng biết, cha con không phải là người kỹ tính. Phần đông họ bỏ trốn, và đánh cắp đi vài đồ vật của gia đình, hoặc chúng con phải chạy trốn họ, bỏ lại đồ đạc, của nải trong những căn hộ đi thuê. Một thời, khi con mười hai tuổi thì phải, chúng con phải trú ngụ trong các căn phòng khách sạn; cuộc sống lúc đó kể cũng thú vị. Người bồi bàn chính thường cho chúng con quần áo, anh chàng điều khiển thang máy thì dạy chúng con học bài, cha con bỏ đi luôn, thỉnh thoảng vài ba ngày mới về, chúng con được những người đàn bà dọn phòng trông coi và dạy bảo. Đôi khi, liên tục nhiều ngày, chúng con ăn cua bể trừ bữa trong những căn phòng khách sạn; rồi sau đó nhiều bữa, chúng con lại chẳng có gì. Cha con rất thích ăn cua bể. Chúng con lớn lên như thế đó. Những đứa trẻ khác thì lớn lên bằng sữa chua, hay bằng bột dinh dưỡng... Tuy vậy, phần lớn thời gian, chúng con vẫn tiêu khiển một cách vui vẻ. Chỉ khi thu nhập của cha con khấm khá hơn cả nhà mới quay về với cuộc sống thành thị, chúng con thuê nhà ở, cuộc sống bắt đầu nề nếp, cha con khởi sự một công việc làm ăn gì đó, con đã run sợ mọi nghề kinh doanh của cha trong suốt thời thơ ấu của con – những lúc như thế, chúng con nuối tiếc cái thời sống ở khách sạn, vì ngay cả trong cuộc sống thành thị, chúng con cũng vẫn sống như một gia đình du thủ du thực giữa cánh đồng hoang. Cha con, dì biết đấy, ông không phải là người thành thị. Không, dì đừng phản đối con; con có lẽ hiểu cha nhiều hơn dì. Trong con người cha con không có nổi lưu luyện với đồ dùng, thỉnh thoảng con còn cho rằng, nếu có phải chịu cảnh màn trời chiếu đất thì điều đó cũng không quan trọng đối với cha con. Trong con người ông có một chút gì đấy của dân chài thợ săn: sáng sớm đã sẵn sàng trên lưng ngựa –

cha con luôn có ô tô, cả những khi khó khăn nhất và đa số là ông tự lái – rồi bắt đầu cuộc hành trình ở những miền hoang dã hay rừng rú mà cha con xem chẳng khác nào thành thị, ông đánh hơi, mai phục, hạ một con lợn rừng trăm ký, mang về nhà, làm thịt, và xẻ cho mỗi người một miếng; nhưng sau đó, chừng nào chiến lợi phẩm vẫn còn, nhiều ngày hoặc nhiều tuần, ông không quan tâm đến cái gì khác... Thực ra, đây là điều mà chúng con yêu thích ở cha; dì cũng vậy, dì Eszter ạ. Cha con có thể vứt đi một chiếc đàn dương cầm, hay một chỗ làm tử tế như quăng một chiếc găng tay rách vào thùng rác; cha con không coi trọng những đồ vật và những giá trị, dì biết không. Điều này, đàn bà chúng ta không thể hiểu nổi... Con đã học được nhiều điều từ cha; nhưng bí mật thật sự của cha con, sự phong trần này, cái tự do phóng khoáng bên trong của ông, con không bao giờ có thể học được. Cha con không gắn bó thực sự với cái gì. Ông chỉ quan tâm tới sự hiểm nghèo; sự hiểm nghèo đó chính là cuộc sống... Thượng đế biết rõ và thấu hiểu điều này... Cha con cần sự hiểm nghèo, giữa cuộc sống và con người, cha cần cuộc sống mà không cần biết đến sự thỏa hiệp, vâng, cha con hăm hở đập nát và quăng đi mọi thỏa hiệp. Dì không hiểu được điều này, khi mà...? Vậy là dì không cảm nhận được? Con thì đã cảm nhận được ngay từ hồi bé rằng chúng con triền miên là dân du mục, là bộ lạc di cư, chúng con thỉnh thoảng đến những miền đầy nguy hiểm, đôi khi đi qua những cánh đồng cỏ, cha con mang cung đi phía trước, thám thính, nghe ngóng, chú ý đến những dấu hiệu khác lạ, rồi bất thành linh trở nên linh hoạt, chỉ thấy ông rất tinh táo và đã sẵn sàng... ở đâu đó, một bầy voi đến gần nguồn suối và cha nâng cây cung của ông trong bụi rậm. Dì cười con đấy à?

– Không, – tôi nói, cảm thấy cổ họng mình khô khốc. – Con cứ nói. Dì không cười con đâu.

– Dì biết đấy, đàn ông mà, – Eva nói, giờ đây bằng một giọng khôn ngoan và dạy đời, với tiếng thở dài nhẹ nhẹ.

Tôi bật cười. Nhưng lấy lại một nét mặt nghiêm nghị ngay. Tôi phải thừa nhận rằng Eva, con gái của Vilma, một đứa trẻ, mà tôi có thể dễ dàng nói chuyện với giọng điệu của một người lớn từng trải biết cái gì đó về

những người đàn ông, dù thế nào đi nữa cô biết nhiều và chắc chắn hơn tôi, người thậm chí có thể là mẹ cô. Tôi tự thấy ngượng vì tiếng cười này.

– Vâng, vâng, – cô nói, mở to đôi mắt xanh thơ ngây, nghiêm túc. – Những người đàn ông. Có những người đàn ông như vậy. Những người không bị gia đình, đồ đạc, của cải ràng buộc. Những người này, đôi lúc có thể là dân chài hay một gã thợ săn. Cha con thỉnh thoảng đi đâu vài tháng trời. Những khi đó, chúng con sống trong các tu viện, giữa các nữ tu hiền hậu, họ lo lắng tắm rửa sạch sẽ chúng con như thể họ vừa nhặt được chúng con bên lề đường, như thể tất cả rễu mốc của cả cánh rừng nguyên sinh bám đầy tóc chúng con, cứ như trước giờ chúng con toàn sống chung với lũ khỉ vậy. Dĩ nhiên không, bởi thế mà tuổi thơ của chúng con đầy màu sắc và phong phú... Con không than vãn đâu. Ồ, dĩ nhiên nghĩ là con than vãn gì về cha con. Con yêu quý cha con và đối với con, có lẽ điều quý giá nhất là cha con đã trở về sau hàng tháng trời phiêu bạt với vẻ bơ phờ, kiệt quệ, như đã trải qua cuộc đụng độ với cả bầy thú dữ. Những khi đó, mọi chuyện thật tốt đẹp trong một khoảng thời gian khá lâu. Những buổi sáng Chủ nhật, cha dẫn chúng con đến viện bảo tàng, sau đó đi ăn kem và bánh ngọt, rồi vào rạp chiếu bóng. Cha đòi kiểm tra sách vở của chúng con, hai mí mắt thâm quầng, vẻ mặt nghiêm trang, cha dạy dỗ chúng con, rồi một lát sau đã thấy ông ngủ thiếp đi... Buồn cười thật: cha con là một nhà sư phạm, dĩ nhiên có thể tưởng tượng được không!

– Ừ, – tôi nói. – Tội nghiệp.

Nhưng tôi cũng không biết tôi xót xa ai hơn, những đứa trẻ, hay Lajos – và Eva cũng không hỏi. Có vẻ như Eva đang chìm đắm trong dòng hồi ức xa xăm. Cô nói tiếp bằng một giọng thân ái và xa lạ:

– Thực ra chúng con sống cũng không thiếu thốn gì. Cho tới cái ngày bà ta xuất hiện.

– Đó là ai vậy? – tôi cố hỏi với giọng nhỏ nhẹ và thờ ơ.

Eva nhún vai:

– Định mệnh, – cô nhếch môi nói với vẻ chế giễu. – Dì biết đấy, một người đàn bà, đến vào lúc cần thiết. Vào giây phút cuối cùng...

– Giây phút cuối cùng nào? – tôi hỏi, vẫn cảm thấy cổ họng mình khô cháy.

– Cái giây phút mà tuổi già bắt đầu tìm đến với cha con. Khi người thợ săn chợt nhận ra đôi mắt ông đã hết tinh tường, và đôi tay ông bắt đầu run rẩy. Cái ngày cha run sợ.

– Run sợ cái gì?

– Trước sự già cỗi. Trước chính ông. Dì Eszter ơi, không có điều gì buồn thảm hơn khi một người như cha bắt đầu già đi. Lúc đó, bất kỳ ai nếu muốn đều có thể hạ gục cha.

– Bà ta đã làm gì cha con?

Chúng tôi thì thậm như hai kẻ đồng lõa.

– Bà ta có quyền lực đối với cha con.

Sau đó cô nói tiếp:

– Chúng con nợ tiền bà ấy. Dì có nghe nói con sẽ lấy anh ta làm chồng chưa?

– Lấy con trai bà ta?

– Vâng.

– Con có yêu anh ta không?

– Không.

– Tại sao con lại chấp nhận?

– Con phải cứu cha.

– Bà ta biết gì về cha con?

– Một chuyện xấu xa nào đó. Bà ta nắm ngân phiếu.

– Con yêu người khác à?

Eva im lặng. Cô nhìn những móng tay phủ sơn hồng của mình. Rồi nói khẽ, khôn ngoan và chín chắn:

– Con yêu quý cha con. Trên đời này, chỉ có hai chúng ta là yêu thương cha con: dì và con, dì Eszter ạ. Còn Gabor, anh ấy khác.

– Con không muốn lấy anh ta?

– Gabor điềm tĩnh hơn con rất nhiều, – Eva lảng tránh nói. – Anh ấy thu mình như cầm điếu vậ. Anh ấy không muốn nghe gì, và cứ như không thấy những gì đang xảy ra xung quanh mình. Đó là một cách tự vệ.

– Có hay không, người mà con yêu? – tôi hỏi và bước lại gần Eva. – Hừm, giá có thể dàn xếp được mọi chuyện... bằng cách nào đó... không dễ dàng... dì đã trở nên túng bấn, Eva, con cần phải biết Nunu, bác Laci và dì là những người nghèo khổ... Nhưng có thể dì biết một ai đó, người có thể giúp đỡ.

– Ôi, dì có thể cứu được, – Eva nói một cách chắc chắn và thản nhiên, vẫn với cái giọng lành lạnh. Nhưng giờ đây, đã một lúc khá lâu, cô không nhìn vào mắt tôi nữa. Eva quay lưng về phía cửa sổ, tôi không nhìn thấy mặt cô. Sau bữa trưa, bầu trời trở nên mù mịt và bên trên khu vườn, trước cửa sổ, những đám mây lớn xám xịt trong tiết tháng Chín đang ùn ùn kéo đến. Căn phòng tràn ngập một thứ ánh sáng nửa mờ nửa tỏ. Tôi bước tới gần cửa sổ, và khép một cánh cửa chớp lại như sợ rằng trong khung cảnh tĩnh mịch nặng nề của khu vườn trước khi cơn giông kéo đến, có ai đó nghe được cuộc trò chuyện.

– Con cần phải nói, – tôi lên tiếng, và tôi bắt đầu cảm thấy cái nhịp đập đặc biệt của trái tim mà đã lâu lắm rồi tôi không cảm thấy, cái nhịp đập có lẽ giống như lúc mẹ tôi mất. – Nếu có người mà con yêu, nếu quả thực con muốn trốn khỏi những con người này... con và cha con... Nếu có thể giúp bằng tiền... Ngay bây giờ, con hãy nói đi.

– Con cho rằng, dì Eszter ạ, – Eva nói bằng cái giọng ngây thơ vô tội của một cô học trò, mắt nhìn xuống đất, – tiền, ý con muốn nói không thể

cứu giúp chúng con chỉ bằng tiền. Mà cần cả đì nữa. Nhưng cha con không hiểu điều này, – cô nói nhanh, gần như sợ hãi.

– Về điều gì?

– Về điều này... cái điều con vừa nói.

– Con muốn gì nào? – tôi nóng ruột hỏi, giọng hơi lớn.

– Con muốn cứu cha con, – Eva nói, giọng quả quyết.

– Khỏi những người này?

– Vâng.

– Thế còn con?

– Nếu có thể.

– Con không yêu anh ta?

– Không.

– Con muốn trốn đi?

–Vâng.

– Đi đâu?

– Ra nước ngoài. Thật xa.

– Có ai đó đang chờ con?

– Vâng.

– Ừ, – tôi nói, và thở phào nhẹ nhõm; rồi kiệt sức ngồi xuống. Tôi áp bàn tay lên trái tim. Tôi lại cảm thấy chóng mặt, tôi luôn cảm thấy như thế những khi rời bỏ cái thế giới đầy suy tưởng và chờ đợi mộng lung của mình để đối mặt với thực tại. Thực tại thật đơn giản! Eva yêu một người, muốn lấy người đó làm chồng, muốn được sống với người tình yêu đích thực. Và tôi phải giúp đỡ cô ấy. Đúng, bằng tất cả những gì tôi có.

– Đì có thể làm được gì?

– Cha con sẽ nói cho dì biết, – Eva ngắc ngứ như thế xấu hổ vì phải nói ra điều này. – Cha con đã có kế hoạch rồi... con cho rằng họ đã có kế hoạch. Lát nữa dì sẽ được nghe, dì Eszter ạ. Đây là việc của cha và dì. Nhưng dì có thể giúp riêng cho con nếu dì muốn. Ở đây có một thứ thuộc về con. Như con biết, đó là... Xin lỗi dì, dì thấy không, con đang đỏ mặt. Nói chuyện này ra thật khó.

– Dì không hiểu, – tôi nói, thấy bàn tay mình lạnh dần. – Con đang nghĩ đến cái gì vậy?

– Con cần tiền, dì Eszter ạ, – giọng Eva trở nên khản đặc và sống sượng, gần như công kích. – Con cần tiền để thoát khỏi họ.

– Ừ, phải rồi, – tôi lúng túng. – Tiền... Dì có thể lo được một khoản tiền nhỏ. Dì nghĩ Nunu cũng vậy... Có thể dì sẽ nói chuyện với chú Tibor. Nhưng Eva, – tôi nói như người vừa tỉnh giấc, vỡ mộng và bất lực, – dì e là, số tiền dì lo được sẽ quá ít.

– Con không cần tiền của dì, – Eva bướng bỉnh nói, giọng lạnh băng. – Con không cần đến những gì không phải của con. Con chỉ cần thứ mẹ con để lại cho con.

Eva đột ngột nhìn vào mắt tôi, nóng bỏng và đòi hỏi:

– Cha con nói dì gìn giữ vật thừa hưởng của con. Con chỉ còn thứ đó từ mẹ của con. Dì Eszter, hãy trả lại cho con chiếc nhẫn. Ngay bây giờ. Chiếc nhẫn, dì nghe không?

– Chiếc nhẫn, ừ, – tôi nói.

Eva đứng trước tôi với tư thế như sắp sửa tấn công, làm tôi phải lùi lại một bước. Một cách vô tình, tôi đứng ngay trước cái tủ có cất chiếc nhẫn. Lẽ ra, tôi chỉ cần quay lưng, với tay kéo ngăn kéo, và đưa trả chiếc nhẫn mà cô con gái của Vilma đòi lại với cái giọng chứa đựng bao nhiêu lòng thù hận này. Nhưng tôi bất lực đứng đó, hai tay khoanh trước ngực, và quyết tâm giữ kín bí mật tồi tệ của Lajos.

– Cha con nói chuyện về chiếc nhẫn từ bao giờ? – tôi hỏi.

– Tuần trước, – Eva nhún vai. – Khi con được biết là chúng con sẽ đến đây.

– Cha con cũng biết về giá trị của nó chứ?

– Vâng. Một lần cha đã đem đi xem. Trước khi mẹ con mất... Trước khi đưa cho dì, họ đã đánh giá.

– Thế nó đáng giá bao nhiêu? – tôi bình tĩnh hỏi.

– Nhiều lắm, – Eva nói, giọng khản đặc kỳ lạ. – Hàng nghìn đồng. Có thể tới chục nghìn.

– Ừ, – tôi nói.

Rồi tôi nói tiếp, kinh ngạc, vì mình có thể bình tĩnh và gần như cao ngạo như thế:

– Hừm, chiếc nhẫn, con ơi, con không thể nhận được.

– Nó không còn? – Eva hỏi và nhìn khắp người tôi. Rồi cô hỏi tiếp, giọng nhỏ hơn: – Không còn, hay dì không muốn đưa?

– Dì không trả lời câu hỏi này, – tôi nói và nhìn vào khoảng không. Đúng lúc đó, tôi cảm thấy Lajos đi vào phòng, không một tiếng động, như anh vẫn vậy bằng những bước chân nhẹ nhàng, như đang diễn xuất, rồi anh dừng lại ở đâu đó, gần chúng tôi.

– Eva, con ra khỏi đây ngay, – Lajos lên tiếng. – Cha cần nói chuyện với dì Eszter.

Tôi không liếc ra sau lưng. Một hồi lâu, Eva nhìn tôi dò xét, trong giây lát ánh mắt xám đục làm tôi nhớ đến Vilma, rồi cô sẽ chậm chạp rời phòng, đến cửa cô ngoái lại, sau đó nhún vai rồi đi thẳng với những bước chân thoăn thoắt và dẫn dỗi. Nhưng Eva khép cửa nhẹ nhàng như một người đang suy tư lưỡng lự. Chúng tôi đứng hồi lâu, không nhìn nhau. Sau đó tôi quay người lại, đây là lần đầu tiên, sau mười lăm năm – tôi một mình đối diện với Lajos.

17.

XVI

Anh mỉm cười nhìn tôi, nụ cười lạ lùng, hiền lành. Như đang nói: “Ồ, không có gì ghê gớm lắm đâu!” Có lẽ anh sẽ không làm tôi bất ngờ, nếu lúc này anh xoa xoa hai tay vào nhau với cái vẻ mãn nguyện của một lái buôn vừa làm một chuyến hời to đang quay quần với gia đình, và trong bầu không khí hoan hỉ đó, đang suy tính về những chuyến buôn mới nhiều hứa hẹn và lời lãi hơn. Không hề có chút xấu hổ hay ngượng ngùng trên gương mặt anh. Anh vui vẻ và rạng rỡ như một đứa trẻ.

– Anh đã đánh một giấc ngon lành, Eszter ạ, – anh hài lòng nói. – Như một kẻ rớt cuộc đã về đến nhà mình.

Khi thấy tôi không lên tiếng, anh lại gần khoác vòng cánh tay tôi, dẫn đến một chiếc ghế bành và lịch sự dìu tôi ngồi xuống.

– Giờ thì anh mới có thể ngắm em, – anh dịu dàng. – Em chẳng thay đổi gì. Thời gian dừng lại trong căn nhà này.

Sự im lặng của tôi hoàn toàn không làm anh bận lòng. Anh đi quanh, nhìn những tấm ảnh, thỉnh thoảng, với một động tác nghệ sĩ rẻ tiền, anh đưa tay vuốt bõm tóc chớm bạc và thừa thớt của mình. Anh vô tư đi lại trong căn phòng, như một người trước đây – hai mươi hai năm trước – phải rời khỏi nơi này một thời gian ngắn, vì người ta gọi đến một nơi nào đó; nhưng bây giờ người đó đã trở lại, và một cách hơi đấng trí, trao đổi vài ba câu chuyện, chủ yếu cho phải phép. Anh nhắc một chiếc ly Valence cổ lên khỏi bàn, thích thú ngắm nghía.

– Cha tặng em chiếc ly này nhân ngày sinh nhật? Anh còn nhớ, – anh nói giọng hòa nhã.

– Anh bán chiếc nhẫn khi nào? – tôi hỏi.

– Chiếc nhẫn?

Anh nhìn lên trần nhà, vẻ trầm ngâm suy nghĩ. Môi mấp má, như đang suy tính.

– Anh cũng không nhớ nữa, – sau đó anh niềm nở nói.

– Thôi đi, Lajos, – tôi động viên, – anh nhớ lại đi. Nó sẽ hiện lên trong đầu anh.

– Chiếc nhẫn, chiếc nhẫn, – anh thân mật nói, và lắc lắc đầu như đang chiều chuộng thói đồng bóng vô nghĩa, – à ra vậy, anh bán chiếc nhẫn khi nào nhỉ? Anh nghĩ, vài tuần trước khi Vilma mất. Em biết đấy, khi ấy cần rất nhiều tiền... Các bác sĩ, đời sống chung... Đúng thế, trong năm ấy thì phải.

Rồi anh mỉm cười nhìn tôi, ánh mắt trong trẻo.

– Nhưng này, Eszter, – anh nói, – tại sao em lại quan tâm đến chiếc nhẫn?

– Sau đó anh đã đưa cho tôi bản sao chiếc nhẫn. Anh nhớ chứ? – tôi hỏi và bước lại gần Lajos.

– Anh đã đưa cho em? – anh máy móc nói; và vô tình lùi lại một bước.
– Có thể. Đúng anh đã đưa cho em à?

Anh vẫn mỉm cười, nhưng hơi mất tự tin. Tôi lại gần tủ, mở ra và tìm chiếc nhẫn bằng những động tác dứt khoát.

– Bây giờ anh vẫn không nhớ sao? – tôi hỏi và đưa cho anh chiếc nhẫn.

– Không, – anh nói nhỏ. – Giờ thì anh nhớ.

– Anh đã bán chiếc nhẫn, – tôi nói; vô tình tôi cũng hạ giọng giống như đang nói chuyện gì đó xấu hổ và cần phải giữ kín trước người khác, hoặc thậm chí trước cả Thượng đế nữa, – rồi khi chúng ta từ đám tang trở về, với vẻ hào phóng, anh đưa cho tôi chiếc nhẫn như di vật của Vilma, như một tài sản đáng giá duy nhất của gia đình, như một thứ gì đó mà chỉ có tôi xứng đáng được nhận. Tôi hơi ngạc nhiên. Và cũng đã phản đối, chắc anh còn nhớ? Nhưng sau đó tôi chấp nhận và hứa sẽ cất đi để sau này đưa cho Eva, khi con bé trưởng thành và cần đến nó. Giờ anh cũng không nhớ à?

– Như vậy, em đã hứa điều đó? – Lajos nhẹ nhàng hỏi. – Thế thì em hãy đưa cho Eva bây giờ đi, nếu con nó có hỏi, – anh thản nhiên. Anh bắt đầu dạo quanh căn phòng và châm thuốc hút.

– Tuần trước anh nói với Eva là tôi giữ chiếc nhẫn cho nó. Eva cần tiền, nó muốn bán. Khi nó bán sẽ lộ ra chuyện cái nhẫn là giả mạo. Tất nhiên, người làm giả chỉ có thể là tôi. Anh cố tình muốn vậy, – tôi nói, giọng khản đặc.

– Tại sao? – anh hỏi thẳng, không rào đón, với vẻ ngạc nhiên thực sự. – Chỉ là em? Người khác cũng có thể. Chẳng hạn Vilma.

Chúng tôi im lặng.

– Đâu là giới hạn của anh, Lajos? – tôi hỏi.

Lajos chớp chớp mắt, nhìn điếu thuốc:

– Em hỏi kiểu gì thế? Giới hạn nào? – anh lưỡng lự hỏi.

– Giới hạn nào ư? – tôi nhắc lại. – Tôi hình dung là mỗi người đều có một giới hạn nào đó của lương tâm, xấu tốt gì cũng có mức độ. Đại loại, tất cả những gì có khả năng tồn tại giữa người và người, đều có mức độ. Nhưng anh không có giới hạn cho riêng mình.

– Đấy chỉ là từ ngữ. – anh nói, phẩy tay chán nản. – Giới hạn, khả năng. Tốt và xấu. Đấy chỉ là những từ ngữ, Eszter ạ.

– Em có nghĩ, – anh tiếp tục, – rằng phần lớn những việc làm của chúng ta đều vô nghĩa, vô bổ? Người ta làm một việc gì đó, cả những lúc chẳng lợi lộc gì, cũng không có được niềm vui. Nếu em nhìn lại trong cuộc sống, em sẽ thấy, mình đã làm nhiều điều chẳng qua chỉ vì em có thể làm.

– Điều này hơi cao xa so với tôi. – tôi chán nản lên tiếng.

– Thôi mà. Nó chỉ bất tiện, Eszter ạ. Về cuối đời, con người ta trở nên mệt mỏi ghê gớm bởi những thứ gọi là thiết thực. Anh luôn thích những hành vi không lý giải được.

– Nhưng chiếc nhẫn... – tôi lại bắt đầu bằng giọng bướng bỉnh.

– Chiếc nhẫn, chiếc nhẫn! – Lajos nóng nảy nói. – Em đừng lôi chiếc nhẫn ra nữa! Anh nói với Eva là em giữ chiếc nhẫn? Có thể. Vì sao anh nói? Bởi vì lúc đó, cần phải nói như vậy, đơn giản nhất và có ý nghĩa nhất. Em cứ

nhắc đi nhắc lại chiếc nhẫn, còn Laci thì những tấm ngân phiếu... Bọn em muốn gì? Tất cả đã qua, không còn nữa. Cuộc sống đã xóa bỏ mọi thứ. Không thể sống mãi dưới bản cáo trạng được. Ai vô tội, ai toàn năng từ trong lương tâm như em nói, để có quyền truy lùng người khác suốt đời nào? Ngay luật pháp cũng cho phép sự hết hiệu lực. Chỉ có bọn em là không muốn biết đến mà thôi.

– Anh không nghĩ, anh là người không công bằng? – tôi hỏi, khẽ hơn.

– Có thể, – Lajos nói, giọng đã dịu đi. – Giới hạn! Giới hạn lương tâm! Nhưng cuộc sống lại không có giới hạn. Em hãy hiểu cho anh. Có thể là anh đã nói điều gì đó với Eva, có thể là anh đã sai lầm, ngày hôm qua hay mười năm trước với tiền bạc hay với những chiếc nhẫn, hay với những lời nói. Anh không bao giờ giới hạn hành vi của mình. Con người ta, cuối cùng cũng chỉ chịu trách nhiệm về những gì mà anh ta dự tính, mà anh ta muốn. Con người chỉ chịu trách nhiệm về những ý định của mình... Hành vi, là cái gì? Luôn luôn là một sự bất ngờ tùy hứng. Con người đứng đó và nhìn, rồi bất thần anh ta hành động. Nhưng ý định, Eszter ạ, ý định là có tội. Ý định của anh bao giờ cũng trong sáng, – Lajos nói, giọng hoàn toàn mãn nguyện.

– Vâng, – tôi lưỡng lự nói. – Có thể ý định của anh là trong sáng.

– Anh biết, – anh nói, giọng ôn hòa hơn, hơi tự ái, – anh không hợp với thế giới. Mọi người muốn gì ở anh? Năm mươi sáu tuổi đầu, anh phải thay đổi? Anh chỉ muốn tốt cho mọi người. Nhưng những khả năng tốt đẹp lại hạn hẹp trên thế gian này. Phải tô hồng cuộc sống, nếu không không thể chịu đựng nổi. Vì thế mà anh đã nói với Eva về chiếc nhẫn, những gì mà anh đã nói. Điều này trong lúc đó làm nó yên lòng. Vì thế mà anh đã nói với Laci mười năm trước rằng anh sẽ thanh toán nợ nần, khi anh biết anh không bao giờ trả được, vì thế mà anh đã nói nhiều điều này điều nọ với mọi người, và lúc đó, khi anh buột miệng nói ra những lời khích lệ hay vừa tai, anh đã biết là mình không bao giờ giữ lời hứa. Cũng vì thế mà anh đã nói với Vilma, rằng anh yêu cô ấy.

– Vì sao anh nói? – tôi hỏi, và ngạc nhiên là giọng mình bình tĩnh và dửng dưng làm sao.

– Bởi vì cô ấy muốn nghe những lời như vậy, – anh thản nhiên trả lời. – Bởi vì như Vilma hiến dâng cả cuộc đời mình, để anh phải nói ra điều này cho cô ấy. Và bởi vì em đã không ngăn anh nói.

– Em? – tôi nói, giọng khản đặc, một sự bối rối kì lạ dâng lên nghẹn cổ. – Em có thể làm được gì?

– Tất cả, Eszter ạ, – anh nói giọng ngây thơ, gần như trẻ con, giọng nói của người xưa, thời thanh niên trẻ trung. – Tất cả. Vì sao em không trả lời các bức thư của anh? Vì sao sau này em cũng không nói gì khi em có thể? Vì sao em để quên các bức thư, khi em bỏ anh mà đi? Eva đã tìm thấy các bức thư.

Lajos bước lại gần và ghé sát xuống tôi.

– Anh nhìn thấy những bức thư ấy? – tôi hỏi.

– Anh nhìn thấy...? Anh không hiểu, Eszter. Anh viết những bức thư ấy.

Giọng anh khiến tôi có cảm giác đây dường như là lần đầu tiên trong đời, anh không nói dối.

– Bây giờ, hãy để anh nói với em một điều, – Lajos nói. Anh ngã người dựa vào tủ, lấy thuốc ra châm rồi ném que diêm vào cái hộp đựng danh thiếp. – Có một điều gì đó đã xảy ra giữa chúng ta, không thể dàn xếp bằng im lặng được nữa. Suốt cuộc đời, người ta im lặng về điều quan trọng nhất. Đôi khi, tưởng như chết dần chết mòn trong sự im lặng này. Nhưng thỉnh thoảng vẫn còn có cơ hội nói ra... và những lúc như thế, không thể, không nên tiếp tục im lặng. Anh nghĩ rằng sự im lặng kiểu đó có thể cũng là tội lỗi, Kinh Thánh có nhắc đến đấy. Đôi khi có những sự giả dối tồn tại rất lâu cho đến khi người ta nhận ra. Em hãy ngồi xuống đây, ngồi xuống đi nào, Eszter. Em hãy nghe anh nói. Không, anh xin lỗi, giờ là lúc anh muốn là kẻ vạch tội và nói lời phán quyết. Từ trước đến nay, em là người kết án. Nào, ngồi xuống đi em.

Anh nói nhã nhặn, nhưng giọng gần như ép buộc.

– Như thế, xin mời, – anh nói, và kéo ghế cho tôi. – Eszter, em xem, hai mươi năm trời chúng ta hoàn toàn nói chuyện đâu đâu. Sự việc không đơn thuần như thế. Em đổ lên đầu anh bao nhiêu tội lỗi – em và những người khác – và những tội lỗi đó, đáng tiếc quả là có thật. Em nói về chiếc nhẫn và sự dối trá, về những lời hứa mà anh không giữ đúng, về những tấm ngân phiếu mà anh không thanh toán được. Cũng có điều khác, Eszter ạ. Cũng có điều xấu hơn. Biết tất cả là không cần thiết... anh không biện hộ cho anh đâu... nhưng những chi tiết này không quyết định được thân phận của anh. Anh luôn là người yếu đuối. Anh mong mỗi làm được một cái gì đấy trên cái thế gian này, anh nghĩ, anh không phải là người không có năng khiếu. Nhưng năng khiếu, ý định, tất cả những điều này quá ít. Bây giờ anh biết rằng, quá ít. Nhưng đối với việc tạo lập, cần cái gì đó khác nữa... Một sức mạnh hay một kỹ luật đặc biệt nào đó, hoặc cả hai, và anh nghĩ đó chính là cái mà người ta thường gọi là cá tính... Và khả năng, hay cái đức tính này không có trong anh. Đây thật là một sự ngớ ngẩn. Giống như một nhạc công tuy biết rõ thứ âm nhạc anh ta đang chơi, nhưng lại không nghe thấy những âm thanh. Khi anh được tiếp xúc gần với em, anh vẫn chưa nhận biết được

chính xác điều này, như bây giờ anh đang nói cho em... anh cũng chưa biết được rằng cá tính dành cho anh chính là em. Em có hiểu?

– Không, – tôi nói thành thật.

Một cách nào đó, tôi không ngạc nhiên về những điều Lajos nói, mà về giọng của anh, cách nói chuyện của anh. Tôi chưa bao giờ nghe anh nói kiểu đó. Anh nói chuyện như một người có điều gì... không, tôi không thể định tính được giọng nói này. Anh nói chuyện như một người nhìn thấy điều gì đó, một sự thật, hay một khám phá, và đang đi theo cái hướng tốt nhất chưa thể tiết lộ nhưng đã tiếp cận với ảo ảnh đã hình dung, và cố vật lộn để hét lên những ấn tượng của mình cho thế giới biết. Anh nói chuyện như một người đang cảm thấy cái gì đó. Tôi không quen nghe giọng điệu này ở Lajos. Không nói năng gì, tôi chăm chú nghe anh.

– Thật đơn giản làm sao, – anh nói. – Em sẽ hiểu ngay thôi. Em là, lẽ ra đã là điều thiếu vắng trong anh: một cá tính. Người ta biết rõ rằng con người không có cá tính, hoặc có nhưng không hoàn hảo, về mặt ý nghĩa đạo đức, là một người què quặt. Có những người như vậy. Nói chung như vậy cũng là hoàn hảo, chỉ thiếu một cánh tay hay một ống chân. Những con người này, khi có được cánh tay hay cái chân giả, sẽ trở nên hữu dụng, và có ích cho đời. Em đừng giận vì sự so sánh, em lẽ ra đã là tay hay chân giả cho anh... Một cánh tay hay cái chân giả của đạo đức. Hy vọng rằng anh không xúc phạm em? – anh hỏi, và cúi xuống nhìn tôi.

– Không, – tôi nói, – em không tin, anh Lajos ạ. Cá tính không thể thay thế được. Không thể mang đạo đức từ người này sang người khác bằng cách cấy trồng nhân tạo được. Đây chỉ là lý thuyết. Anh đừng giận.

– Không chỉ là lý thuyết. Đạo đức, em thấy đấy, không phải là thứ được di truyền, mà là thứ người ta tiếp nhận được. Con người không sinh ra đã có đạo đức. Đạo đức của thú dữ, hoặc của đứa trẻ, không giống đạo đức của ngài chánh án thành Vienna hay Amsterdam. Con người thu lượm được đạo đức của họ trong cuộc đời, giống như thu lượm phong cách, văn hóa của họ. – Lajos giảng giải rành rẽ, như một đức cha. – Có những người có được tính

cách dễ dàng hơn, đúng vậy, có những thiên tài–tính cách, giống như có những thiên tài thơ ca, những nhà soạn nhạc vĩ đại. Em cũng là một thiên tài–tính cách như vậy. Eszter ạ; đừng, đừng phản đối! Anh đã cảm nhận điều này ở em. Anh điếc đặc trong những vấn đề đạo đức, gần như là một kẻ mù chữ. Vì thế anh chạy trốn đến bên em; anh nghĩ, chủ yếu là vì thế.

– Em không tin, – tôi bướng bỉnh– Nhưng giả sử có như vậy đi, anh Lajos ạ, anh không thể mong cầu một người nào đó hãy chăm bẵm suốt cuộc đời mình những sinh linh bất hoàn hảo về mặt đạo đức. Một người đàn bà không thể là bà vú nuôi kiệt quệ của đạo đức suốt đời được.

– Một người đàn bà, một người đàn bà, – Lajos nói và phẩy tay. – Anh đang nói về em, Eszter ạ. Về em. – anh lịch sự nói nhanh.

– Một người đàn bà, – tôi nói và cảm thấy máu dồn lên mặt. – Em biết là anh đang nói về em. Đối với em, đã quá đủ việc suốt cả cuộc đời hãy là tấm gương mẫu mực cho một bụng dạ giả dối nào đó. Xin anh hiểu cho. Lúc này em nói ra cũng không còn ý nghĩa gì nữa ... nhưng có thể anh nói đúng, không thể im lặng suốt đời được. Em không tin vào những lý thuyết của anh nhưng em tin vào thực tế, anh Lajos ạ. Thực tế là anh đã lừa dối em; ngày xưa, người ta sẽ nói một cách mỹ miều là như này: “anh đã đánh bạc với tôi.” Anh là một tay cờ bạc quái lạ... mà thay vì dùng quân bài, anh đã dùng những đam mê và những con người để đánh. Em là một con đằm trong các ván bài của anh. Rồi anh đứng dậy bỏ đi... vì sao? Vì anh đã chán. Anh bỏ đi, chỉ vì anh chán. Đó là sự thật. Cái sự thật tàn khốc và phi đạo đức. Có thể ném đi một người đàn bà như ném một que diêm vì người ta say mê mãnh liệt, vì bản chất của người ta như thế, vì người ta không thể trói mình vào một người đàn bà, vì người ta muốn leo lên cao, vì tất cả mọi người và mọi thứ là công cụ đối với người ta. Em có thể hiểu... Hành động đó là xấu xa, nhưng còn có chút gì đó có tính người. Nhưng vì lơ đãng mà vứt bỏ một con người... thế này tồi tệ hơn. Không thể tha thứ vì đó là sự bất lương. Anh đã hiểu chưa?

– Nhưng anh đã gọi em. Eszter, – anh hạ giọng gần như thì thầm. – Em không nhớ ư? Ừ, thì anh là kẻ yếu đuối. Nhưng rồi anh đã tỉnh ngộ trong

giây phút cuối cùng, anh đã nhận ra chỉ có em mới cứu giúp được anh; anh đã gọi và van xin em; em không nhớ những bức thư của anh à?

– Em không biết những bức thư nào cả, – tôi nói và sợ hãi vì nghe cái giọng the thé chưa từng thấy của mình, gần như là chói tai. – Tất cả là dối trá. Những lá thư dối trá, cũng như chiếc nhẫn, như tất cả những gì anh đã nói và hứa hẹn với em. Em không biết về những bức thư, cũng không tin vào chúng. Mới đây, Eva có cho em hay là nó tìm thấy những bức thư gì gì đó... trong cái hộp gỗ hoa hồng... làm sao em biết được, đâu là sự thật? Em không tin anh! Em không tin cả Eva nữa! Em cũng không tin vào quá khứ. Tất cả là giả dối, là sự thông đồng cấu kết với nhau, là màn kịch được dựng sẵn với những đạo cụ, thư từ và những lời hứa hẹn mà trước đây chưa nói ra bao giờ. Em đã không đến nhà hát nữa rồi, anh Lajos ạ. Mười lăm năm nay, em không đến nhà hát, cũng chẳng đi đâu. Em chỉ biết hiện thực, anh hiểu không? – Hiện thực! Hãy nhìn em! Đây là hiện thực! Hãy nhìn vào mắt em! Em đã già. Cuộc đời thế là hết, như anh nói khi này, thật cảm động và kịch cỡm làm sao. Đúng, thế là hết, và anh là nguyên nhân làm cuộc đời trôi đi như thế, một cách trống rỗng, giả dối. Anh là nguyên nhân khiến em còn lại một mình, như một cô gái già cả đời hà tiện tình cảm để về già chỉ quanh quẩn với lũ mèo và chó. Anh cũng biết, em không bao giờ hà tiện tình cảm, chỉ bo bo cho mình, chẳng giữ đến cả mèo lẫn chó cho riêng em...

– Đúng, – anh thẳng thắn nói, đầu cúi xuống như người có tội. – Điều đó thật sự nguy hại.

– Nguy hại, – một cách vô tình, tôi cũng hạ giọng nói, rồi im lặng. Chưa bao giờ tôi nói chuyện một thôi một hồi, dồn dập và say sưa như thế. Giờ đây tôi đã cạn hơi.

– Vậy thì chúng ta hãy thôi đi, – tôi nói. Tôi chợt cảm thấy yếu đuối. Tôi không muốn khóc; tôi ngồi thẳng, hai tay khoanh trước ngực, nhưng mặt tôi trắng bệch, đến nỗi Lajos lo lắng hỏi:

– Em có cần một cốc nước không? Để anh gọi ai đó?

– Anh đừng gọi ai cả, – tôi nói. – Không quan trọng. Như vậy là em không còn khỏe nữa. Anh Lajos ạ, chừng nào người ta còn nghi ngờ lời nói hay tình cảm của ai đó, thì bấy giờ chỉ có thể xây dựng được một cuộc đời hoặc một mối quan hệ trên cái nền móng lỏng lẻo mà thôi. Cái nền móng đó có thể là “đầm lầy”, như người ta thường gọi, có thể là “bãi cát”. Anh biết không, cái anh xây dựng nên, một ngày nào đó sẽ sụp đổ... tuy nhiên, trong sự cố gắng ấy, có cái gì đó hiện thực, mang tính nhân sinh và định mệnh. Nhưng ai bị định mệnh trừng phạt bằng cách trao cho cái nền móng như con người anh, thì số phận của người đó đen tối hơn tất cả mọi thứ trên đời, vì một ngày nào đó, người ấy nhận ra, mình đã xây dựng tất cả trong khoảng không, trong hư vô. Những người khác dối trá vì bản tính của họ là như thế, hoặc vì phải tuân theo những lợi ích cá nhân, hoặc vì hoàn cảnh tức thời buộc phải thế. Nhưng anh thì nói dối, như mưa rơi; anh biết nói dối bằng những giọt nước mắt, bằng những việc làm. Điều này có thể rất khó khăn. Đôi khi em nghĩ, anh như một thiên tài... Thiên tài dối trá. Anh nhìn vào mắt em, hoặc chạm vào người em, rồi nước mắt anh rỏ, và em cảm thấy tay anh run, nhưng em biết là anh giả dối, anh luôn giả dối, ngay từ đầu. Cả đời anh là sự dối trá. Em cũng không tin vào cái chết của anh, đó cũng là sự dối trá. Vâng, anh là một thiên tài.

– Đây, – Lajos bình thản. – Dù thế nào đi nữa, anh có mang theo đây những bức thư cho em. Chính anh đã viết cho em. Chúng đây.

Và bằng một động tác tự mãn, không cầu kỳ, Lajos lấy mấy lá thư trong túi áo khoác của anh đưa cho tôi.

Bấy giờ, nội dung thư không làm tôi quan tâm lắm; tôi biết khả năng viết thư của Lajos. Nhưng tôi vẫn xem kỹ những chiếc phong bì. Trên cả ba phong bì đều có ghi tên và địa chỉ người nhận là tôi bằng chữ viết tay của Lajos. Ngày tháng trên con dấu bưu điện chứng tỏ rằng những bức thư đã được gửi cách đây hai mươi hai năm, trước ngày cưới của Vilma và Lajos một tuần. Một điều chắc chắn, tôi chưa bao giờ nhận được chúng. Ai đó đã lấy cắp. Ăn cắp những bức thư không phải là việc khó: Vilma vẫn luôn nhận thư, với sự tò mò kỳ lạ và tư cách người giữ chìa khóa hòm thư. Tôi xem xét kỹ lưỡng các phong bì rồi ném chúng lên mặt tủ, cạnh bức chân dung Vilma.

– Em không muốn đọc? – Lajos hỏi.

– Không, – tôi nói. – Để làm gì? Em tin, trong thư là những gì anh vừa nói. Không có ý nghĩa gì đáng kể. Lajos – tôi nói, gần như vui với điều chuẩn bị nói ra, – anh biết nói dối bằng cả thực tế nữa.

– Em chưa từng nhận những lá thư này à? – Lajos hỏi bình thản, vẻ như hoàn toàn không bận tâm đến những lời buộc tội của tôi.

– Chưa bao giờ.

– Ai đã lấy trộm các bức thư của anh?

– Ai đã lấy trộm? Vilma. Còn ai khác? Ai quan tâm?

– Tất nhiên rồi, – anh nói. – Người khác không thể lấy trộm được.

Lajos bước tới chiếc tủ, chăm chú soi qua soi lại con dấu và ngày tháng trên thư; sau đó anh cúi xuống nhìn tấm ảnh của Vilma, điệu xì gà trong tay anh tỏa ra những vòng khói dày đặc, trên môi anh hiện ra một nụ cười vui vẻ và dò hỏi; anh trầm ngâm nhìn bức ảnh, tựa hồ như không có tôi trong phòng, anh lắc đầu và huýt sáo khe khẽ, tiếng huýt sáo tán thưởng của một tên trộm khi khen ngợi chiến công của tên trộm khác. Anh đứng như thế, hai chân hơi giạng ra, một tay thọc trong túi áo khoác, một tay cầm điệu xì gà tỏa khói một cách sành sỏi và mãn nguyện.

– Khá đấy, – anh nói, rồi quay lại đứng đối diện cách tôi một bước chân, – nhưng vậy thì em muốn gì ở anh? Anh có tội gì? Những món nợ của anh? Thiếu sót lớn lao của anh? Anh nói dối những chuyện gì? Chỉ những thứ vụn vặt. Nhưng từng có lúc, – anh chỉ tay vào các bức thư, – anh không nói dối, anh đã chìa tay ra, bởi vì anh chao đảo, như một diễn viên xiếc ngất xỉu giữa lúc múa trên dây. Lúc đó em đã không cứu giúp. Không ai đưa tay cho anh. Vậy thì anh phải tiếp tục nhảy múa, bởi vì ở cái tuổi ba lăm, người ta không muốn bị rơi xuống... Em cũng biết anh không phải là người có tình cảm ủy mị khác biệt gì hơn, anh cũng không nặng đam mê. Cái làm anh quan tâm, là cuộc sống... những cơ hội... như em nói vừa nãy, những cuộc chơi... Anh không, không bao giờ là người đàn ông có thể vì một phụ nữ, vì một tình cảm đắm đuối đem tất cả đặt lên sòng bạc... Cũng không phải một nỗi đam mê không thể kháng cự được nào đó đã cuốn trôi anh đến bên em, giờ đây anh có thể nói với em như vậy. Em thấy đấy, anh không muốn em phải rơi nước mắt, anh không cần em phải cúi lòng. Như thế sẽ thành trò cười mà thôi. Anh đến không phải để van xin. Mà để đòi hỏi. Em hiểu chứ?... – Lajos nhẹ nhàng hỏi bằng một giọng nghiêm túc và thân tình.

– Để đòi hỏi? – tôi thì thầm. – Hay nhỉ. Vậy anh đòi hỏi đi.

– Đúng, – anh nói. – Anh sẽ đòi hỏi. Lẽ đương nhiên là anh không đòi hỏi gì từ phía em về mặt pháp luật và trên giấy tờ. Nhưng cũng có một loại luật pháp khác. Có lẽ em chưa biết đến, nhưng đây là lúc em cần phải biết rằng, bên cạnh pháp luật đạo đức, tồn tại một pháp luật khác, cũng đầy quyền lực như thế, cũng có giá trị như thế... anh phải nói như thế nào nhỉ... Em đoán ra chưa? Con người, thông thường không chịu nổi ý thức này. Em cần phải biết, không chỉ từ ngữ, lời thề và sự hứa hẹn ràng buộc con người lại với nhau, ngay cả tình cảm, mỗi thân tình cũng không quyết định được một quan hệ chân chính. Có một điều gì khác, một định luật nào đó, mạnh mẽ và khắt khe hơn quy định rõ ràng người này hay người kia có liên quan với người khác... như những kẻ tòng phạm. Cái định luật này đã quy định anh có liên quan với em. Anh biết định luật này. Hai mươi năm trước đây. Khi anh gặp em là anh biết đến nó. Chẳng có lý do gì để anh phải khiếm tốn

lúc này, anh chắc rằng, Eszter ạ, giữa hai chúng ta, anh là người có tính cách mạnh mẽ hơn. Dĩ nhiên, không phải là “nhân cách hơn” trong cái nghĩa mà những cuốn sách đạo đức rêu rao. Nhưng cũng vẫn là anh, gã đàn ông đang lão đảo, tên phản bội, kẻ bỏ trốn, anh là người, từ trong thâm tâm và bằng tất cả ý muốn, thủy chung với cái định luật thứ hai kia, cái định luật không có dấu vết trong sách vở và trong các bản dự luật nhưng lại là một định luật đích thực. Một định luật khắt khe... Em nghe đây. Định luật này của thế gian quy định rằng: sự việc, một khi đã bắt đầu thì cần phải kết thúc. Chẳng phải là cái gì vui sướng cả đâu. Không có cái gì đến đúng lúc, cuộc sống không cho chúng ta cái gì cả, khi mà chúng ta đã chuẩn bị xong. Sự hỗn loạn này, sự muộn màng này thật đau đớn trong một thời gian dài. Chúng ta ngỡ rằng ai đó đang đùa giỡn với chúng ta. Nhưng một ngày, chúng ta nhận ra, có một trật tự và một hệ thống tuyệt vời nằm trong tất cả... hai con người không thể gặp nhau sớm hơn một ngày, khi mọi điều kiện cho cuộc hội ngộ chưa chín muồi... Họ nắm bắt được, không phải bằng ý thích và niềm đam mê mà từ trong thâm tâm, giống như cuộc gặp của các vì tinh tú tuân theo những quy tắc không thể cưỡng lại của định luật thiên văn, trong không gian và thời gian vô tận, với độ chính xác gần như tuyệt đối; cái khoảnh khắc của vô tận không gian và hàng tỷ năm thời gian, chính là khoảnh khắc của họ. Anh không tin vào những cuộc gặp gỡ vô tình. Anh là đàn ông và anh quen biết nhiều phụ nữ... xin lỗi em, nhưng anh cần phải nói về chuyện này... anh quen biết những người phụ nữ xinh đẹp và sôi nổi, anh quen biết cả những người đàn bà mà trong họ tựa hồ hơi thở của quỷ sứ đang lớn vờn, anh cũng thấy những thiếu phụ tận Siberi đeo đuổi một gã đàn ông trong tuyết trắng giá lạnh, anh cũng từng gặp những lệnh bà cao cả, những người đã cứu giúp anh và trong thời gian ngắn, họ xua tan cái bầu không khí cô đơn quá độ của cuộc sống. Đúng vậy, anh đã quen biết tất cả họ, – anh nói khe khẽ, như một người đang hồi tưởng.

Sau đó, khi anh im lặng, tôi gượng gạo nói:

– Em vui là có một ngày anh vẫn đến với em, và khoe những mối quan hệ của anh.

Nhưng ngay lập tức tôi hối hận vì đã thốt ra những lời ấy; chúng chẳng ăn nhập với con người tôi, cũng không ăn nhập với những gì Lajos vừa nói. Anh bình thần nhìn tôi và lơ đãng cất tiếng:

– Anh phải làm gì, nếu anh cứ chờ đợi em mãi, – anh nói, gần như thân tình, không lên giọng, một cách lịch sự và nhún nhường.

– Anh phải làm gì? – anh lên giọng, – và em vớt vát được gì với lời tuyên bố muộn màng này mà cả nội dung và ý nghĩa đạo đức của nó đã không tồn tại nữa với tuổi đời của chúng ta? Không nên nói ra những điều như vậy. Những phép tắc đạo đức có giá trị gì mấy không, khi mà cần phải nói chuyện về thực tại! Eszter, em thấy đấy, cuộc hội ngộ gần như gây xúc động một cách bí ẩn hơn cuộc gặp gỡ đầu tiên... Anh biết điều này đã từ lâu. Gặp lại người mà ta thương yêu, nó chẳng giống như lén lút quay lại “hiện trường” bởi cái áp lực không thể chống cự lại, như trong các cuốn tiểu thuyết trinh thám hay nói ư?... Anh chỉ thương yêu em trong cuộc đời mình, không phải với một thứ nhu cầu khẩn khe nào đó và cũng không được trước sau như một, anh biết... Rồi đã xảy ra một cái gì đó, không chỉ là sự cố với những bức thư mà Vilma đã lấy trộm. Không chỉ riêng điều này. Em đã không thực sự muốn tình yêu này. Em đừng chống chế! Yêu một người nào đó thôi không đủ. Mà cần yêu một cách dũng cảm. Cần phải yêu, để làm sao cảm giác vụng trộm hay ý định chống phá, hay luật pháp của thánh thần hay của trần gian, cũng không ngăn cản được tình yêu ấy. Chúng ta đã không dũng cảm yêu nhau... Đấy là sự thật. Và là lỗi ở em, vì sự dũng cảm của đàn ông trong tình yêu là một việc nực cười. Đây là việc của bọn em, những người đàn bà, tình yêu... Bọn em chỉ lớn lao trong tình yêu. Ở đây, em đã thất bại tại đâu đó, và tất cả những gì có thể có trong đời, trách nhiệm, định mệnh, ý nghĩa cuộc sống, đều thất bại theo em. Không thể nói đàn ông phải phù hợp với một tình yêu. Hãy biết yêu một cách dũng cảm. Nhưng em đã phạm phải một điều xấu nhất mà một người đàn bà có thể mắc phải, em đã tự ái, bỏ chạy. Bây giờ em đã tin rồi chứ?

– Điều này có ý nghĩa gì? Có ý nghĩa gì, nếu em tin, hoặc nói rằng em đã bình tâm lại rồi? Có ý nghĩa gì cơ chứ? – tôi hỏi, giọng nói của tôi thật xa

lạ, nghe như giọng ai đó từ phòng bên vọng sang.

– Chính vì thế mà anh quay trở lại đây, – Lajos hạ giọng, vì trong phòng cũng đã sẫm tối và một cách vô tình chúng tôi nói chuyện khẽ khàng hơn, như thể mọi thứ, từ đồ vật đến những lời nói của chúng tôi cũng trở nên mờ tối cùng với ánh sáng nhập nhoạng trong phòng. – Anh muốn em phải biết, không có cái gì có thể tự ý kết thúc, có thể bỏ dở giữa chừng, giữa những con người với nhau... Không thể! – anh nói, và bật cười hài lòng. Anh vui vẻ xoa tay, như một tay cờ bạc đột nhiên nhận ra mình đã thắng ván bài tưởng năm chắc phần thua trong sự kinh ngạc và vui mừng khôn xiết. – Em có liên quan đến anh, cả lúc này, khi mà thời gian và khoảng cách đã xóa đi tất cả những gì từng được gậy dựng giữa hai chúng ta. Bây giờ thì em đã hiểu? Em là người chịu trách nhiệm về tất cả những gì đã xảy ra với anh trong cuộc đời, giống như anh cũng chịu trách nhiệm do em và vì em... theo cách của anh... đúng vậy, theo cách của một người đàn ông. Một lúc nào đó, em cần phải hiểu được điều này. Em cần phải đến với anh, với gia đình anh. Chúng ta mang theo Nunu nữa. Em nghe đây, Eszter, em phải tin anh lần này. Anh có lợi gì, nếu anh nói sai sự thật, sự thật cuối cùng, sự thật đúng như cái chết?... Thời gian đã thiêu rụi mọi giả dối nơi chúng ta. Những gì còn lại, đó là sự thật. Rằng em liên quan đến anh, cho dù em chạy trốn, cho dù anh vẫn là người như anh đã từng... Đúng, anh không tin là con người thay đổi... Em có liên quan đến anh, cả khi em biết, anh không thay đổi, anh vẫn là con người như xưa, gã đàn ông nguy hiểm và không thể tin được. Em không thể phủ nhận điều này. Em ngẩng đầu lên nào, hãy nhìn vào mắt anh... Tại sao em cúi đầu xuống như thế? Khoan, để anh thắp cái đèn này lên... Ở đây vẫn chưa có điện à?... Em xem kìa, trời đã tối mịt rồi.

Lajos bước lại gần cửa sổ, anh nhìn ra ngoài và đưa tay khép những cánh cửa liếp. Nhưng anh không thắp ngọn đèn trên bàn lên. Anh hỏi trong bóng tối:

– Tại sao em không nhìn anh đây?

Và khi thấy tôi không trả lời, từ xa, trong khoảng sáng mờ ảo, Lajos nói:

– Nếu em nghĩ là em hoàn toàn đúng, tại sao em không nhìn anh? Anh không có một thứ uy quyền gì đối với em. Anh không có một thứ quyền gì cả. Thế mà em cũng không làm gì được để chống lại anh. Em có thể đuổi anh đi hoặc không thể làm gì để chống lại anh. Em có thể buộc tội anh trong khi em biết rằng anh vô tội trước một người duy nhất, kẻ đó chính là em. Cuối cùng, vẫn có ngày anh trở về cùng em... Em vẫn còn tin vào những ngôn từ kiểu như niềm kiêu hãnh ư? Giữa những kẻ bị định mệnh trói buộc vào nhau, không có niềm kiêu hãnh. Đến với anh. Chúng ta sẽ dàn xếp tất cả. Cái gì sẽ tới? Chúng ta đang sống. Có lẽ, cuộc đời còn dành điều gì đó cho chúng ta. Rồi chúng ta sẽ sống lặng im. Thế giới đã quên anh. Ở đó, em sẽ sống cùng anh, với gia đình của anh. Không thể nào khác được, – anh cao giọng, giận dữ như một người cuối cùng đã hiểu và nhận ra điều gì đó rất đơn giản, rõ như ban ngày và thật xấu hổ nếu còn đem ra tranh cãi. – Anh không đòi hỏi ở em điều gì khác, ngoài việc một lần, lần cuối cùng trong đời, em hãy trung thành với cái mệnh lệnh, mà cũng chính là ý nghĩa và nội dung của cuộc đời em.

Bây giờ, tôi không còn nhìn thấy rõ Lajos ở trong bóng tối nữa.

– Em đã hiểu anh chưa? – anh hỏi từ xa, rất khẽ. Tiếng nói như từ dĩ vãng vọng về.

– Vâng, – tôi đáp, như một phản xạ trong mơ.

Trong khoảnh khắc này, một cảm giác tê liệt kỳ lạ dần lan tỏa khắp thân thể tôi, cái cảm giác mà một người mộng du có thể cảm thấy khi bắt đầu cuộc dạo chơi nguy hiểm; tôi hiểu tất cả những điều xảy ra xung quanh, hiểu ra ý nghĩa của tất cả những hành vi và lời nói của mình, tôi nhìn rõ những con người xung quanh tôi và cả những gì bị che khuất đi dưới cái vè ngoài khéo léo và những thói quen của họ; đồng thời tôi biết rằng, trong cơn mộng chập chờn tỉnh thức đó, tôi vẫn đang hành động một cách rõ ràng và sáng suốt. Tâm trí tôi thanh thản, gần như sáng khoái. Tôi cảm thấy trong mình nhẹ nhõm hẳn, mọi nỗi ưu tư, sầu não tan biến đi đâu hết. Dù sao, tôi đã hiểu một điều gì đó trong giây phút này: vượt qua những lời nói của Lajos, có một điều mạnh mẽ hơn, thông minh hơn và đầy quyền uy hơn tất

cả những gì Lajos đã làm hay dự định làm để hại tôi. Tất nhiên, tôi không tin lời nào của anh... nhưng sự hoài nghi này làm tôi khuây khỏa. Trong lúc Lajos nói, tôi hiểu ra điều gì đó, và có lẽ tôi đã không thể diễn đạt bằng những ngôn từ chặt chẽ, ý nghĩa của sự thật giản đơn và êm đềm này. Lajos, đương nhiên là lúc này anh vẫn nói dối... tôi không biết ở đâu và trong cái gì cụ thể, nhưng anh đang nói dối. Có lẽ anh nói dối không chỉ bằng lời lẽ và cảm xúc mà cả bằng thực thể là anh, Lajos. Anh không thể làm khác được, ngay lúc này cũng như trước đây. Bỗng dưng, tôi nhận thấy mình đang cười phá lên; tôi bật cười, không phải một cách “chế giễu”, mà thật lòng và sảng khoái. Lajos không thể hiểu tại sao tôi cười.

– Em cười gì vậy? – anh nghi ngại hỏi.

– Không có gì, – tôi đáp. – Anh nói tiếp đi.

– Em đồng ý chứ?

– Vâng, – tôi trả lời. – Chuyện gì? À, vâng, em đồng ý, – tôi nói nhanh.

– Thế thì tốt, – Lajos nói. – Vậy thì... Eszter, em nghe đây, em không được nghĩ rằng một điều gì đó có thể xảy ra để chống lại hay làm hại em. Cần phải thu xếp mọi việc một cách đơn giản và chính đáng. Em đi với gia đình anh. Cả Nunu nữa... có thể không phải ngay lập tức... mà muộn hơn. Eva sẽ đi lấy chồng. Cần phải chuộc lại Eva, – anh hạ giọng, như đang nói với kẻ đồng lõa. – Cả anh nữa... Em vẫn chưa hiểu được... Nhưng em tin anh chứ? – Lajos phân vân hỏi nhỏ.

– Anh cứ nói đi, – tôi nhỏ nhẹ trả lời anh, cũng bằng giọng đồng lõa. – Dĩ nhiên là em tin anh.

– Chỉ có điều này là quan trọng, – anh hài lòng lẩm bẩm.

– Em đừng nghĩ, – Lajos nói, to tiếng hơn, – anh lạm dụng lòng tin của em. Anh không muốn em quyết định khi có anh ở đây. Để anh gọi Endre. Endre là bạn của gia đình. Là người nhà nước, là công chứng viên. Em hãy ký trước mặt anh ấy, – anh phấn khích nói.

– Ký cái gì?– tôi thì thảo hỏi, theo kiểu của một kẻ thông đồng đã ưng thuận thực hiện phi vụ, và chỉ hỏi thêm về chi tiết mà thôi.

– Văn bản này, – Lajos nói. – Văn bản mà nhờ nó chúng ta sẽ thu xếp được mọi việc, để em có thể đến với anh và sống ở đó...

– Với anh? – tôi hỏi lại.

– Với gia đình anh, – anh nói, giọng anh càng có vẻ đần độn hơn. – Với gia đình anh... Ở gần gia đình anh.

– Khoan đã, – tôi nói. – Trước khi anh ra gọi bác Endre... và em ký... Có lẽ, anh nên nói điều này rõ hơn ... Anh muốn nói, em hãy bỏ lại đây tất cả và đi theo anh. Điều này em hiểu. Rồi sau đó, là gì ? Em phải sống ở đâu, ở gần anh...

– Anh nghĩ rằng, – Lajos chậm rãi nói một cách thông thả và chung chung, – ở gần gia đình anh. Căn hộ của gia đình anh, đáng tiếc, không tiện cho em... Nhưng có một khu nhà gần đấy, nơi các mệnh phụ... Hết sức gần. Và chúng ta sẽ thường xuyên gặp nhau, – anh nói với giọng đầy thiện cảm, khích lệ.

– Một kiểu nhà tế bần nào đó, đúng không?... tôi điềm nhiên hỏi.

– Nhà tế bần!– anh phật ý. – Từ với ngữ! Anh nói, đó là khu nhà, nơi các mệnh phụ thực thụ sống ở đó... Như em và Nunu.

– Như em và Nunu, – tôi tiếp.

Lajos còn đợi một lúc. Sau đó anh lại gần bàn, móc hộp điềm trong túi ra, và châm đèn lên một cách lóng ngóng.

– Em nghĩ kỹ đi, – Lajos nói. – Em hãy suy nghĩ, Eszter ạ. Anh sẽ bảo Endre đến. Em hãy cân nhắc kỹ càng. Và đọc hết cái văn bản này rồi hăng ký. Hãy đọc kỹ.

Anh lôi trong túi áo khoác ra một tờ giấy gấp làm tư, đặt lên bàn bằng một động tác giản dị. Lajos nhìn tôi lần nữa, với nụ cười thân thiện và khích lệ, anh hơi cúi mình, rồi với những bước chân trẻ trung, nhanh nhẹn anh đi ra khỏi phòng.

20.

XIX

Mấy phút trôi qua, Endre bước đến chỗ tôi và tôi đã ký vào một văn bản kiểu như hợp đồng ủy quyền cho Lajos bán ngôi nhà và khu vườn. Đây là một bản hợp đồng nghiêm chỉnh, đầy rẫy thuật ngữ pháp luật và được viết với một kỹ năng mang vẻ khoa trương, mỹ miều, như những lá chúc thư và hợp đồng hôn nhân. Lajos gọi là “hợp đồng đôi bên”. Một bên là tôi, bên kia là Lajos, người để đánh đổi quyền sở hữu căn nhà và khu vườn, phải có trách nhiệm chăm lo cho Nunu và tôi “đến cuối đời trong những điều kiện phù hợp”. Những điều kiện của sự “chăm lo” này không được liệt kê rõ ràng trong văn bản.

– Lajos đã nói tất cả với tôi, – Endre nói khi chúng tôi ngồi xuống đối diện nhau bên chiếc bàn tròn. – Eszter ạ, tôi có trách nhiệm phải cảnh báo em rằng Lajos là một con người đê tiện.

– Vâng, – tôi nói.

– Trách nhiệm của tôi là phải cảnh báo rằng cái dự định và ý đồ mà anh ta dùng để đánh lừa các em là nguy hại, dù Lajos có làm đúng theo những điều kiện hợp đồng. Các em, Eszter thân mến ạ, nhờ công lao của Nunu và nhờ vào khu vườn đã có được cuộc sống ở đây, tuy eo hẹp một chút nhưng bình yên. Dự định của Lajos dưới con mắt của một người xa lạ thì có thể là một cái gì đó mang tình người... Nhưng tôi không tin vào tình người của Lajos. Tôi biết rõ con người anh ta hai mươi năm nay rồi. Một con người như thế, một tính cách như vậy, như Lajos, không thể thay đổi.

– Không, – tôi nói, – anh ấy cũng nói là anh ấy không thay đổi.

– Anh ta cũng nói thế? – Endre hỏi. Bác gỡ cặp mực kính, chớp chớp đôi mắt cận thị nhìn tôi. Bác có vẻ bối rối. – Anh ta nói gì cũng thế thôi. Bây giờ anh ta thật lòng chứ? Thật lòng thực sự? Chẳng có nghĩa lý gì. Tôi đã từng trải qua những tình huống thật lòng với Lajos. Hai mươi năm trước nếu em còn nhớ, Eszter... Tôi đã im lặng suốt hai mươi năm. Nhưng giờ là lúc tôi phải nói ra. Hai mươi năm trước khi Gabor, cha của em, Eszter thân mến ạ... xin em thứ lỗi, ông là bạn tốt của tôi, người anh em tử tế của tôi... như

vậy, hai mươi năm trước khi cha em từ trần, và tôi, một người bạn và một công chứng viên, có nhiệm vụ cay đắng là thu xếp của cải thừa hưởng của em, lúc đó đã phát hiện ra, Lajos đã làm giả những tấm ngân phiếu ký tên ông cụ. Em có biết chuyện này không?

– Tôi có nghe loáng thoáng, – tôi nói. – Mọi người có nhắc đến chuyện gì đó... Nhưng không thể chứng minh được.

– Chính là vì không chứng minh được, – Endre nói, tay lau lau mắt kính. Tôi chưa bao giờ thấy bác ấy lúng túng như thế. – Trong tập giấy thừa kế, chúng tôi tìm thấy bằng chứng về việc Lajos đã làm giả những tấm ngân phiếu. Nếu hồi đó chúng tôi không thu xếp công việc... Eszter thân mến, thì ngôi nhà và khu vườn này đã không còn nữa. Bây giờ tôi có thể nói toạc móng heo. Không dễ dàng gì... Bấy nhiêu là đủ, lúc đó tôi đã trải qua những tình huống thật lòng với Lajos. Tôi còn nhớ như in cảnh tượng đó; những cảnh tượng thuộc loại như thế không thể quên được dù sau cả một cuộc đời dằng dặc. Tôi xin nhắc lại, Lajos là một con người đê tiện. Tôi là kẻ duy nhất trong số chúng ta không bị thủ đoạn của Lajos mê hoặc. Lajos biết điều này, anh ta biết rõ... Anh ta sợ tôi. Giờ đây, khi anh ta xâm nhập vào ngôi nhà này, theo nhiều dấu hiệu, anh ta tìm cách cướp đi tất cả những gì còn lại, phá tan cuộc sống bình yên của em và Nunu, phá tan cái hòn đảo nhỏ nghèo nàn này, nơi em và Nunu trú ngụ sau vụ đắm thuyền. Trách nhiệm của tôi là phải cảnh báo em. Đúng là bây giờ Lajos lừa đảo thậm trọng hơn. Không bằng các tấm ngân phiếu. Có vẻ như anh ta đã bị dồn vào tình thế chó ở chân tường, không còn cách nào khác đành phải quay lại đây, với cố là chia tay, nhưng lại tìm cách cướp đi tất cả những gì còn lại... Nếu em giao tặng ngôi nhà và khu vườn, sau này người ta không thể làm gì được anh ta về mặt pháp luật. Không ai làm gì được anh ta. Chỉ tôi... nếu em muốn.

– Bác có thể làm gì được anh ấy? – tôi ngạc nhiên hỏi.

Endre cúi đầu nhìn đôi giày cao cổ cài khuy của mình.

– Hừm, tôi... – bác bối rối, trông có vẻ rất ngượng nghịu. – Em cần phải biết, hồi đó tôi đã nhẹ dạ và đã cứu thoát Lajos. Tôi đã cứu anh ta khỏi

ngôi tù. Bằng cách nào? Cũng không còn quan trọng nữa. Hồi đó, đã phải đền trả các tấm ngân phiếu để em và mọi người có thể ở lại trong ngôi nhà... Không phải tôi muốn cứu Lajos. Để cứu anh ta, chỉ cần thanh toán các tấm ngân phiếu là đủ. Rồi em và mọi người sẽ được sống bình an và yên ổn. Mà tôi đã thả Lajos chạy thoát. Nhưng những tấm ngân phiếu giả, tất cả những tang vật lừa đảo thì tôi đem cất đi và giữ kín. Đến nay, tất cả đã hết hiệu lực trước pháp luật. Nhưng Lajos biết, số phận anh ta ở trong tay tôi kể cả khi pháp luật đã để anh ta tuột khỏi móng vuốt của mình. Vậy nên Eszter thân mến, tôi đề nghị em hãy ủy nhiệm cho tôi được nói chuyện với Lajos, tôi phải trả lại anh ta cái... hờm, cái văn bản này... Và tổng khứ tất cả những kẻ lạ ra khỏi nơi đây. Họ sẽ đi khỏi, nếu tôi muốn thế. Em hãy tin đi, – Andre bình tĩnh nói.

– Tôi tin, – tôi nói.

– Vậy thì... – Andre nói một cách quả quyết và bắt đầu cử động.

– Tôi tin, – tôi nói nhanh, với nhịp thở đứt quãng. Tôi cảm thấy Andre không thể hiểu được điều này, bác không thể cam chịu, không bao giờ bác hiểu được một cách thực sự. – Và tôi rất cảm ơn bác... Chỉ bây giờ tôi mới hiểu và tôi cũng không biết phải cảm ơn bác thế nào. Nhưng như vậy là tất cả những gì còn lại sau khi cha tôi mất, đều là nhờ ơn bác, bác Andre thân mến? Nếu không có bác hồi đó, hai mươi năm trước... thì ngôi nhà và khu vườn này đã không còn, không còn gì cả. Và mọi việc sẽ diễn ra khác hẳn, cả cuộc đời của tôi nữa... Tôi sẽ sống ở nơi khác, một nơi xa lạ... Có phải vậy không?

– Không hoàn toàn như thế, – bác bối rối nói. – Và không phải chỉ có tôi, một mình... Bây giờ tôi đã có thể nói. Hồi đó Tibor cấm tôi. Anh ấy cũng giúp đỡ. Như một người bạn của cụ Gabor, anh ấy thật tình và vui lòng giúp đỡ. Tất cả chúng tôi mắc nợ bấy nhiêu, – Andre nói nhỏ, nét mặt bác khổ sở và lúng túng.

– Ồ, Tibor... – tôi nói, và áy náy bật cười.

– Người ta cứ sống, – tôi nói nhanh, – mà không biết gì cả. Không biết rằng có một điều gì đó rất tồi tệ, và cũng không biết rằng cùng lúc, đã xảy ra một điều gì đó tốt đẹp. Không thể cảm ơn hết được điều tốt đẹp ấy. Nhưng điều khó khăn hơn...

– Là đuổi cổ Lajos khỏi đây?... Endre nghiêm chỉnh hỏi.

– Đuổi Lajos đi... – tôi máy móc nhắc lại. – Vâng, bây giờ sẽ khó khăn đây. Lát nữa anh ấy sẽ đi khỏi đây, cùng những đứa trẻ và những người xa lạ kia... Không lâu nữa họ sẽ khởi hành, họ muốn lên đường khi trời vẫn sáng. Lajos đi khỏi đây. Nhưng ngôi nhà và khu vườn... ừ, phải, tôi đã giao toàn bộ cho anh ấy. Tôi đã ký văn bản này... và tôi đề nghị bác, bác Endre ạ, hãy nói với Lajos là anh ấy phải có trách nhiệm chăm lo Nunu sau này. Anh ấy phải hứa. Không, lời hứa của anh ấy chẳng có giá trị, bác nói đúng... Phải bằng cách nào đấy viết ra cho chắc chắn về mặt luật pháp... trên giấy trắng mực đen, có công chứng đảng hoàng... Anh ấy phải dùng một khoản tiền từ số tiền bán nhà để mua cổ phiếu đứng tên Nunu. Nunu không cần nhiều đâu. Việc này có làm được không bác?...

– Được, – Endre nói. – Có thể làm được tất cả. Nhưng còn em, Eszter, em thì sao?

– Vâng, với tôi thì sao đây, – tôi nói, – Chính là về việc này. Lajos có đề nghị tôi hãy rời khỏi đây và đến sống gần anh ấy... Không phải là với anh ấy... Anh ấy cũng không nói chính xác là như thế nào. Nhưng việc này cũng không quan trọng, – tôi nói nhanh khi thấy Endre rầu rĩ nhìn tôi, bác giơ tay muốn ngăn lời tôi. – Tôi muốn giải thích cho bác và Tibor biết, bác Endre à, cả cho Laci nữa, mọi người đã thật tốt bụng với chúng tôi... Với Nunu thì tôi không cần giải thích, Nunu hiểu được... Bà là người duy nhất, mà có lẽ đầu tiên hiểu được là hai mươi năm trước, tất cả mọi việc đã cần phải làm chính xác như ngày hôm nay. Nunu có lẽ hiểu được. Tôi nghĩ, chỉ có phụ nữ mới thực sự hiểu điều này, những người phụ nữ không còn trẻ nữa và không chờ đợi điều gì từ cuộc sống... Như Nunu và tôi.

– Tôi không hiểu, – Endre thiếu não nói.

– Tôi cũng không muốn bác phải hiểu, – tôi nói, và tôi cầm lấy tay bác, hoặc chạm đầu ngón tay vào khuôn mặt râu ria già nua và âu lo của bác, một khuôn mặt đàn ông buồn rầu và thông minh, con người không bao giờ tìm cách sẵn số đến gần tôi, nhưng lại giúp tôi có được một cuộc sống lương thiện, xứng đáng với nhân phẩm con người trong hai mươi mấy năm qua. – Bác là một người, bác Endre, một người đàn ông tuyệt vời và đích thực, lúc nào cũng cố gắng tuân thủ đúng những gì mà pháp luật, tập tục hay lí trí đã khôn ngoan chỉ rõ. Nhưng đàn bà chúng tôi không thể thông thái và rành rẽ ở mọi lúc như thế được... giờ đây tôi đã hiểu rằng đó không phải là công việc của chúng tôi. Nếu hai mươi năm trước, tôi là kẻ khôn ngoan và chân tình thực sự thì một đêm, tôi đã trốn khỏi ngôi nhà này cũng Lajos, chồng chưa cưới của chị tôi, kẻ đã làm giả ngân phiếu, gã đàn ông dối trá nổi tiếng, cặn bã của nhân loại, như Nunu, người thích dùng những từ ngữ mạnh mẽ hay gọi. Tôi lẽ ra phải làm điều này, nếu tôi dũng cảm, khôn ngoan, và chân tình, hai mươi năm trước... Điều gì đáng lẽ sẽ xảy ra? Tôi không biết. Có thể không có gì tươi sáng hay tốt lành đặc biệt. Nhưng lúc đó, ít ra tôi đã tuân theo một định luật hay điều răn mạnh mẽ hơn những định luật của đời và của lí trí... Giờ thì bác đã hiểu phải không? Vì tôi đã hiểu... Tôi đã hiểu, nên tôi giao ngôi nhà và khu vườn này cho Lajos và Eva, vì tôi nợ họ bấy nhiêu... Tôi nợ họ tất cả những gì còn lại của tôi... Rồi sau này, điều gì đó sẽ đến.

– Em sẽ đi khỏi đây? – Endre hỏi nhỏ.

– Tôi không biết, – tôi nói; và tự nhiên tôi mệt lả. – Tôi vẫn không biết, theo trình tự như thế, cái gì sẽ đến với tôi. Chỉ muốn rằng bác hãy đưa cái văn bản này cho Lajos... vâng, tôi đã ký... còn bác, bác Endre, bác hãy ghi vào cái văn bản này một điều khoản gì đó chắc chắn và đúng luật lệ về cái khoản tiền ít ỏi dành riêng cho Nunu, để nó đừng mất đi trong tay Lajos. Bác hứa chứ?

Nhưng Endre không trả lời câu hỏi của tôi. Bác cầm hợp đồng lên, bằng hai ngón tay, như cầm một đồ vật dơ bẩn và khả nghi.

– Hừm, vâng, – Endre nói nhỏ. – Điều này, đương nhiên tôi chưa biết.

Tôi nắm tay bác, nhưng lập tức buông ra:

– Xin bác thứ lỗi, – tôi nói, – nhưng không ai hỏi tôi về chuyện này, rờng rã hai mươi năm trời. Bác không hỏi, cả Tibor nữa... Và có lẽ, chính tôi cũng không biết một cách chắc chắn. Lajos nói đúng, bác Endre à, anh ấy nói rằng trên đời tồn tại một định luật vô hình nào đó, và con người ta rốt cuộc cũng phải kết thúc cái điều đã bắt đầu một khi nào đó... Bằng cách nào đó có thể... Và giờ đây, chúng ta đang làm cái việc kết thúc đó, – tôi nói, rồi đứng dậy.

– Phải, – Endre nói, tờ văn bản cầm trên tay, đầu cúi xuống. – Có lẽ tôi nói cũng hơi thừa, rằng giả sử em có nghĩ lại... bây giờ hoặc trong tương lai... Chúng tôi luôn có ở đây, Tibor và tôi.

– Điều này có lẽ bác chẳng cần phải nói ra, – tôi nói; và mỉm cười với bác.

Gần nửa đêm, tôi nghe thấy tiếng những bước chân của Nunu; Nunu bước chậm rãi trên các bậc cầu thang gỗ ọp ẹp, khô mục, từng ba bậc một, Nunu dừng lại nghỉ và đằng hắng nhẹ một tiếng. Cũng như đêm qua, vào giờ này, Nunu dừng lại trên bậc cửa, với cây nến chập chờn trong tay. Vẫn trong bộ đồ màu đen trang trọng duy nhất mặc lúc ban ngày mà có lẽ Nunu không có thời gian để thay.

– Con chưa ngủ, – bà nói và ngồi xuống giường bên cạnh tôi; Nunu để cây giá nến lên bàn.

– Con có biết là họ mang đi cả những lọ mứt?

– Không, – tôi nói; rồi ngồi dậy trên giường, và bắt đầu bật cười.

– Chỉ những lọ mứt đào thôi, – Nunu lãnh đạm thông báo. – Cả hai mươi lọ. Eva, cháu nó xin. Cả những bông thược dược còn lại ngoài vườn nữa, họ cũng lấy đi. Chẳng sao. Giá còn thì đến giữa tuần chúng sẽ nở rộ.

– Ai lấy những bông thược dược? – tôi hỏi.

– Người đàn bà.

Nunu đằng hắng, bà khoanh tay ngồi thẳng, bình thản và tự chủ, như bà vẫn xử sự mọi lúc. Tôi cầm lấy bàn tay không lạnh, cũng không nóng của Nunu.

– Để kệ họ lấy đi, Nunu à, – tôi nói.

– Tất nhiên rồi, – Nunu cũng nói. – Họ cứ việc, con à. Nếu không thế khác được.

– Con không xuống được để cùng ăn tối, – tôi còn nói thêm, và siết tay Nunu nài nỉ. – Nunu đừng giận. Họ không ngạc nhiên à?

– Không. Họ chỉ không nói gì. Ta nghĩ họ không ngạc nhiên.

Chúng tôi nhìn lười lửn nến chập chờn. Tôi cảm thấy lạnh.

– Nunu yêu quý, – tôi yêu cầu. – Nunu hãy đóng hộ con những cánh cửa sổ. Và ở kia, trên giá tủ có ba lá thư. Xin Nunu vui lòng mang lại đây

cho con.

Nunu chậm rãi đi ngang phòng, thi thoảng bóng bà phình lớn trên tường. Nunu đóng những tấm cửa liếp, cầm mấy lá thư đến rồi đắp lại chăn cho tôi và ngồi xuống bên mép giường, hai tay khoanh vào nhau với vẻ trang nghiêm trong bộ quần áo ngày lễ, cứ như đang trong một lễ hội cuộc đời kì dị nào đó... một lễ hội khác thường, không phải đám cưới, cũng chẳng phải đám tang. Nunu cứ ngồi như thế và im lặng.

– Nunu hiểu? – tôi hỏi.

– Ta hiểu, ta hiểu, con ạ, – Nunu nói và ôm lấy tôi.

Chúng tôi ngồi như vậy, và chờ cho ngọn nến cháy tàn, hoặc chờ những cơn gió lùa rít quanh ngôi nhà từ lúc nửa đêm rung giật cây cối trong vườn thôi đừng thôi nữa, hoặc chờ chóng đến bình minh; tự tôi cũng không biết chúng tôi chờ đợi điều gì. Tôi rùng mình.

– Con mệt đấy, – Nunu nói và đắp lại chăn.

– Vâng, – tôi nói. – Con cảm thấy rất mệt. Nunu biết không, tất cả thật là nhiều đối với con. Con muốn ngủ. Nunu quý mến, đọc cho con ba lá thư này đi.

Nunu lấy chiếc kính lão từ trong túi áo choàng, và chăm chú xem những bức thư.

– Lajos viết, – Nunu nói.

– Nunu nhận ra chữ viết của anh ấy à?

– Ừ, con mới nhận?

– Mới.

– Lajos viết khi nào?

– Hai mươi năm trước.

– Do lỗi của bưu điện hay sao mà đến bây giờ con mới nhận được?... – Nunu tò mò và giận dỗi hỏi.

– Không, không phải do lỗi của bưu điện, – và tôi mỉm cười.

– Thế do lỗi của ai?

– Của Vilma.

– Cô ta đã lấy trộm?...

– Vâng.

– Ra vậy, – Nunu nói và thở dài. – Người hãy yên nghỉ. Ta chưa bao giờ yêu quý cô ấy.

Nunu chỉnh lại gọng kính trên sống mũi, và nghiêng người về phía ngọn nến, và bắt đầu đọc một trong ba bức thư với giọng khẽ khàng như tiếng hát của cô nữ sinh:

– “Người yêu trăm quý ngàn thương duy nhất trên đời của anh, – Nunu đọc, – cuộc đời đang đùa vui một cách kì diệu với chúng ta. Anh không có niềm hy vọng nào khác ngoài việc đi tìm, và cuối cùng đã gặp em trong đời...”

Nunu ngừng đọc, lấy tay đẩy gọng kính lên trán, rồi với đôi mắt long lanh những giọt nước mắt xúc động vì thán phục thực sự, bà quay về phía tôi:

– Anh ấy biết viết những bức thư mới tuyệt diệu làm sao!

– Vâng, – tôi nói. – Nunu đọc tiếp đi. Anh ấy là người có khiếu viết thư mà.

Nhưng ngọn gió cuối tháng Chín, cho đến lúc này vẫn quỳ quật gầm rít quanh nhà, giờ đây như thể mang tin báo về từ một nơi nào đó, giật tung cánh cửa sổ khiến những tấm rèm bay phần phật, chạm vào và làm dịch chuyển các đồ vật quanh phòng. Rồi gió thổi ngọn nến tắt phụt. Cảnh đó in rõ trong tâm trí tôi, sau đó tôi mơ màng thấy Nunu khép những cánh cửa lại, rồi ngủ thiếp đi.

Notes

[←1]

Theo Kinh Thánh, con cháu đời thứ mười của Adam và Eva phạm quá nhiều tội lỗi khiến Thượng đế nổi giận và gây ra cơn Đại hồng thủy để trừng phạt (Mọi chú thích đều của người dịch).

[← 2]

Tên một viên kim cương thuộc hàng lớn nhất thế giới, được phát hiện vào năm 1304 tại miền Nam Ấn Độ, hiện thuộc sở hữu của Hoàng gia Anh.

[← 3]

Một loại chó săn được ưa chuộng ở Hungary.

[← 4]

Lương thực của Thượng đế, theo Kinh Thánh.

Table of Contents

[Vài nét về Márai Sándor](#)

[I](#)

[II](#)

[III](#)

[IV](#)

[V](#)

[VI](#)

[VII](#)

[VIII](#)

[IX](#)

[X](#)

[XI](#)

[XII](#)

[XIII](#)

[XIV](#)

[XV](#)

[XVI](#)

[XVII](#)

[XVIII](#)

[XIX](#)

[XX](#)